

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

-----



ISO 9001:2008

# **KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

**NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Nguyễn Thị Thu Trang**  
**Giảng viên hướng dẫn: CN.KTT. Tô Thúy Hoa**

**HẢI PHÒNG - 2013**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

-----

**HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU  
CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH  
TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ MÁY TÀU THỦY  
AN PHÚ**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY  
NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Nguyễn Thị Thu Trang  
Giảng viên hướng dẫn: CN.KTT. Tô Thúy Hoa**

**HẢI PHÒNG - 2013**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP**

Sinh viên: Nguyễn Thị Thu Trang Mã SV: 1354010031

Lớp : QT1306K Ngành: Kế toán - Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu chi phí và xác định  
kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần vật tư máy tàu thủy An Phú

# NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp  
( về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).
  - Tìm hiểu những vấn đề cơ bản về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh
  - Đi sâu vào nghiên cứu và mô tả thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh
  - Đưa ra những nhận xét chung về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại các doanh nghiệp nói chung và tại đơn vị thực tập nói riêng.
  - Tìm ra một số biện pháp nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại đơn vị
2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.
  - Sử dụng số liệu năm 2012
3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.  
Tên đơn vị : Công ty Cổ phần vật tư máy tàu thủy An Phú  
Địa chỉ: Số 512 Tôn Đức Thắng xã An Đồng huyện An Dương  
thành phố Hải Phòng

## **CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP**

### **Người hướng dẫn thứ nhất:**

Họ và tên: Tô Thúy Hoa

Học hàm, học vị: CN.KTT

Cơ quan công tác:

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần vật tư máy tàu thủy An Phú

### **Người hướng dẫn thứ hai:**

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 25 tháng 03 năm 2013

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 29 tháng 06 năm 2013

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

*Sinh viên*

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

*Người hướng dẫn*

**Tô Thúy Hoa**

*Hải Phòng, ngày ..... tháng.....năm 2013*

**Hiệu trưởng**

**GS.TS.NGƯT *Trần Hữu Nghị***

## PHẦN NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

**1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:**

.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....

**2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):**

.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....

**3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):**

.....  
.....  
.....

*Hải Phòng, ngày ... tháng ... năm 2013*

**Cán bộ hướng dẫn**

*(Ký và ghi rõ họ tên)*

## MỤC LỤC

<b>LỜI MỞ ĐẦU</b> .....	1
<b>CHƯƠNG I MỘT SỐ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP</b> .....	2
1.1. Khái quát chung về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....	2
1.1.1 Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp .....	2
1.1.2 Vai trò của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....	3
1.1.3 Yêu cầu, nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định KQKD ..	3
1.1.4 Một số khái niệm, thuật ngữ liên quan đến doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh .....	4
1.1.4. Bán hàng và các phương thức bán hàng của doanh nghiệp.....	7
1.2. Tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp .....	8
1.2.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu .....	15
1.2.3. Kế toán giá vốn hàng bán trong doanh nghiệp .....	17
1.2.4 Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.....	22
1.2.5 Kế toán doanh thu chi phí hoạt động tài chính trong doanh nghiệp .....	26
1.2.6. Kế toán doanh thu chi phí khác trong doanh nghiệp .....	28
1.2.7Kế toán xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....	29
1.2.8. Vận dụng hệ thống sổ sách vào tổ chức kế toán doanh thu chi phí và	
<b>CHƯƠNG II THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ MÁY TÀU THỦY AN PHÚ</b> .....	35
2.1 KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY VẬT TƯ MÁY TÀU THỦY AN PHÚ ....	35
2.1.1 Lịch sử hình thành và phát triển của công ty cổ phần vật tư máy tàu thủy An Phú.....	35

2.1.2	Đặc điểm kinh doanh của công ty CP vật tư máy tàu thủy An Phú .....	35
2.1.3	Những khó khăn và những thành tích đã đạt được trong các năm gần đây .	36
2.1.4	<b>BỘ MÁY TỔ CHỨC QUẢN LÝ CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ MÁY TÀU THỦY</b> .....	37
2.2	Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần vật tư máy tàu thủy An Phú .....	42
2.2.1	Kế toán doanh thu tại công ty cổ phần vật tư máy tàu thủy An Phú ....	42
2.2.3.	Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu .....	68
2.2.4	Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lí doanh nghiệp.....	73
2.2.5.	Kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính.....	86
2.2.6.	Kế toán thu nhập khác, chi phí khác .....	96
2.2.7.	Kế toán xác định kết quả kinh doanh .....	106
	<b>CHƯƠNG III MỘT SỐ Ý KIẾN ĐỀ XUẤT NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ MÁY TÀU THỦY AN PHÚ</b> .....	114
3.1.	Đánh giá chung về tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần vật tư máy tàu thủy An Phú ..	114
3.1.1.	Ưu điểm.....	114
3.1.2.	Nhược điểm .....	116
3.2.	Một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của Công ty cổ phần vật tư máy tàu thủy An Phú. ....	117
	<b>KẾT LUẬN</b> .....	125
	<b>DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO</b>	



## LỜI MỞ ĐẦU

Kế toán là một trong những công tác quan trọng trong quản lý kinh tế. Mỗi nhà đầu tư hay một cơ sở kinh doanh cần phải dựa vào công tác kế toán để biết tình hình và kết quả kinh doanh.

Hiện nay nước ta đang trong quá trình chuyển đổi kinh tế mạnh mẽ sang nền kinh tế thị trường có sự quản lý của nhà nước. Công tác quản lý đang đứng trước yêu cầu và nội dung quản lý có tính chất mới mẻ và phức tạp, là một công cụ thu thập và xử lý và cung cấp thông tin về các hoạt động kinh tế cho nhiều đối tượng khác nhau bên trong cũng như bên ngoài doanh nghiệp nên công tác kế toán cũng trải qua những cải biến sâu sắc, phù hợp với thực trạng nền kinh tế. Việc thực hiện tốt hay không tốt đều ảnh hưởng đến chất lượng và hiệu quả của công tác quản lý. Tổ chức công tác có tính khoa học và hợp lý là một trong những cơ sở quan trọng trong việc điều hành, chỉ đạo sản xuất kinh doanh.

Trong quá trình thực tập tại công ty cổ phần vật tư máy tàu thủy An Phú, em đã có cơ hội được tiếp xúc với hoạt động kế toán thực tế, đồng thời được sự chỉ dạy tận tình của các bác, anh, chị phòng kế toán và cô giáo hướng dẫn, em đã có thể đối chiếu rõ ràng nhất giữa những bài học thực tế và trên lý thuyết được học tại trường.

Nội dung khóa luận được trình bày 3 phần như sau :

**Chương I:** Một số lý luận cơ bản về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

**Chương II:** Thực trạng kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần vật tư máy tàu thủy An Phú.

**Chương III:** Hoàn thiện kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần vật tư máy tàu thủy An Phú.

Do thời gian thực tập tại công ty không nhiều và khả năng thực tế của em còn có hạn nên trong báo cáo sẽ có những sai lầm và thiếu sót, mong thầy cô và nhà trường góp ý sửa chữa và đóng góp thêm ý kiến cho bài khóa luận của em được hoàn thiện hơn. Em xin chân thành cảm ơn nhà trường và cô giáo đã tận tình hướng dẫn giúp đỡ em hoàn thành bài báo cáo này.

Sinh viên

Nguyễn Thị Thu Trang

## CHƯƠNG I

# MỘT SỐ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP

### 1.1. Khái quát chung về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

#### 1.1.1 Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

Trong nền kinh tế thị trường hiện nay, vấn đề mà các doanh nghiệp luôn quan tâm là làm thế nào để hoạt động kinh doanh có hiệu quả cao nhất (tối đa hóa lợi nhuận và giảm thiểu hóa chi phí), và lợi nhuận là thước đo hiệu quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, các yếu tố liên quan trực tiếp đến việc xác định lợi nhuận là doanh thu, thu nhập khác và các khoản chi phí.

Để tồn tại và phát triển, các doanh nghiệp cần phải tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh để đáp ứng nhu cầu của thị trường. Trong hoạt động sản xuất kinh doanh đó thì khâu tiêu thụ là khâu cuối cùng và đóng vai trò quan trọng đối với toàn bộ hoạt động của doanh nghiệp. Ngoài phần doanh thu có được từ bán hàng và cung cấp dịch vụ thì doanh thu còn bao gồm khoản thu từ các hoạt động khác mang lại.

Việc tổ chức tốt khâu tiêu thụ sẽ đảm bảo nguồn tài chính cho doanh nghiệp trang trải các khoản chi phí hoạt động và thực hiện tốt quá trình tái sản xuất, tiếp tục mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh. Ngoài ra, doanh thu còn là nguồn cung cấp để các doanh nghiệp thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước. Bên cạnh đó, doanh thu còn có thể là nguồn tham gia góp vốn cổ phần, tham gia liên doanh, liên kết với các đơn vị khác. Tuy nhiên, nếu doanh thu trong kỳ không đủ bù đắp các khoản chi phí doanh nghiệp đã bỏ ra thì doanh nghiệp sẽ gặp khó khăn về mặt tài chính.

Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là cơ sở để đánh giá hiệu quả của hoạt động sản xuất kinh doanh trong thời kỳ nhất định

của doanh nghiệp, là điều kiện để cung cấp các thông tin cần thiết cho Ban lãnh đạo phân tích lựa chọn những phương án tối ưu cho doanh nghiệp.

Chính vì vậy, việc tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh một cách khoa học, hợp lý và phù hợp có ý nghĩa quan trọng trong việc thu thập, xử lý và cung cấp thông tin cho doanh nghiệp, cơ quan quản lý để doanh nghiệp phát triển bền vững hơn.

### ***1.1.2 Vai trò của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp***

Trong công tác quản lý hoạt động bán hàng và xác định kết quả kinh doanh thì vai trò của kế toán là rất quan trọng, nó phản ánh tình hình vận động của hàng hóa, hoạt động tiêu thụ hàng hóa và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp. Các thông tin mà kế toán cung cấp không chỉ phục vụ cho công tác quản lý kinh tế của doanh nghiệp mà còn là đối tượng quan tâm của các nhà đầu tư cơ quan thuế, chủ nợ...

Thông tin kế toán giúp nhà quản trị doanh nghiệp nắm vững được hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp mình, tìm ra sự biến động của nó để thiết lập sự cân đối giữa sản xuất và tiêu thụ và tìm ra những phương án kinh doanh có hiệu quả nhất.

### ***1.1.3 Yêu cầu, nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định KQKD***

Việc ghi chép và phản ánh đúng các khoản doanh thu, chi phí là hết sức quan trọng đối với tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp do đó kế toán doanh thu, chi phí và xác định KQKD có yêu cầu và nhiệm vụ:

- Phản ánh và ghi chép đầy đủ, kịp thời, chính xác tình hình hiện có và sự biến động của từng loại sản phẩm, hàng hoá theo các chỉ tiêu số lượng, chất lượng, chủng loại và giá trị.
- Phản ánh và ghi chép đầy đủ, kịp thời, chính xác các khoản doanh thu, các khoản giảm trừ doanh thu và chi phí của từng hoạt động trong doanh nghiệp. Đồng thời theo dõi các khoản phải thu khách hàng.
- Tham mưu các giải pháp thúc đẩy bán hàng, tăng vòng quay của vốn.

- Cung cấp các thông tin cần thiết về tình hình bán hàng cho chủ doanh nghiệp kịp thời có số liệu, tình hình chi đạo hoạt động mua - bán kinh doanh của doanh nghiệp.
- Phản ánh và tính toán chính xác kết quả của từng hoạt động, giám sát tình hình thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước để họ có căn cứ đánh giá sức mua, đánh giá tình hình tiêu dùng, đề xuất các chính sách ở tầm vĩ mô.
- Cung cấp các thông tin kế toán cần thiết phục vụ cho việc lập báo cáo tài chính và định kỳ phân tích hoạt động kinh tế liên quan đến bán hàng, xác định và phân phối kết quả kinh doanh.

#### ***1.1.4 Một số khái niệm, thuật ngữ liên quan đến doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh***

##### ***1.1.4.1 Doanh thu và các loại doanh thu***

###### **\* Doanh thu**

Doanh thu là tổng giá trị các lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

###### **\* Các loại doanh thu**

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ: Là số tiền thu được hoặc sẽ thu được từ các giao dịch nghiệp vụ phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hóa cung cấp dịch vụ cho khách hàng.

- Doanh thu tiêu thụ nội bộ: Là lợi ích kinh tế thu được từ việc bán hàng hóa, sản phẩm, cung cấp dịch vụ nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc, trong cùng một công ty, tổng công ty tính theo giá bán nội bộ.

- Doanh thu hoạt động tài chính: Bao gồm những khoản thu từ hoạt động tài chính hoặc kinh doanh về vốn mang lại như: Tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia, khoản lãi về chênh lệch tỷ giá hối đoái, thu nhập về các khoản đầu tư mua bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn, thu nhập về các hoạt động đầu tư khác vào công ty liên kết, công ty con, đầu tư vốn khác và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

- Thu nhập khác: Là những khoản thu mà doanh nghiệp không dự tính trước được hoặc có dự tính đến nhưng ít có khả năng thực hiện hoặc là những khoản không mang tính chất thường xuyên.

**\* Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng thuần mà doanh nghiệp thu được (doanh thu thuần) có thể thấp hơn doanh thu bán hàng. Doanh thu thuần là khoản chênh lệch giữa doanh thu bán hàng và các khoản giảm trừ doanh thu, bao gồm:

+ Chiết khấu thương mại là khoản doanh nghiệp bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn. Khoản giảm giá có thể phát sinh trên khối lượng từng lô hàng mà khách hàng đã mua, cũng có thể phát sinh trên tổng khối lượng hàng lũy kế mà khách hàng đã mua trong một quãng thời gian nhất định tùy thuộc vào chính sách chiết khấu thương mại của bên bán.

+ Giảm giá hàng bán là khoản giảm trừ cho người mua do toàn bộ hay một phần hàng hoá kém phẩm chất, sai quy cách hoặc lạc hậu thị hiếu.

+ Giá trị hàng bán bị trả lại là giá trị khối lượng hàng bán đã xác định là tiêu thụ bị khách hàng trả lại và từ chối thanh toán do các nguyên nhân như: vi phạm cam kết; vi phạm hợp đồng kinh tế; hàng bị mất, kém phẩm chất; không đúng chủng loại, quy cách.

+ Thuế giá trị gia tăng theo phương pháp trực tiếp: Là thuế gián thu tính trên giá trị tăng thêm của hàng hóa dịch vụ phát sinh trong quá trình từ sản xuất, lưu thông tới tiêu dùng.

+ Thuế tiêu thụ đặc biệt: Là các loại thuế đánh vào hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng nằm trong danh mục chịu thuế tiêu thụ đặc biệt của nhà nước.

+ Thuế xuất khẩu: Là sắc thuế đánh vào trị giá hàng hóa xuất khẩu.

*1.1.4.2 Chi phí và các loại chi phí*

Chi phí là biểu hiện bằng tiền các khoản hao phí về lao động sống và lao động vật hóa mà các doanh nghiệp đã bỏ ra để tiến hành hoạt động sản

xuất kinh doanh trong một thời kì nhất định.

- Giá vốn hàng bán: là giá vốn thực tế xuất kho của số hàng hóa (bao gồm cả chi phí mua hàng phân bổ cho hàng hóa đã bán ra trong kì đối với doanh nghiệp thương mại) hoặc là giá thành thực tế sản phẩm lao vụ dịch vụ hoàn thành đối với doanh nghiệp sản xuất dịch vụ đã được xác định là tiêu thụ và các khoản khác được tính vào giá vốn để xác định kết quả kinh doanh.

- Chi phí bán hàng là toàn bộ chi phí phát sinh trong quá trình bán sản phẩm hàng hóa và cung cấp dịch vụ.

- Chi phí quản lí doanh nghiệp là toàn bộ chi phí có liên quan đến hoạt động quản lí kinh doanh, quản lí hành chính, quản lí điều hành chung toàn doanh nghiệp.

- Chi phí tài chính là các khoản chi phí phát sinh liên quan đến hoạt động về vốn và đầu tư tài chính.

- Chi phí khác là các khoản chi phí phát sinh ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp: Là khoản chi phí phản ánh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành.

#### *1.1.4.3. Xác định kết quả kinh doanh*

Kết quả kinh doanh: Là số tiền lãi hay lỗ từ các hoạt động của doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định, đây là kết quả cuối cùng của hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường và các hoạt động khác của doanh nghiệp.

Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm:

+ Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh: là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và trị giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lí DN

$$\text{Lợi nhuận thuần từ HĐ SXKD} = \text{DT BH và CCDV} - \text{Các khoản giảm trừ DT} - \text{GVHB} - \text{CPBH, QLDN}$$

+ Kết quả hoạt động tài chính: là số chênh lệch giữa doanh thu hoạt động tài chính với chi phí hoạt động tài chính.

$$\text{Lợi nhuận tài chính} = \text{Doanh thu hoạt động tài chính} - \text{Chi phí tài chính}$$

+ Kết quả hoạt động khác: là số chênh lệch giữa các khoản doanh thu khác và các khoản chi phí khác.

$$\text{Lợi nhuận khác} = \text{Doanh thu khác} - \text{Chi phí khác}$$

+ Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế là tổng số của Lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh, doanh thu tài chính và doanh thu khác.

$$\text{Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế} = \text{Lợi nhuận từ hoạt động SXKD} + \text{Lợi nhuận từ hoạt động TC} + \text{Lợi nhuận khác}$$

+ Lợi nhuận sau thuế TNDN là số lợi nhuận còn lại sau khi nộp thuế TNDN.

$$\text{Lợi nhuận sau thuế TNDN} = \text{Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế} - \text{Chi phí thuế TNDN}$$

#### 1.1.4. Bán hàng và các phương thức bán hàng của doanh nghiệp

Bán hàng là bán sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất ra, bán hàng hóa mua vào và bán bất động sản.

Cung cấp dịch vụ là thực hiện công việc đã thỏa thuận theo hợp đồng theo một kì hoặc nhiều kì kế toán như cho thuê tài sản cố định theo phương thức thuê hoạt động.

Các phương thức bán hàng:

- Bán hàng trực tiếp: là phương thức giao hàng trực tiếp cho người mua tại kho, tại quầy hay tại phân xưởng sản xuất của doanh nghiệp. Sau khi người mua đã nhận đủ hàng và kí vào hóa đơn bán hàng thì số hàng đã giao được chính thức coi là tiêu thụ.

- Phương thức chuyển hàng chờ nhận: Theo phương thức này bên bán chuyển hàng cho bên mua theo địa điểm ghi trong hợp đồng, số hàng chuyển đi này vẫn thuộc quyền sở hữu của bên bán, chỉ khi nào được người mua chấp nhận thanh toán một phần hay toàn bộ số hàng chuyển giao thì lượng hàng được người mua chấp nhận đó mới được coi là tiêu thụ và bên bán mất quyền

sở hữu.

- Phương thức bán hàng gửi đại lí là phương thức mà bên chủ hàng (gọi là bên giao đại lí) xuất hàng cho bên nhận đại lí (bên đại lí) để bán, bên đại lí sẽ được hưởng thù lao đại lí dưới hình thức hoa hồng.

+ Đối với bên giao đại lí: Doanh nghiệp giao hàng cho bên nhận đại lí, bên đại lí sẽ trực tiếp bán hàng thanh toán cho doanh nghiệp và nhận tiền hoa hồng. Doanh nghiệp có nhiệm vụ nộp thuế GTGT, thuế TTĐB (nếu có) trên tổng giá trị hàng gửi bán không được trừ phần hoa hồng phải trả cho bên nhận đại lí. Khoản hoa hồng được coi như khoản chi phí và hạch toán vào TK 641.

+ Đối với bên nhận đại lí: Với số hàng bán đại lí không phải sở hữu của doanh nghiệp nhưng doanh nghiệp cũng có trách nhiệm bảo quản và bán hộ và được hưởng hoa hồng như trong hợp đồng đã ký.

- Phương thức trả góp: Là phương thức bán hàng thu tiền nhiều lần. Người mua sẽ thanh toán lần đầu ngay thời điểm mua, số tiền trả chậm phải chịu một tỷ lệ lãi suất nhất định. Về mặt hạch toán khi giao hàng cho người mua hàng đã được coi là tiêu thụ.

- Phương thức hàng đổi hàng: Doanh nghiệp xuất hàng trao đổi cho khách, kế toán phải ghi nhận doanh thu bán hàng và tính thuế giá trị gia tăng đầu ra. Khi doanh nghiệp nhận hàng của khách kế toán ghi hàng nhập kho và tính thuế giá trị gia tăng đầu vào.

- Phương thức bán hàng nội bộ: Là việc mua bán sản phẩm hàng hóa lao vụ dịch vụ giữa các đơn vị cấp trên với các đơn vị trực thuộc hay giữa các đơn vị trực thuộc với nhau trong một công ty tổng công ty...

## **1.2. Tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp**

### ***1.2.1 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ***

Bán hàng (hay tiêu thụ hàng hoá) là giai đoạn cuối cùng của quá trình tuần hoàn vốn trong doanh nghiệp, nó là quá trình thực hiện về mặt giá trị của hàng hoá. Trong mối quan hệ này, doanh nghiệp phải chuyển giao hàng hoá cho người mua và người mua phải chuyển giao cho doanh nghiệp số tiền mua



hàng tương ứng với giá trị của hàng hoá đó.

Vậy doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ: Là toàn bộ số tiền thu được, hoặc sẽ thu được từ các giao dịch và các nghiệp vụ kinh tế phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm cả các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán (nếu có).

Tuy nhiên, trong quá trình bán hàng cũng phát sinh một số trường hợp khiến doanh thu cung cấp hàng hoá dịch vụ của doanh nghiệp bị giảm sút. Đó là do các khoản giảm trừ doanh thu, bao gồm:

- Thuế tiêu thụ đặc biệt: là loại thuế gián thu đánh vào một số loại hàng hoá đặc biệt do các doanh nghiệp sản xuất và tiêu thụ. Thuế này do các cơ sở trực tiếp sản xuất ra hàng hoá đó nộp nhưng người tiêu dùng là người chịu thuế vì thuế được cộng vào giá bán.

- Thuế xuất khẩu: là thuế đánh trên hàng hoá xuất khẩu theo quy định của Nhà nước.

- Thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp: là thuế GTGT được đánh trực tiếp trên giá trị tăng thêm của hàng hoá dịch vụ.

- Chiết khấu thương mại: Là khoản doanh nghiệp bán giảm giá cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn.

- Giảm giá hàng bán: Là khoản giảm trừ cho người mua do hàng hoá kém phẩm chất, sai quy cách.

- Trị giá hàng bán bị trả lại: Là giá trị khối lượng hàng bán đã xác định là tiêu thụ bị khách hàng trả lại và từ chối thanh toán.

### ***Điều kiện ghi nhận doanh thu***

Theo chuẩn mực số 14 – “Doanh thu và thu nhập khác” ban hành và công bố theo quyết định số 149/2000/QĐ-BTC ngày 31/12/2001 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính, để xác định và ghi nhận doanh thu mỗi doanh nghiệp cần phải tuân theo những quy định sau:

- Ghi nhận doanh thu và các chi phí phải theo một nguyên tắc phù hợp, khi ghi nhận một khoản doanh thu thì phải ghi nhận một khoản chi phí tương ứng liên quan đến việc tạo ra doanh thu đó.

- Điều kiện ghi nhận doanh thu bán hàng:

+ Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá cho người mua

+ Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hoá như người sở hữu hàng hoá hoặc quyền kiểm soát hàng hoá

+ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn

+ Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng

+ Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

- Doanh thu cung cấp dịch vụ được xác định khi thoả mãn 4 điều kiện sau:

+ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn

+ Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó

+ Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán

+ Xác định được chi phí phát sinh giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

- Khi hàng hoá dịch vụ được trao đổi để lấy hàng hoá dịch vụ tương tự về bản chất và giá trị thì việc trao đổi đó không được coi là một giao dịch tạo ra doanh thu và không được ghi nhận là doanh thu.

### ***Nguyên tắc hạch toán doanh thu***

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu được tiền, hoặc sẽ thu được tiền từ các giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm cả các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán (nếu có).

- Trường hợp doanh nghiệp có doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ bằng ngoại tệ thì phải quy đổi ngoại tệ ra Đồng Việt Nam hoặc đơn vị tiền tệ chính thức sử dụng trong kế toán theo tỷ giá giao dịch thực tế phát sinh hoặc tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ kinh tế.

- TK 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” chỉ phản ánh

doanh thu của khối lượng sản phẩm, hàng hoá đã bán, dịch vụ đã cung cấp được xác định là tiêu thụ trong kỳ không phân biệt doanh nghiệp đã thu tiền hay chưa thu tiền.

+ Đối với sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá bán chưa có thuế GTGT.

+ Những doanh nghiệp gia công vật tư, hàng hoá thì chỉ phản ánh vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hoá nhận gia công.

+ Đối với hàng hoá nhận bán đại lý, ký gửi theo phương thức bán đúng giá hưởng hoa hồng thì hạch toán vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ phần hoa hồng bán hàng mà doanh nghiệp được hưởng.

+ Trường hợp bán hàng theo phương thức trả chậm, trả góp thì doanh nghiệp ghi nhận doanh thu bán hàng theo giá bán trả tiền ngay và ghi nhận vào doanh thu chưa thực hiện phần lãi tính trên khoản phải trả nhưng trả chậm phù hợp với thời điểm ghi nhận doanh thu được xác định.

+ Đối với trường hợp cho thuê tài sản, có nhận trước tiền cho thuê của nhiều năm thì doanh thu cung cấp dịch vụ ghi nhận của năm tài chính là số tiền cho thuê được xác định trên cơ sở lấy toàn bộ số tiền thu được chia cho số năm cho thuê.

### ***Chứng từ, sổ sách hạch toán doanh thu***

- *Chứng từ sử dụng:*

- ✓ Hóa đơn GTGT ( mẫu 01-GTKT)
- ✓ Hóa đơn bán hàng (mẫu 02-GTTT)
- ✓ Các chứng từ thanh toán (phiếu thu , séc chuyển khoản, séc thanh toán, ủy nhiệm thu, giấy báo có của ngân hàng...)
- ✓ Chứng từ liên quan khác : phiếu xuất kho, phiếu nhập kho hàng trả lại...

- *Sổ sách hạch toán:*

- ✓ Bảng kê hóa đơn chứng từ hàng hóa dịch vụ bán ra
- ✓ Bảng thanh toán hàng đại lý, ký gửi (mẫu 14-BH)

- ✓ Báo cáo bán hàng
- ✓ Sổ cái TK 511, TK 512
- ✓ Báo cáo tài chính

### **Tài khoản sử dụng hạch toán**

Phản ánh các khoản liên quan đến doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ kế toán sử dụng các tài khoản sau:

- **Tài khoản 511** - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tài khoản 511 không có số dư cuối kì và có 6 tài khoản cấp 2

- ✓ TK 5111: Doanh thu bán hàng hóa
- ✓ TK 5112: Doanh thu bán thành phẩm
- ✓ TK 5113: Doanh thu cung cấp dịch vụ
- ✓ TK 5114: Doanh thu trợ cấp trợ giá
- ✓ TK 5117: Doanh thu bất động sản đầu tư
- ✓ TK 5118: Doanh thu khác

### **Kết cấu**

#### **- Bên Nợ:**

+ Thuế tiêu thụ đặc biệt hoặc thuế xuất khẩu và thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp phải nộp tính trên doanh thu bán hàng thực tế của doanh nghiệp trong kỳ.

+ Khoản giảm giá hàng bán

+ Trị giá hàng bán bị trả lại

+ Khoản chiết khấu thương mại

+ Kết chuyển doanh thu bán hàng thuần sang tài khoản 911 để xác định kết quả kinh doanh.

#### **- Bên có:**

Doanh thu bán sản phẩm, hàng hoá và cung cấp lao vụ, dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ hạch toán.

- **Tài khoản 512** - Doanh thu tiêu thụ nội bộ

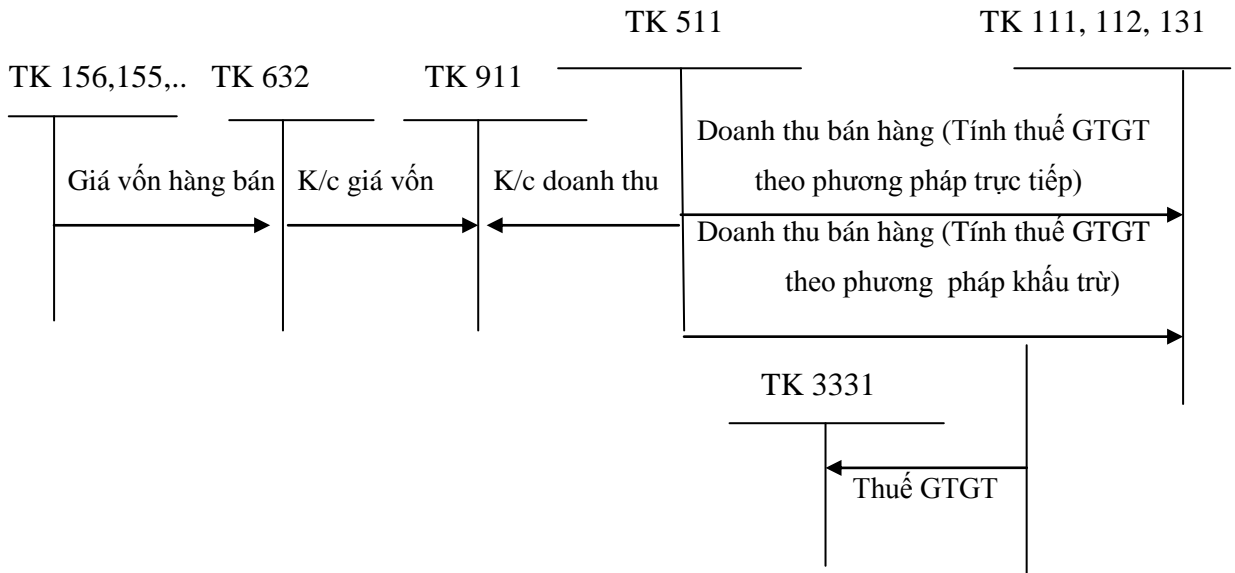
Tài khoản sử dụng: TK 512 - Doanh thu nội bộ, gồm 3 tiểu khoản :

- ✓ TK 5121 - Doanh thu bán hàng hóa

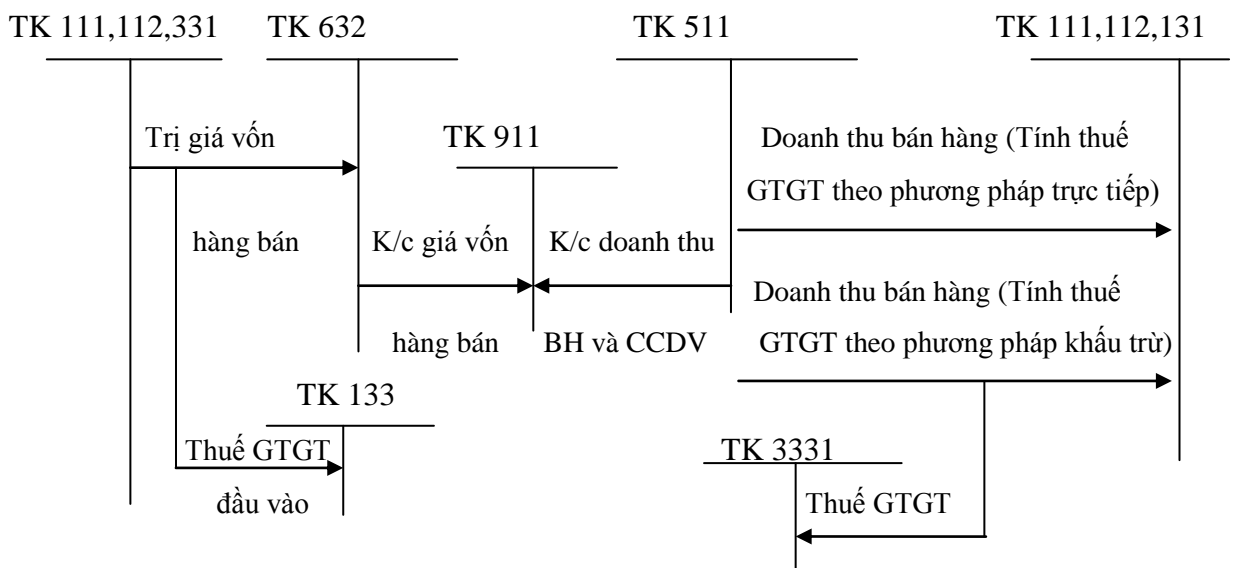
- ✓ TK 5122 - Doanh thu bán các thành phẩm
- ✓ TK 5123 - Doanh thu cung cấp dịch vụ

Ta có sơ đồ hạch toán doanh thu bán hàng cung cấp dịch vụ theo các phương thức bán hàng khác nhau tại doanh nghiệp

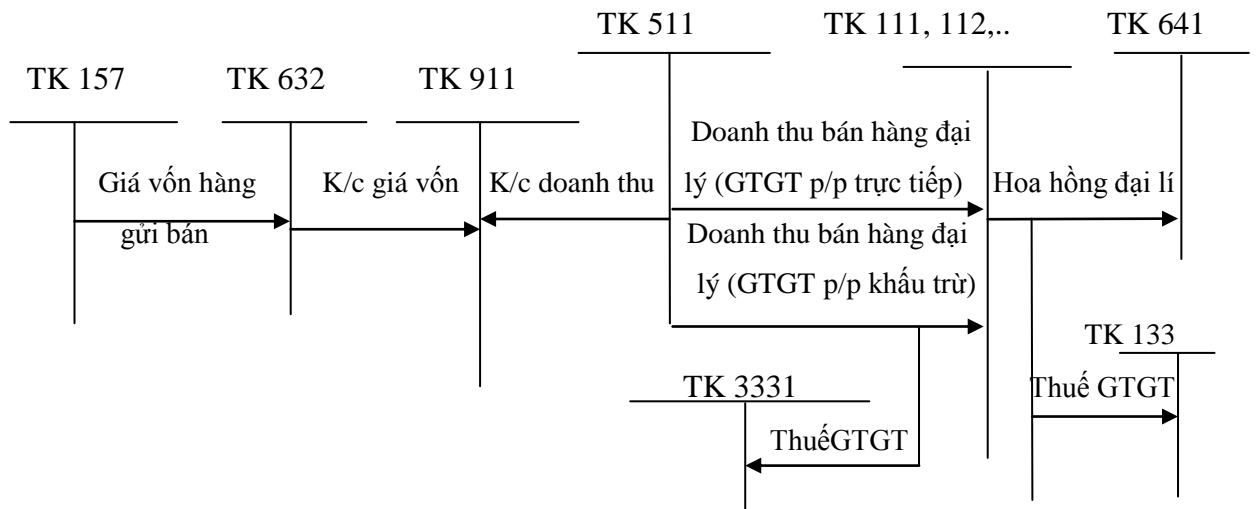
**Sơ đồ 1.1: Bán hàng theo phương pháp trực tiếp**



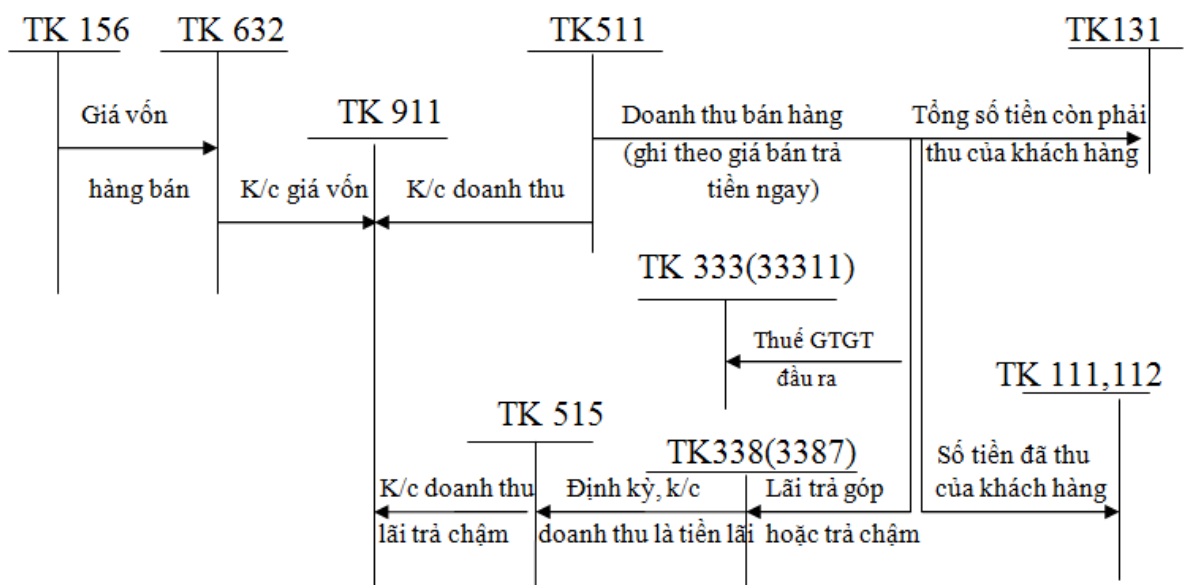
**Sơ đồ 1.2: Hạch toán doanh thu theo phương thức bán buôn vận chuyển thẳng**



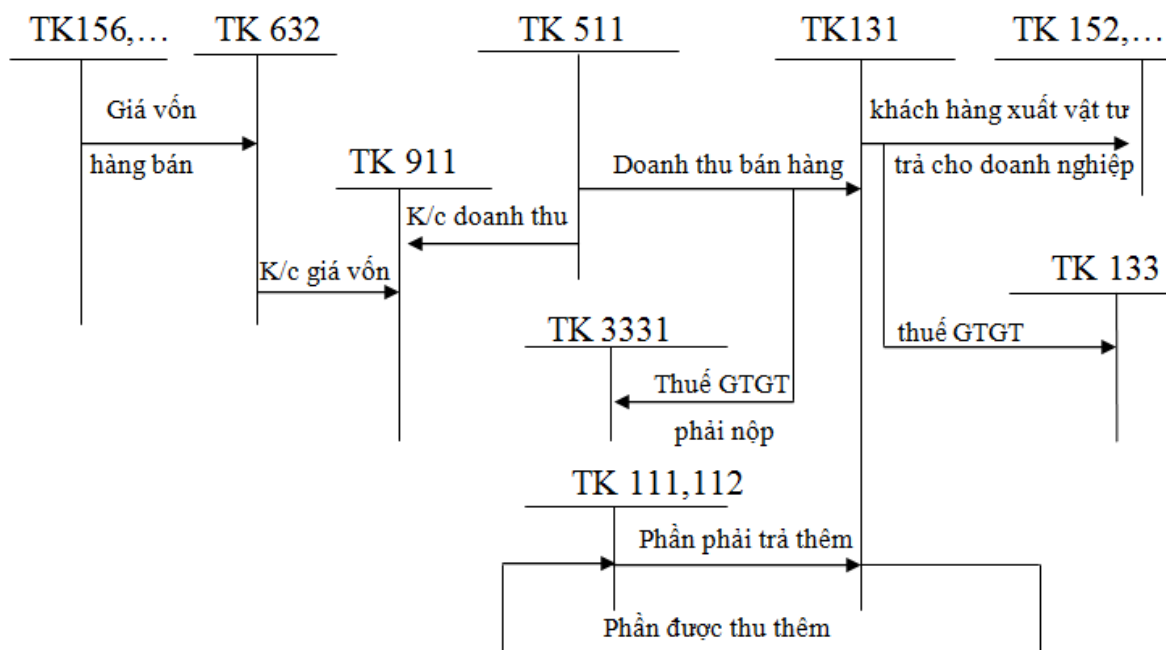
Sơ đồ 1.3: Sơ đồ hạch toán doanh thu bán hàng thông qua đại lý ký gửi



Sơ đồ 1.4: Sơ đồ hạch toán doanh thu bán hàng theo phương thức trả chậm, trả góp



Sơ đồ 1.5: Sơ đồ hạch toán doanh thu bán theo phương thức trao đổi hàng



### 1.2.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

#### 1.2.2.1 Chiết khấu thương mại

##### Tài khoản sử dụng: TK 521

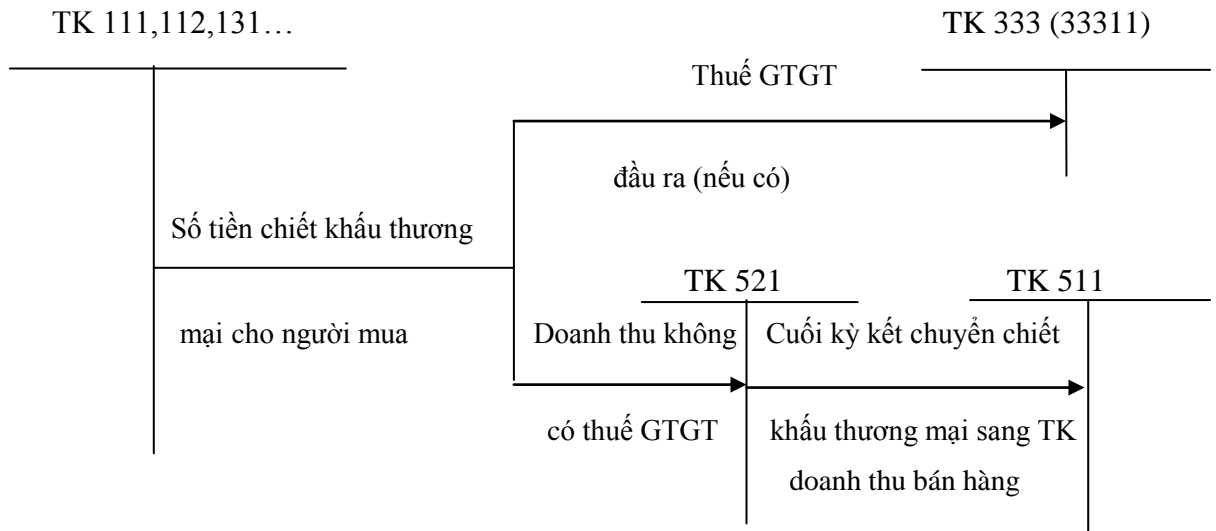
- **Bên Nợ:** Số chiết khấu thương mại chấp nhận thanh toán cho KH
- **Bên Có:** Kết chuyển toàn bộ chiết khấu thương mại sang tài khoản “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” để xác định doanh thu thuần của kỳ hạch toán.

TK 521 không có số dư cuối kỳ.

TK 521 có 03 tài khoản cấp 2:

- + TK 5211 - Chiết khấu hàng hoá: Phản ánh toàn bộ số tiền chiết khấu thương mại (tính trên khối lượng hàng hoá đã bán ra) cho người mua hàng.
- + TK 5212 - Chiết khấu thành phẩm: Phản ánh toàn bộ số tiền chiết khấu thương mại trên khối lượng sản phẩm đã bán ra cho người mua thành phẩm.
- + TK 5213 - Chiết khấu dịch vụ: Phản ánh toàn bộ số tiền chiết khấu thương mại tính trên khối lượng dịch vụ đã cung cấp cho người mua dịch vụ ( có sơ đồ hạch toán 1.6)

**Sơ đồ 1.6: Chiết khấu thương mại**

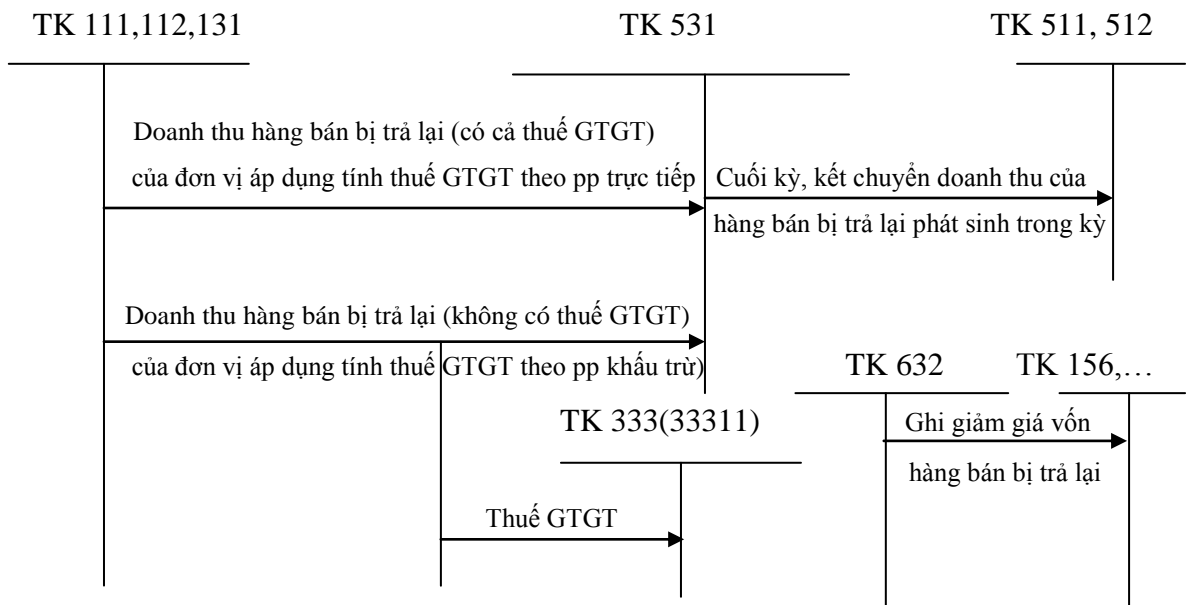


1.2.2.2 Hàng bán bị trả lại

**Tài khoản sử dụng: TK 531**

- **Bên Nợ:** Giá trị của hàng bán bị trả lại.
- **Bên Có:** Kết chuyển toàn bộ giá trị hàng bán bị trả lại sang tài khoản 511- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ ( có sơ đồ hạch toán 1.7)

**Sơ đồ 1.7: Hàng bán bị trả lại**



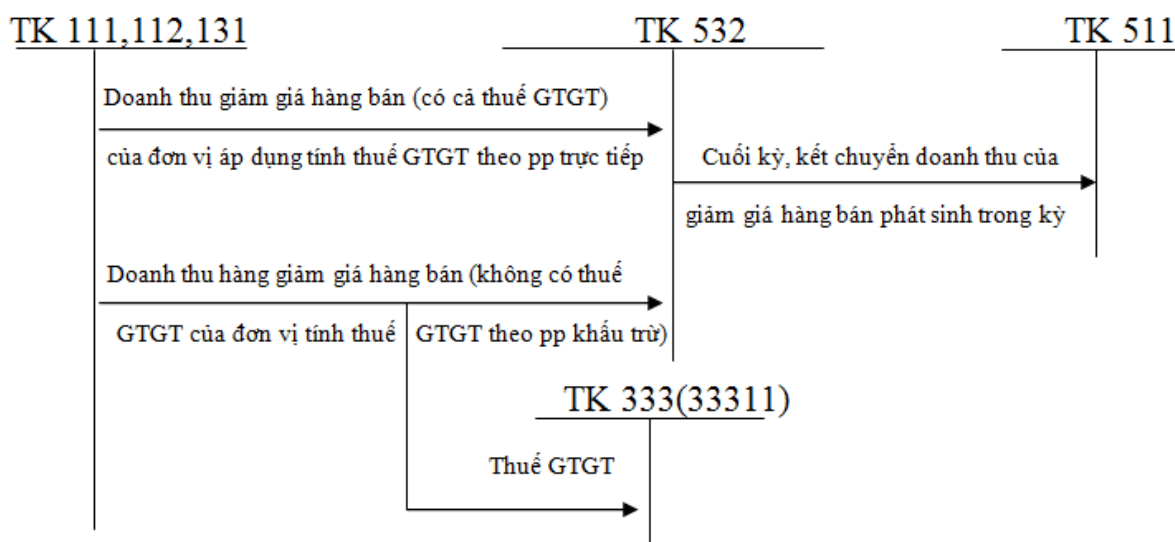


1.2.2.3. Giảm giá hàng bán

**Tài khoản sử dụng: TK 532**

- **Bên Nợ:** + Các khoản giảm giá đã chấp thuận cho người mua hàng
- **Bên Có:** + Kết chuyển toàn bộ số giảm giá hàng bán sang TK511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (có sơ đồ hạch toán 1.8)

Sơ đồ 1.8:



1.2.3. Kế toán giá vốn hàng bán trong doanh nghiệp

1.2.3.1 Giá vốn hàng bán

Mỗi khi ghi nhận doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ thì đồng thời kế toán phải ghi nhận một khoản chi phí tương ứng đó chính là giá vốn hàng bán.

Giá vốn hàng bán là giá thực tế xuất kho của số sản phẩm (hoặc gồm cả chi phí mua hàng phân bổ cho hàng hoá bán ra trong kỳ - đối với doanh nghiệp thương mại), hoặc là giá thành thực tế lao vụ, dịch vụ hoàn thành và đã được xác định là tiêu thụ và các khoản khác được tính vào giá vốn để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

1.2.3.2. Tài khoản sử dụng hạch toán: TK632

**Kết cấu :**

- **Bên Nợ:**
  - + Phản ánh giá vốn sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ trong kỳ.
  - + Phản ánh chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công vượt trên mức

bình thường và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ được tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

+ Phản ánh khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra.

+ Phản ánh chi phí xây dựng, tự chế TSCĐ vượt trên mức bình thường không được tính vào nguyên giá TSCĐ hữu hình tự xây dựng, tự chế hoàn thành.

+ Phản ánh khoản chênh lệch giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập năm nay lớn hơn khoản đã lập dự phòng năm trước.

+ Phản ánh các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư đem cho thuê, bán, thanh lý và giá trị còn lại của bất động sản đem bán, thanh lý.

**- Bên Có:**

+ Phản ánh khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính.

+ Giá vốn của hàng bán bị trả lại.

+ Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ trong kỳ và toàn bộ chi phí kinh doanh bất động sản đầu tư phát sinh trong kỳ sang TK911 - Xác định kết quả kinh doanh.

Tài khoản 632 không có số dư.

**1.2.3.3. Phương pháp tính giá vốn hàng bán**

Trong mỗi doanh nghiệp hàng tồn kho đều được hình thành từ nhiều nguồn khác nhau với các đơn giá khác nhau, vì vậy việc lựa chọn phương pháp tính giá thực tế hàng xuất kho sẽ phụ thuộc vào đặc điểm của hàng tồn kho, yêu cầu và trình độ quản lý của doanh nghiệp. Phương pháp tính giá vốn hàng bán được đăng ký với cơ quan thuế và được áp dụng nhất quán trong một kỳ kế toán.

Để tính trị giá hàng xuất kho, doanh nghiệp có thể áp dụng một trong các phương pháp sau đây:

**- Phương pháp bình quân gia quyền:**

+ Phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ:

$$\text{Đơn giá xuất kho} = \frac{\text{Trị giá SP, hàng hoá tồn đầu kỳ} + \text{Trị giá SP, hàng hoá nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng SP, hàng hoá tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng SP, hàng hoá nhập trong kỳ}}$$

+ Phương pháp bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập:

$$\text{Đơn giá xuất kho} = \frac{\text{Trị giá thực tế SP, hàng hoá tồn kho sau mỗi lần nhập}}{\text{Số lượng SP, hàng hoá thực tế tồn kho sau mỗi lần nhập}}$$

Việc tính toán phức tạp, nhiều lần, tốn nhiều công sức. Do đặc điểm trên mà phương pháp này được áp dụng ở các doanh nghiệp có ít chủng loại hàng tồn kho, có lưu lượng nhập xuất ít.

#### - Phương pháp thực tế đích danh

Theo phương pháp này khi xuất lô hàng nào thì được tính theo giá thực tế nhập kho đích danh của lô hàng đó. Với những doanh nghiệp có điều kiện bảo quản từng lô hàng nhập kho riêng biệt thì việc tính giá vốn hàng xuất bán theo phương thức này là rất hợp lí.

#### - Phương pháp nhập trước, xuất trước (FIFO)

FIFO được áp dụng dựa trên giả định là hàng được mua trước hoặc sản xuất trước thì được xuất trước, và hàng còn lại cuối kỳ là hàng được mua hoặc sản xuất ở thời điểm cuối kỳ. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập kho ở thời điểm đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ, giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho ở thời điểm cuối kỳ hoặc gần cuối kỳ còn tồn kho.

Do vậy, phương pháp này chỉ thích hợp với những doanh nghiệp kinh doanh ít chủng loại hàng hoá và số lần xuất nhập hàng hoá không nhiều.

#### - Phương pháp nhập sau xuất trước (LIFO)

LIFO được giả định là hàng được mua sau hoặc sản xuất sau thì được xuất trước, và hàng tồn kho còn lại cuối kỳ là những hàng được mua hoặc sản xuất trước đó. Nhưng với phương pháp nhập sau xuất trước đã khắc phục được nhược điểm của phương pháp nhập trước xuất trước là phản ánh chi phí kịp thời với sự biến động của giá cả thị trường.

**- Phương pháp giá hạch toán**

Đối với các doanh nghiệp có nhiều loại hàng, giá cả thường xuyên biến động, nghiệp vụ nhập xuất hàng diễn ra thường xuyên thì việc hạch toán hàng ngày nên sử dụng giá hạch toán.

Doanh nghiệp có thể sử dụng giá kế hoạch hoặc giá mua hàng hoá ở một thời điểm nào đó hay giá hàng bình quân tháng trước để làm giá hạch toán nhập, xuất, tồn kho hàng trong khi chưa tính được giá thực tế của nó. Cuối tháng phải tính chuyển giá hạch toán của hàng xuất, tồn kho theo giá thực tế. Việc tính chuyển dựa trên cơ sở hệ số giữa giá thực tế và giá hạch toán.

$$\text{Hệ số giá SP, hàng hoá} = \frac{\text{Trị giá thực tế SP, hàng hoá tồn kho đầu kỳ} + \text{Trị giá thực tế SP, hàng hoá nhập kho trong kỳ}}{\text{Trị giá hạch toán SP, hàng hoá tồn kho đầu kỳ} + \text{Trị giá hạch toán SP, hàng hoá nhập kho trong kỳ}}$$

Sau khi tính hệ số giá, kế toán tiến hành điều chỉnh giá hạch toán trong kỳ thành giá thực tế vào cuối kỳ kế toán.

Trị giá thực tế hàng xuất trong kỳ = Hệ số giá x Trị giá hạch toán của hàng xuất kho trong kỳ

Trị giá thực tế hàng tồn kho cuối kỳ = Hệ số giá x Trị giá hạch toán của hàng tồn kho cuối kỳ

**+ Hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên**

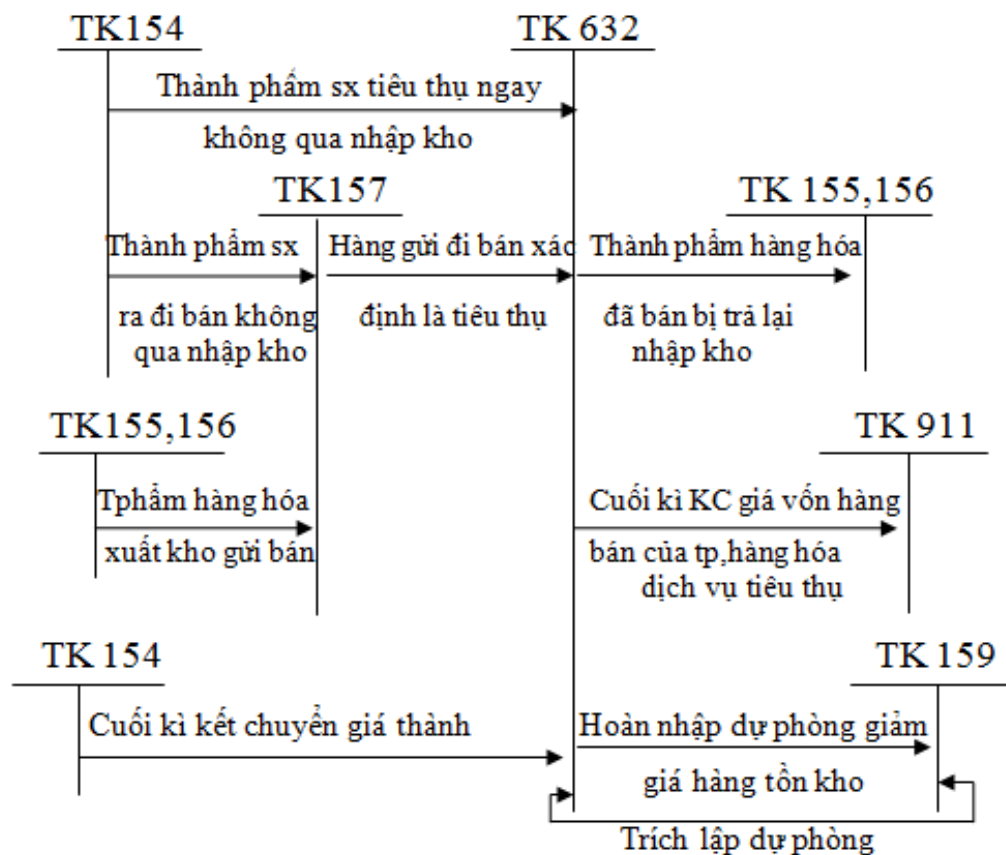
- Phương pháp kê khai thường xuyên là phương pháp kế toán tổ chức ghi chép một cách thường xuyên liên tục các nghiệp vụ nhập kho, xuất kho, tồn kho hàng hóa trên từng tài khoản kế toán theo từng chứng từ nhập xuất.

- Việc xác định trị giá vốn thực tế xuất kho được căn cứ tiếp vào các chứng từ xuất kho và thông qua một trong 4 phương pháp nêu trên.

- Trị giá vốn hàng hóa tồn kho trên sổ kế toán được xác định ở bất kì thời điểm nào trong kỳ kế toán.

Hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp này được thể hiện qua sơ đồ:

**Có sơ đồ 1.9:**



**+ Hạch toán giá vốn theo phương pháp kiểm kê định kì**

- Phương pháp kiểm kê định kì là phương pháp không tổ chức ghi chép một cách thường xuyên liên tục các nghiệp vụ nhập kho xuất kho tồn kho của hàng hóa trên các tài khoản 152, 153, 156... các tài khoản này chỉ phản ánh trị giá vốn của hàng hóa đầu kì và cuối kì.

- Phương pháp kiểm kê định kỳ phản ánh trị giá vốn thực tế của hàng hóa mua hàng xác định trị giá vốn của hàng xuất kho căn cứ vào các chứng từ xuất kho, vào kết quả kiểm kê cuối kì và tính theo công thức:

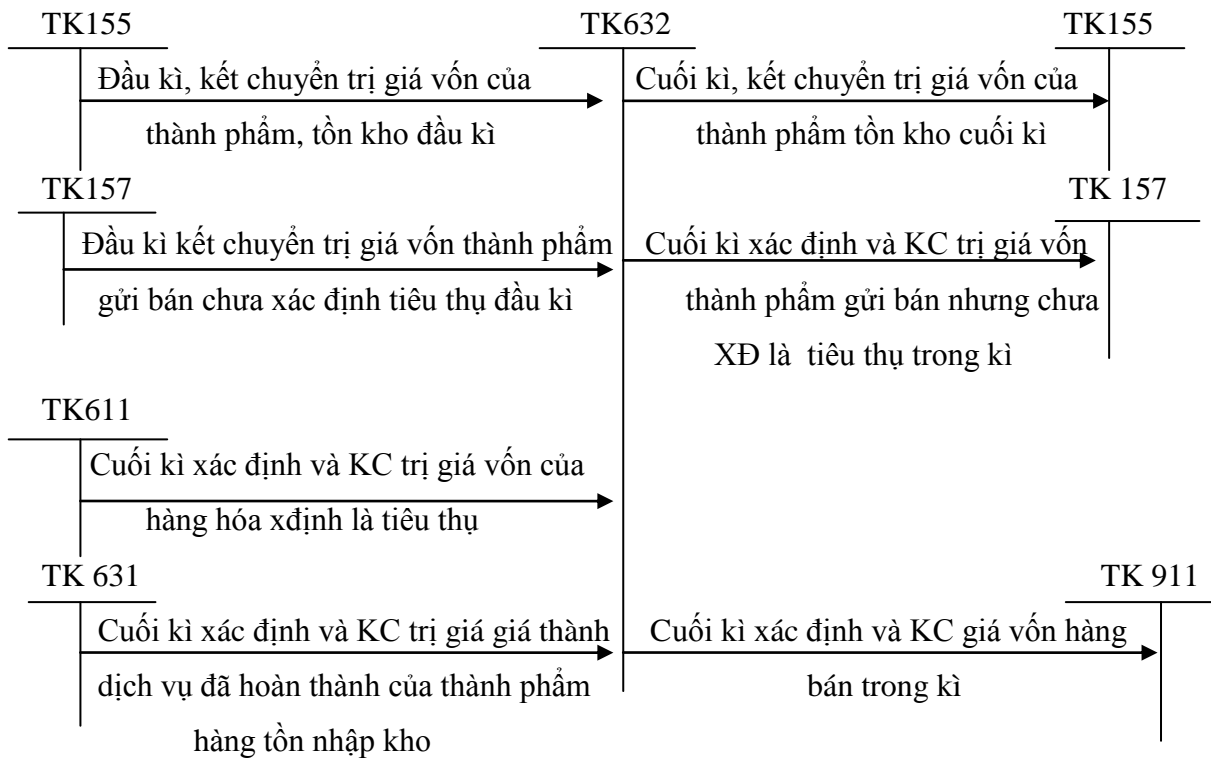
$$\begin{matrix}
 \text{Số lượng} & & \text{Số lượng} & & \text{Số lượng} & & \text{Số lượng} \\
 \text{hàng xuất} & & \text{Số lượng hàng} & & \text{hàng nhập} & & \text{Số lượng hàng} \\
 \text{kho} & = & \text{tồn kho đầu kì} & + & \text{trong kì} & - & \text{tồn cuối kì}
 \end{matrix}$$

- Căn cứ vào đơn giá xuất kho theo phương pháp xác định giá vốn xuất kho đã chọn để xác định giá vốn thực tế của hàng xuất kho.

	Trị giá	Trị giá vốn		Trị giá thực	Trị giá vốn	Trị giá vốn
Trị giá vốn	thực tế	hàng gửi bán		tế hàng	thực tế hàng	thực tế hàng
hàng bán	hàng tồn	chưa xác định		nhập kho	tồn kho	gửi bán chưa
trong kì	= kho đầu	+ tiêu thụ trong	+	trong kì	- cuối kì	- xác định tiêu
	kì	kì				thụ cuối kì

Quá trình hạch toán được xác định theo sơ đồ dưới đây:

**Sơ đồ 1.10:**



**1.2.4 Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

**Chi phí bán hàng:**

Chi phí bán hàng là toàn bộ chi phí phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá và cung cấp dịch vụ.

Chi phí bán hàng bao gồm: Chi phí nhân viên bán hàng, chi phí vật liệu bao bì, chi phí dụng cụ đồ dùng trong bán hàng, chi phí khấu hao tài sản cố định, chi phí bảo hành sản phẩm, chi phí dv mua ngoài, chi phí bằng tiền khác.

**Chi phí quản lý doanh nghiệp:**

Chi phí quản lý doanh nghiệp: Là toàn bộ chi phí có liên quan đến hoạt động quản lý doanh nghiệp, quản lý hành chính và quản lý điều hành chung của toàn công ty. Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm: Chi phí nhân viên

quản lý, chi phí đồ dùng văn phòng, chi phí khấu hao tài sản cố định, thuế, phí, lệ phí, chi phí dự phòng, chi phí DV mua ngoài, chi phí bằng tiền khác.

***Nội dung kết cấu tài khoản sử dụng:***

**TK 641: Chi phí bán hàng:**

- ***Bên Nợ:*** Tập hợp chi phí bán hàng thực tế phát sinh trong kỳ.

- ***Bên Có:***

+ Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng (nếu có)

+ Kết chuyển chi phí bán hàng trong kỳ vào bên Nợ TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh.

Tài khoản 641 không có số dư cuối kỳ.

- Tài khoản 641 gồm 07 TK cấp 2:

+ TK 6411 – Chi phí nhân viên

+ TK 6412 – Chi phí vật liệu bao bì

+ TK 6413 – Chi phí dụng cụ, đồ dùng

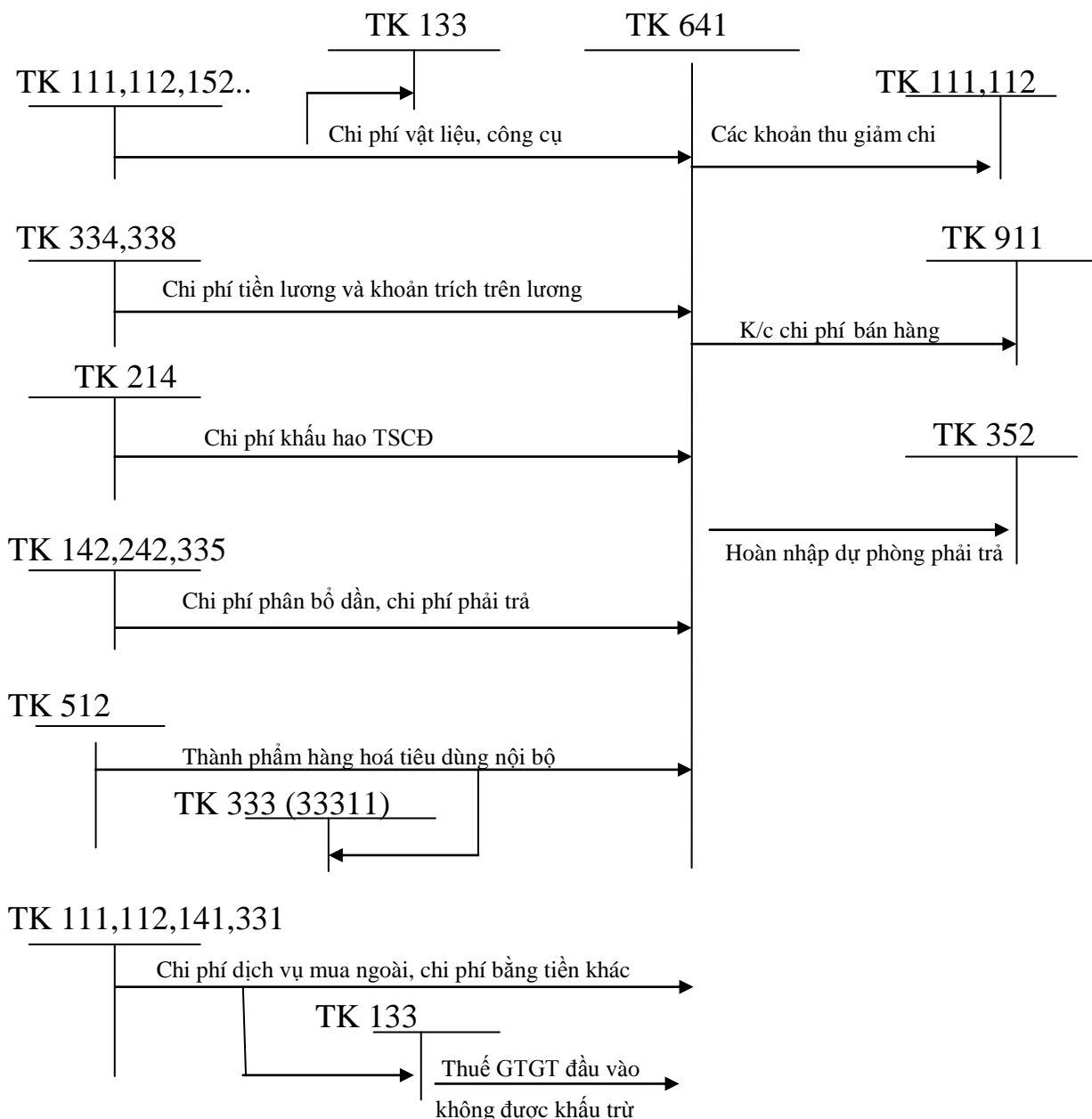
+ TK 6414 – Chi phí khấu hao tài sản cố định

+ TK 6415 – Chi phí bảo hành

+ TK 6417 – Chi phí dịch vụ mua ngoài

+ TK 6418 – Chi phí bằng tiền khác

**Sơ đồ 1.11: Sơ đồ hạch toán chi phí bán hàng**



**Tài khoản 642: Chi phí quản lý doanh nghiệp**

- **Bên Nợ:** Tập hợp chi phí quản lý doanh nghiệp thực tế phát sinh trong kỳ.

- **Bên Có:**

+ Các khoản được phép ghi giảm chi phí quản lý (nếu có).

+ Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp sang bên Nợ TK911 – Xác định kết quả kinh doanh.

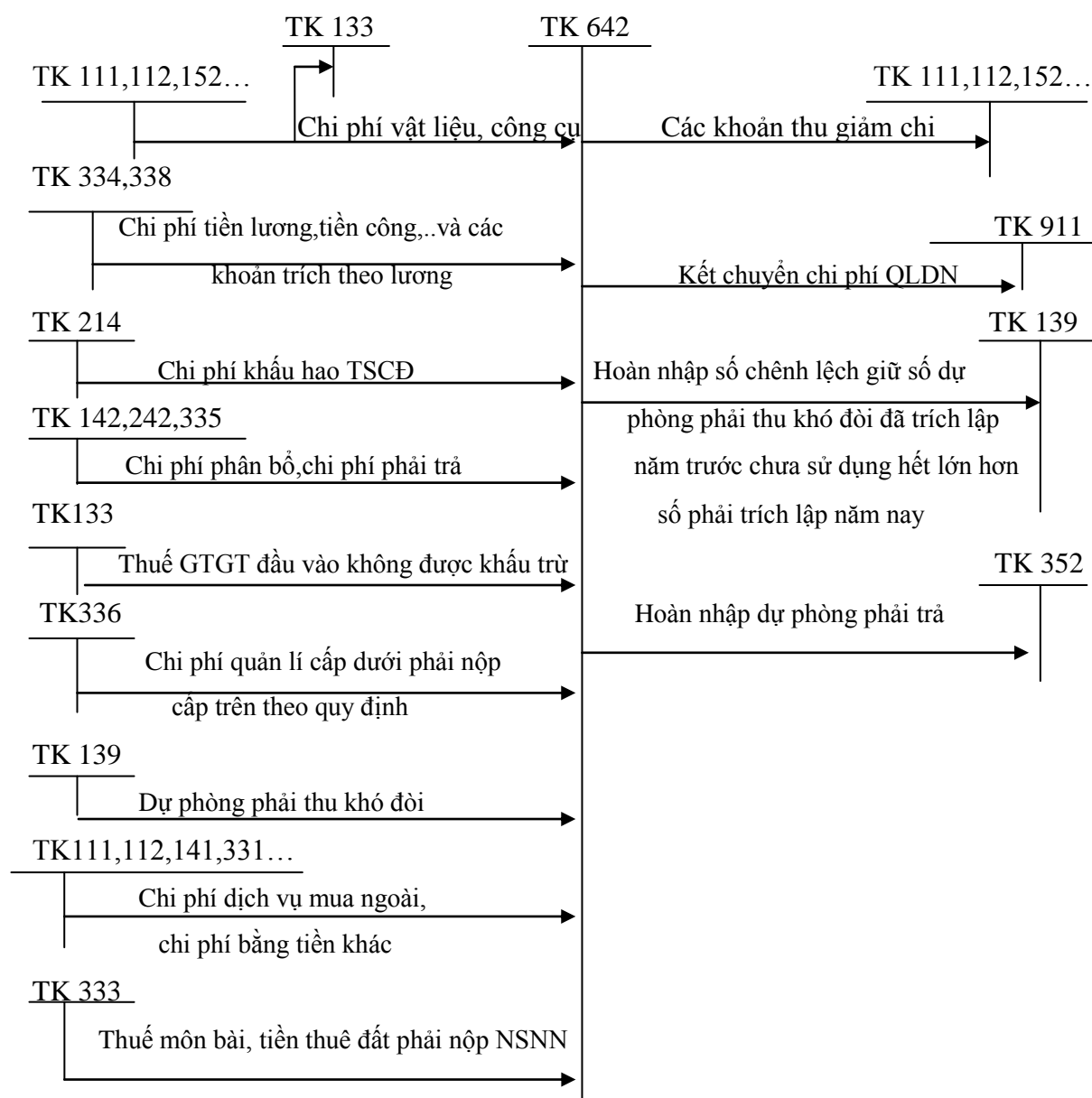
Tài khoản 642 không có số dư cuối kỳ.



Tài khoản 642 bao gồm 8 tài khoản cấp 2 sau:

- + TK 6421 – Chi phí nhân viên quản lý
- + TK 6422 – Chi phí vật liệu quản lý
- + TK 6423 – Chi phí đồ dùng văn phòng
- + TK 6424 – Chi phí khấu hao tài sản cố định
- + TK 6425 - Thuế, phí và lệ phí
- + TK 6427 – Chi phí dịch vụ mua ngoài
- + TK 6428 – Chi phí bằng tiền khác

**Sơ đồ 1.12: Hạch toán chi phí quản lý doanh nghiệp**



### **1.2.5 Kế toán doanh thu chi phí hoạt động tài chính trong doanh nghiệp**

#### **1.2.5.1 Kế toán doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu hoạt động tài chính là số tiền thu được từ các hoạt động đầu tư tài chính hoặc kinh doanh về vốn mang lại như lãi tiền gửi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm: Tiền lãi; thu nhập từ cho thuê tài sản, cho người khác sử dụng tài sản ( Bằng sáng chế, nhãn hiệu thương mại, bản quyền tác giả, phần mềm vi tính...), cổ tức, lợi nhuận được chia; thu nhập về hoạt động đầu tư mua, bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn, thu nhập chuyển nhượng, cho thuê cơ sở hạ tầng; thu nhập về các hoạt động đầu tư khác, chênh lệch lãi do bán ngoại tệ, khoản lãi chênh lệch tỷ giá ngoại tệ, chênh lệch lãi chuyển nhượng vốn,...

#### **Tài khoản sử dụng: TK 515: Doanh thu hoạt động tài chính**

##### **- Bên Nợ:**

+ Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có).

+ Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính sang TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh.

**- Bên Có:** Doanh thu hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ.

Tài khoản 515 không có số dư cuối kỳ.

#### **1.2.5.2 Kế toán chi phí tài chính**

Chi phí hoạt động tài chính là toàn bộ khoản chi phí phát sinh trong kỳ hạch toán liên quan đến các hoạt động về vốn, hoạt động đầu tư tài chính và các nghiệp vụ mang tính chất tài chính trong doanh nghiệp.

Chi phí hoạt động tài chính bao gồm: Chi phí liên quan đến hoạt động đầu tư chứng khoán, chi phí lãi vay, vốn kinh doanh các khoản dài hạn và ngắn hạn, chi phí hoạt động liên doanh, chi phí cho vay vốn ngắn hạn và dài hạn, chi phí về mua bán ngoại tệ, chi phí cho thuê tài sản thuê cơ sở hạ tầng, chi phí đầu tư tài chính khác.

**Tài khoản sử dụng:**

**TK 635: Chi phí tài chính**

**- Bên Nợ:**

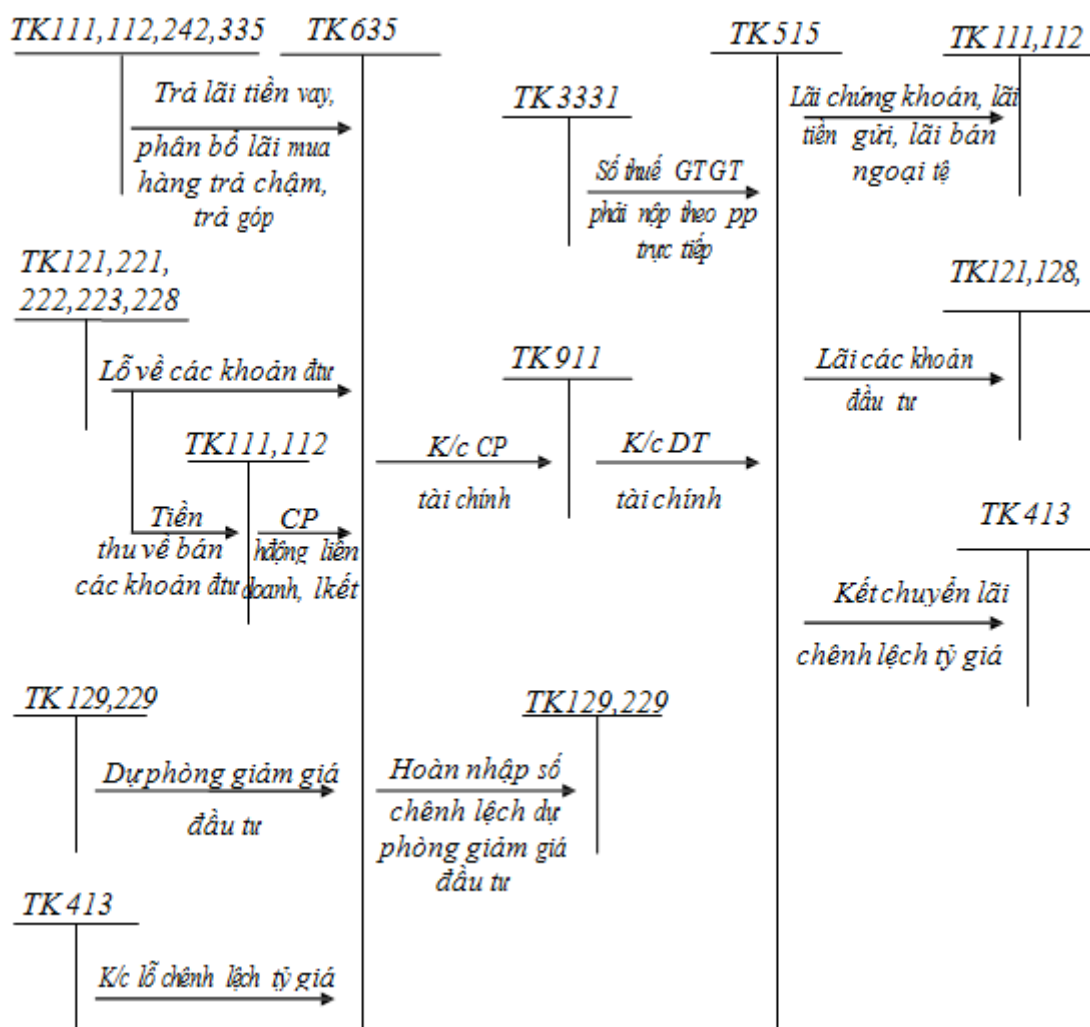
- + Các khoản chi phí hoạt động tài chính
- + Các khoản lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn
- + Các khoản lỗ chênh lệch về tỷ giá ngoại tệ phát sinh thực tế trong kỳ
- + Khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ
- + Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

**- Bên Có:**

- + Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán
- + Cuối kỳ kế toán kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính và các khoản lỗ phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài khoản 635 – Không có số dư cuối kỳ.

Hạch toán theo sơ đồ 1.12



### 1.2.6. Kế toán doanh thu chi phí khác trong doanh nghiệp

#### 1.2.6.1 Kế toán thu nhập khác

Thu nhập khác là khoản tiền thu được góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu từ những hoạt động ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu như: thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng,...

**Tài khoản sử dụng: TK 711 - Thu nhập khác**

**- Bên Nợ**

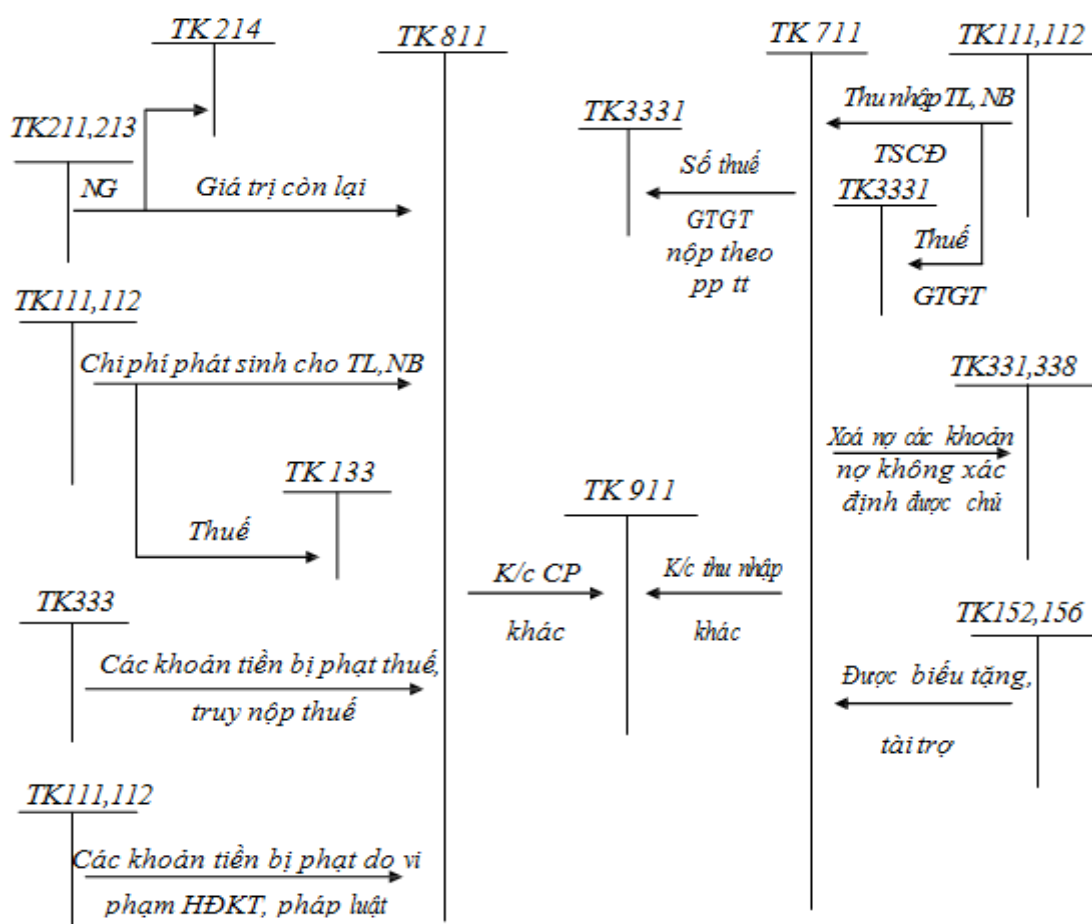
+ Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp.

+ Cuối kỳ kế toán, kết chuyển các khoản thu nhập khác trong kỳ sang tài khoản 911 - Xác định kết quả kinh doanh.

**- Bên Có:** Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ.

Tài khoản 711 - Thu nhập khác không có số dư cuối kỳ.

**Hạch toán theo sơ đồ 1.13**



### *1.2.6.2. Kế toán chi phí khác*

Chi phí khác bao gồm các khoản chi phí ngoài các chi phí sản xuất, kinh doanh phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, như: Chi phí về thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, các khoản tiền bị khách hàng phạt do vi phạm hợp đồng.

#### **Tài khoản sử dụng: TK 811 - Chi phí khác**

- **Bên Nợ:** Các khoản chi phí khác phát sinh

- **Bên Có:** Cuối kỳ kế toán kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ vào TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh.

Tài khoản 811 - Chi phí khác không có số dư cuối kỳ.

#### **Hạch toán theo sơ đồ 1.13**

### *1.2.7 Kế toán xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp*

Kết quả kinh doanh là số tiền lãi hay lỗ từ các hoạt động của doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định. Đây là kết quả cuối cùng của hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường và các hoạt động khác của doanh nghiệp.

#### *1.2.7.1. Nguyên tắc hạch toán*

- Tài khoản này phải phản ánh đầy đủ, chính xác các khoản kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán theo đúng quy định của chính sách tài chính hiện hành.

- Kết quả hoạt động kinh doanh phải được hạch toán chi tiết theo từng loại hoạt động (hoạt động sản xuất, chế biến, hoạt động kinh doanh thương mại, dịch vụ, hoạt động tài chính...). Trong từng loại hoạt động kinh doanh có thể cần hạch toán chi tiết cho từng loại sản phẩm, từng ngành hàng, từng loại DV.

#### *1.2.7.2 Kết cấu tài khoản*

#### **TK 911- Xác định kết quả kinh doanh**

- **Bên Nợ:**

+ Trị giá vốn của sản phẩm hàng hoá, lao vụ, dịch vụ đã tiêu thụ và toàn bộ chi phí kinh doanh bất động sản đầu tư phát sinh trong kỳ.

+ Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

- + Chi phí tài chính
- + Chi phí khác
- + Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp
- + Lãi sau thuế các hoạt động trong kỳ

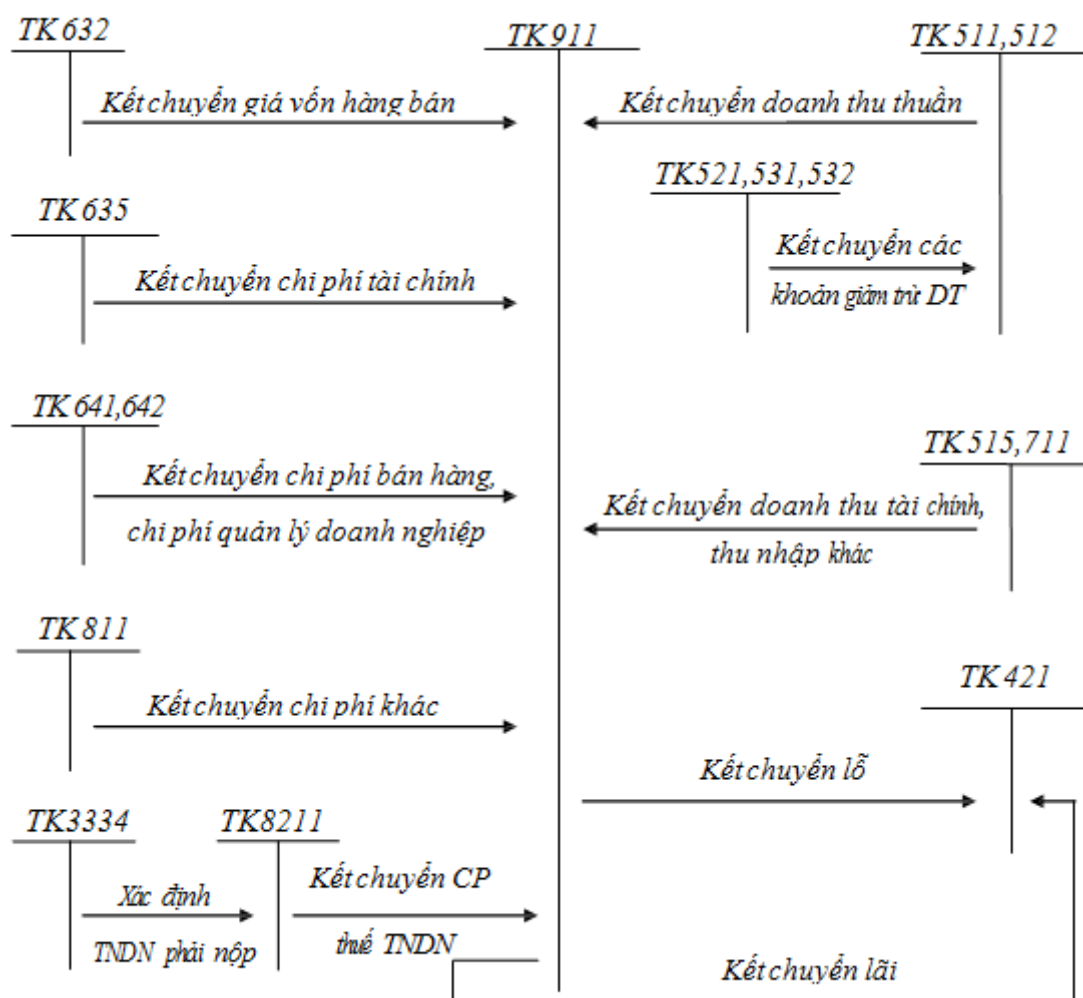
**- Bên Có:**

- + Doanh thu thuần về sản phẩm hàng hoá, dịch vụ tiêu thụ trong kỳ và doanh thu thuần kinh doanh bất động sản đầu tư phát sinh trong kỳ.
- + Doanh thu hoạt động tài chính
- + Thu nhập khác
- + Lỗ về các hoạt động trong kỳ

Tài khoản 911 không có số dư cuối kỳ

Ta có sơ đồ hạch toán:

**Sơ đồ 1.14: Hạch toán xác định kết quả kinh doanh**



## **TK 821- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp**

### **Bên nợ:**

- + Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh trong năm
- + Thuế TNDN hiện hành của các năm trước phải nộp bổ sung do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi tăng chi phí thuế TNDN hiện hành của năm hiện tại
- + Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh trong năm từ việc ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả (là chênh lệch giữa thuế Thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh trong năm lớn hơn thuế thu nhập hoãn lại phải trả được hoàn nhập trong năm)
- + Ghi nhận chi phí thuế TNDN hoãn lại (số chênh lệch giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại được hoàn nhập trong năm lớn hơn tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm)
- + Kết chuyển chênh lệch giữa số phát sinh bên có TK 8212 lớn hơn số phát sinh bên nợ TK 8212- Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh trong kỳ vào bên có tài khoản 911- Xác định kết quả kinh doanh.

### **-Bên có:**

- + Số thuế TNDN hiện hành thực tế phải nộp trong năm nhỏ hơn số thuế thu nhập hiện hành tạm phải nộp được giảm trừ vào chi phí thuế thu nhập hiện hành đã ghi nhận trong năm
- + Số thuế TNDN phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi giảm chi phí thuế TNDN hiện hành trong năm hiện tại
- + Ghi giảm chi phí thuế TNDN hoãn lại và ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại (số chênh lệch giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm lớn hơn tài sản thuế thu nhập hoãn lại được hoàn nhập trong năm)
- + Ghi giảm chi phí thuế TNDN hoãn lại (Số chênh lệch giữa thuế TNDN hoãn lại phải trả được hoàn nhập trong năm lớn hơn thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh trong năm)
- + Kết chuyển số chênh lệch giữa chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh

trong năm lớn hơn khoản được ghi giảm chi phí thuế TNDN hiện hành trong năm vào TK 911- Xác định kết quả kinh doanh

+ Kết chuyển số chênh lệch giữa số phát sinh bên nợ TK 8212 lớn hơn số phát sinh

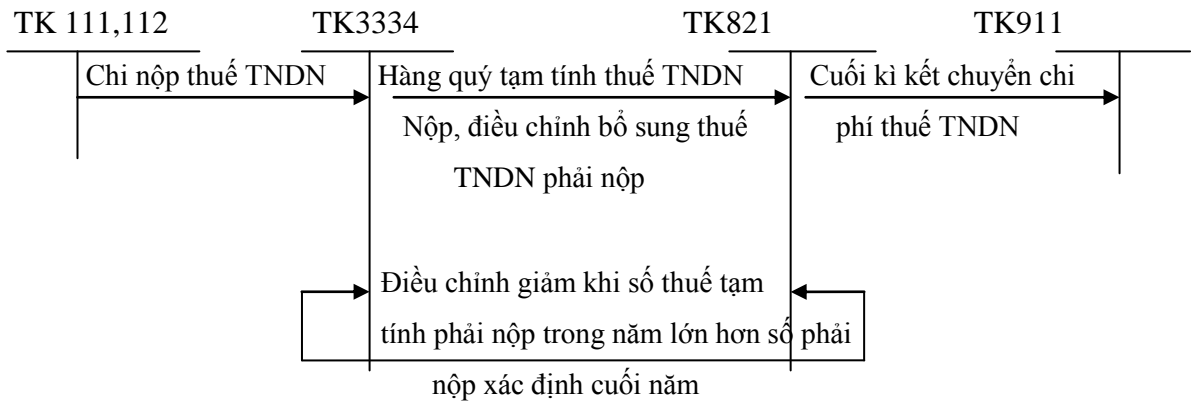
bên có TK 8212 – Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh vào bên nợ TK 911- Xác định kết quả kinh doanh.

**- TK 821 không có số dư cuối kỳ, gồm có 02 tài khoản cấp 2:**

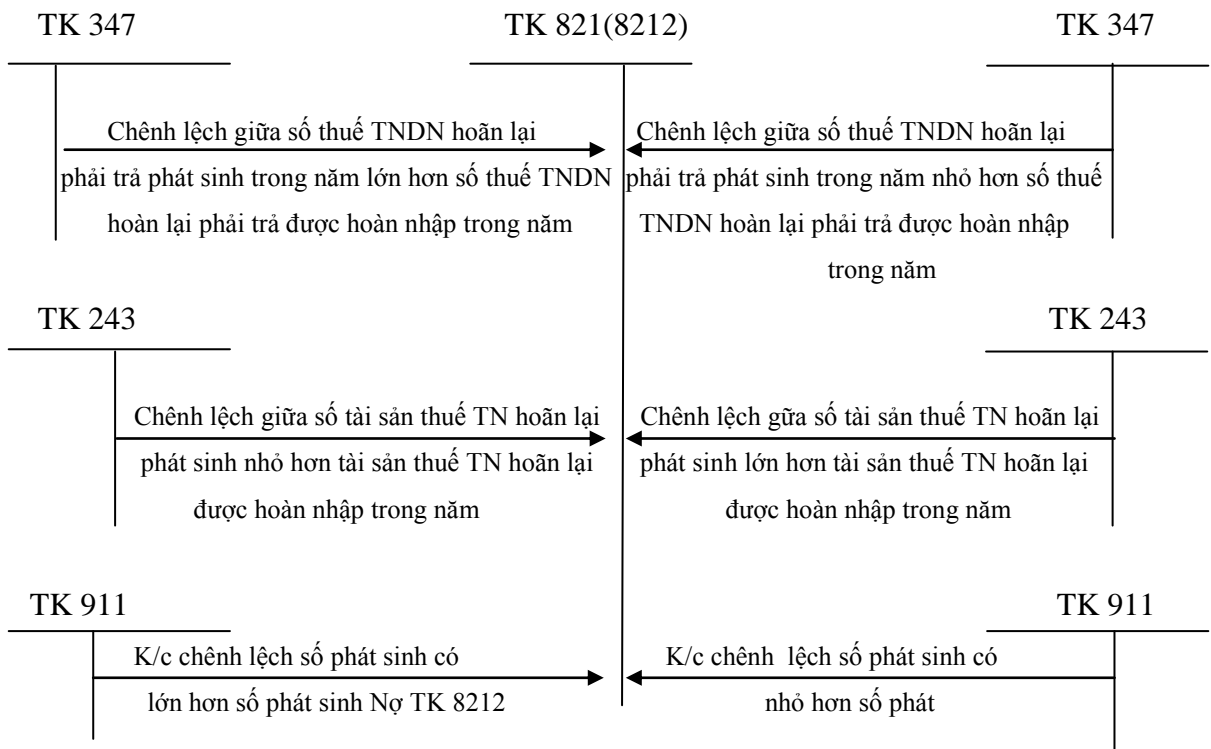
+ TK 8211- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

+ TK 8212- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

**Sơ đồ 1.15: Hạch toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp**



**Sơ đồ 1.16: Hạch toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**





### **1.2.8. Vận dụng hệ thống sổ sách vào tổ chức kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh**

Tất cả các doanh nghiệp thuộc mọi loại hình, mọi lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh và mọi thành phần kinh tế căn cứ vào quy mô, khối lượng công việc kế toán, số lượng và trình độ chuyên môn của người làm công tác kế toán để lựa chọn một hình thức kế toán phù hợp cho doanh nghiệp mình trong 5 hình thức sổ kế toán sau:

#### **a. Hình thức nhật ký chung**

Hình thức Nhật ký chung bao gồm các loại sổ chủ yếu:

- Sổ Nhật ký chung, sổ Nhật ký đặc biệt
- Sổ cái
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết

#### **b. Hình thức Nhật ký - Sổ cái**

Hình thức này gồm các loại sổ :

- Nhật ký sổ cái
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết

#### **c. Hình thức Nhật ký chứng từ**

Hình thức này gồm các sổ :

- Nhật ký chứng từ, bảng kê
- Sổ cái
- Sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết

#### **d. Hình thức Chứng từ ghi sổ**

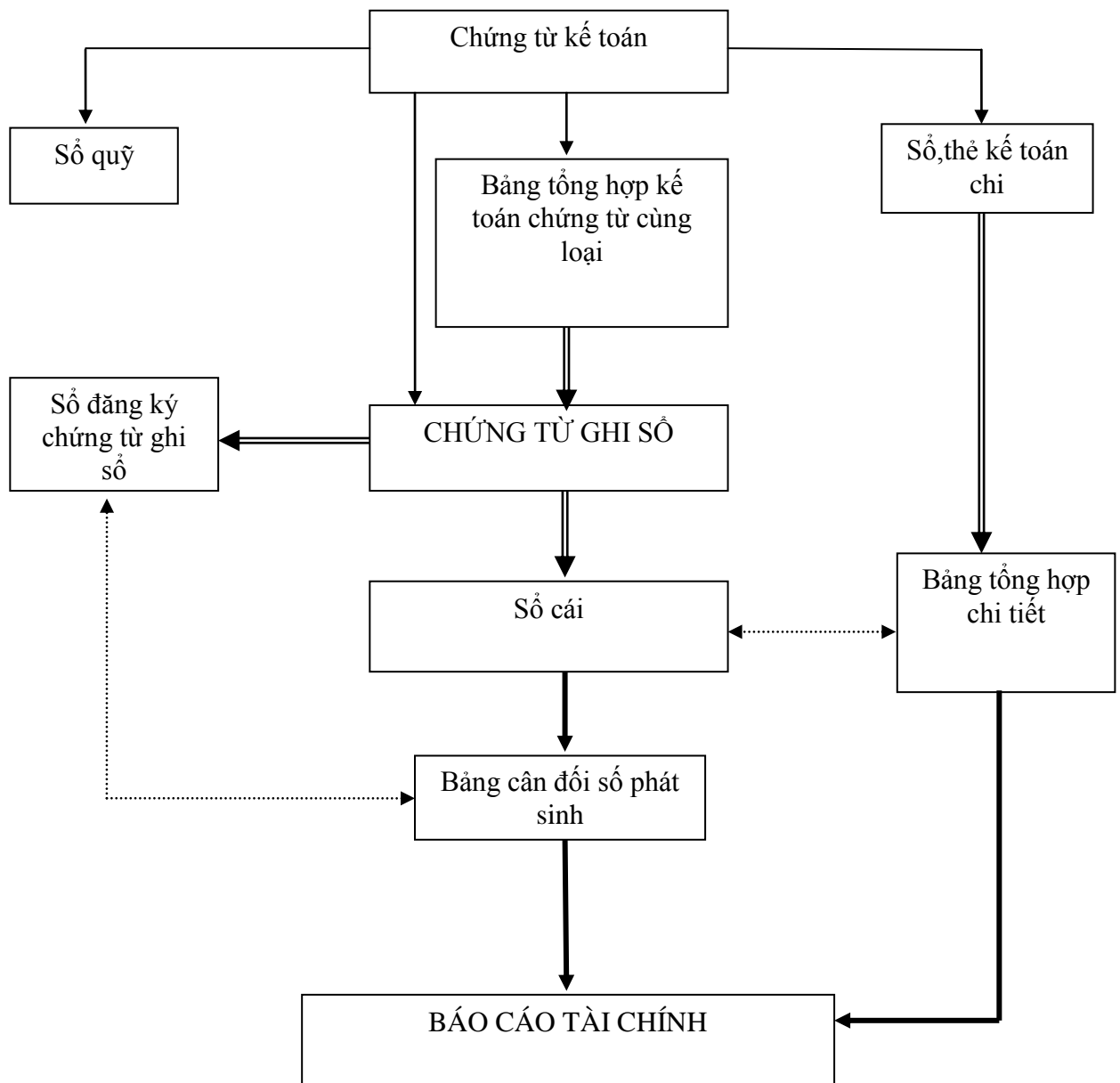
Hình thức này gồm các sổ :

- Chứng từ ghi sổ
- Sổ cái
- Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ
- Sổ và thẻ kế toán chi tiết

#### **e. Hình thức kế toán trên máy vi tính**

Hình thức sổ kế toán trên máy vi tính: Hình thức nào sẽ có loại sổ kế toán của hình thức kế toán đó nhưng không hoàn toàn giống mẫu sổ kế toán bằng tay.

Sau đây em xin trình bày khái quát sơ đồ hạch toán sổ kế toán theo hình thức chứng từ ghi sổ



Ghi chú:

Ghi hàng ngày  $\longrightarrow$

Ghi cuối tháng  $\Longrightarrow$

Đối chiếu, kiểm tra  $\longleftrightarrow$

Ghi cuối quý, năm  $\longrightarrow$

## **CHƯƠNG II**

# **THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ MÁY TÀU THỦY AN PHÚ**

## **2.1 KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY VẬT TƯ MÁY TÀU THỦY AN PHÚ**

### **2.1.1 Lịch sử hình thành và phát triển của công ty cổ phần vật tư máy tàu thủy An Phú**

Tiền thân của công ty chỉ là một cửa hàng kinh doanh phụ tùng máy thủy. Sau một thời gian kinh doanh trên thị trường, cửa hàng đã có được một số vốn lớn, tạo được nhiều mối quan hệ với các đối tác lớn và cùng với nhịp phát triển nhanh chóng của ngành đóng tàu Hải Phòng, Công ty CP Vật tư máy tàu thủy An Phú đã ra đời.

Công ty CP vật tư vật tư máy tàu thủy An Phú được thành lập năm 2004.

Mã số doanh nghiệp: 0200576908

Đăng ký lần đầu ngày 12 tháng 2 năm 2004. Đăng ký thay đổi lần thứ 4, ngày 28 tháng 4 năm 2010.

Tên gọi: CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ MÁY TÀU THỦY AN PHÚ  
Tên đối ngoại: ANPHU MARINE ENGINE MATERRIALS JOINT STOCKCOMPANY  
Tên viết tắt: ANPHU MEM JSC  
Trụ sở chính: 512 Tôn Đức Thắng, An Đồng, An Dương, TP. Hải Phòng  
Giám đốc: Ông Nguyễn Hoàng Hóa  
Điện thoại: (031) 3857 020 – Fax: (031) 3839 909  
Mã số thuế: 0200576908  
Email: anphumaythuy@gmail.com  
Vốn điều lệ: 27.000.000.000 đồng.

### **2.1.2 Đặc điểm kinh doanh của công ty CP vật tư máy tàu thủy An Phú**

Vận tải và dịch vụ vận chuyển hàng hóa nội địa

Kinh doanh vật tư, phụ tùng máy tàu thủy

Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan..

Bán buôn sắt, thép

### **2.1.3 Những khó khăn và những thành tích đã đạt được trong các năm gần đây**

**\*Thuận lợi:** Công ty CP vật tư máy tàu thủy An Phú có một bộ máy quản lý với trình độ và một đội ngũ công nhân viên, kỹ sư lành nghề, chăm chỉ và có trách nhiệm. Các phòng ban đã phối hợp với nhau một cách chặt chẽ và cùng với Ban Giám Đốc công ty đã đưa Công ty lên một tầm cao mới, ngày càng có tên tuổi trong ngành đóng tàu và ngành vận tải biển Hải Phòng.

Công ty đã có một cơ cấu tổ chức rất đầy đủ và chuyên nghiệp. Trong cơ cấu tổ chức này, các chức năng được chuyên môn hóa hình thành nên các phòng ban. Các phòng ban hình thành với tư cách là bộ phận tham mưu cho Giám Đốc, các phòng ban gửi các báo cáo cần thiết giúp cho Giám đốc đưa ra các quyết định đúng đắn...

**\*Khó khăn:** Năm 2010, 2011 do lãi suất tiền vay ngân hàng tăng cao nên doanh nghiệp hết sức cố gắng cũng chưa trả hết lãi tiền vay ngân hàng. Năm 2012 doanh nghiệp có thêm tàu Đại Giang để vận chuyển. Nhưng từ giữa năm 2012 do kinh tế giảm, nhu cầu tiêu thụ xăng dầu trong nước giảm nên tàu không có hàng chạy. Trong khi lãi suất tiền vay ngân hàng giảm không đáng kể, DN cố gắng cũng chỉ trả được 10%/năm 2012 số còn lại vẫn nợ NH.

#### **Bảng 1.1**

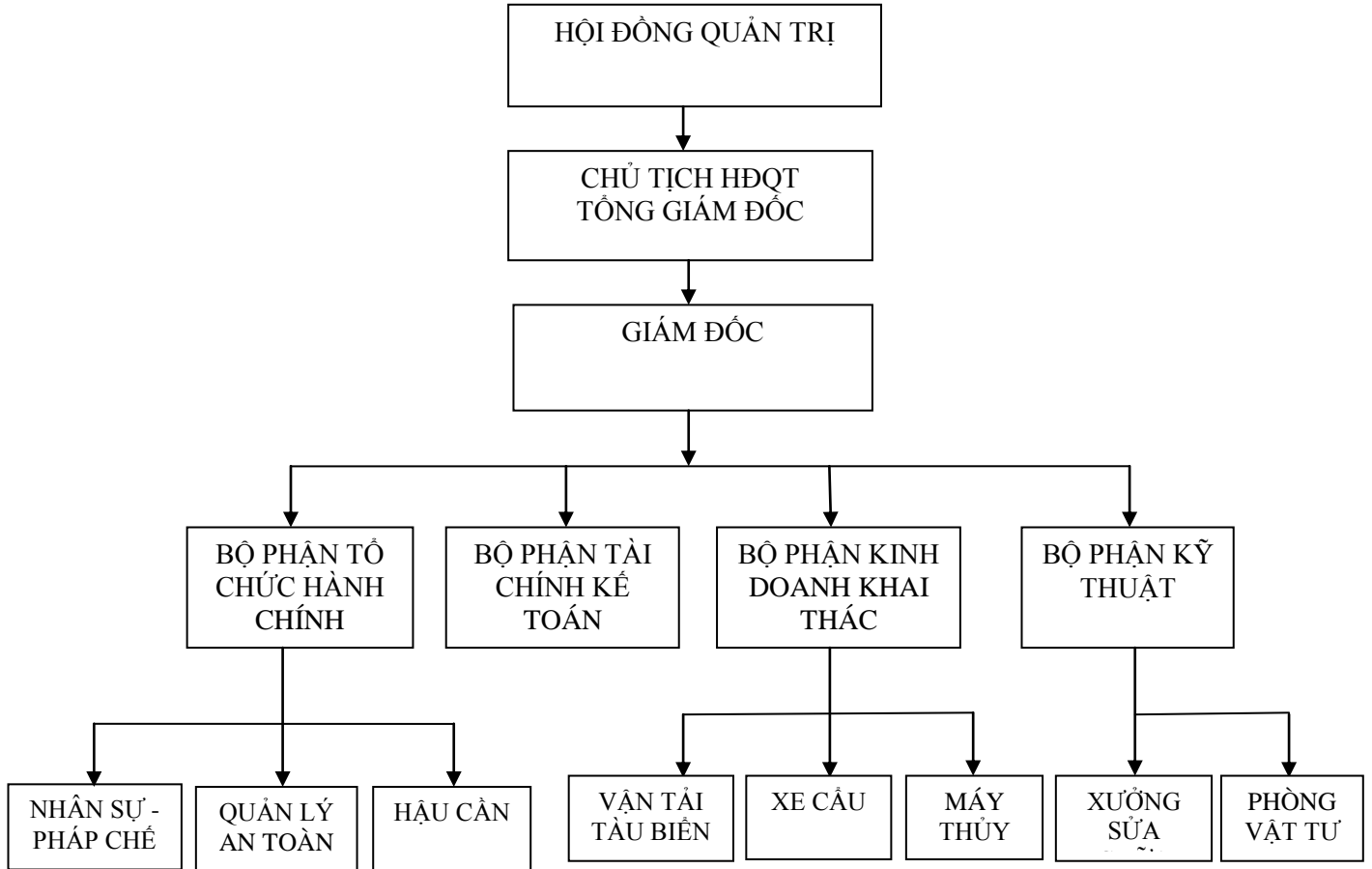
Báo cáo KQKD 3 năm gần đây :

Chỉ tiêu	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2012
Doanh thu thuần	20.592.978.651	51.647.788.877	55.626.954.500
Giá vốn hàng bán	15.366.963.871	31.903.820.775	41.593.317.999
Lợi nhuận gộp	5.226.014.780	19.743.968.102	14.033.636.501
Tổng LNTT	152.785.079	451.675.308	215.788.806
Thuế TNDN	38.196.370	112.918.827	53.947.022
Lợi nhuận sau thuế	114.588.709	338.756.481	161.841.784

**2.1.4 BỘ MÁY TỔ CHỨC QUẢN LÝ CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ MÁY TÀU THỦY.**

2.1.4.1 Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý ở công ty

**Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý**



**Bảng 1.2**

**Danh sách thành viên góp vốn điều lệ**

Thành viên	Giá trị vốn góp	Phần vốn góp
Trần Văn Phú	13.500.000.000	50%
Nguyễn Hoàng Hóa	8.100.000.000	30%
Phạm Thị Định	5.400.000.000	20%

+ *Hội đồng quản trị*: Là cơ quan thay mặt đại hội đồng cổ đông quản lý Công ty giữa hai kỳ đại hội, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích quyền lợi Công ty, trừ những vấn đề thuộc đại hội đồng cổ đông quyết định. Định hướng chính sách tồn tại và phát triển thông qua hoạch định các chính sách, ra nghị quyết hành động cho từng thời

điểm phù hợp với tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

+ *Giám đốc công ty* : Người lãnh đạo cao nhất, lập ra các định hướng phát triển cho công ty, đồng thời giám sát bộ máy quản lí, các hoạt động kinh doanh, chính sách nhân sự, tài chính, chất lượng.

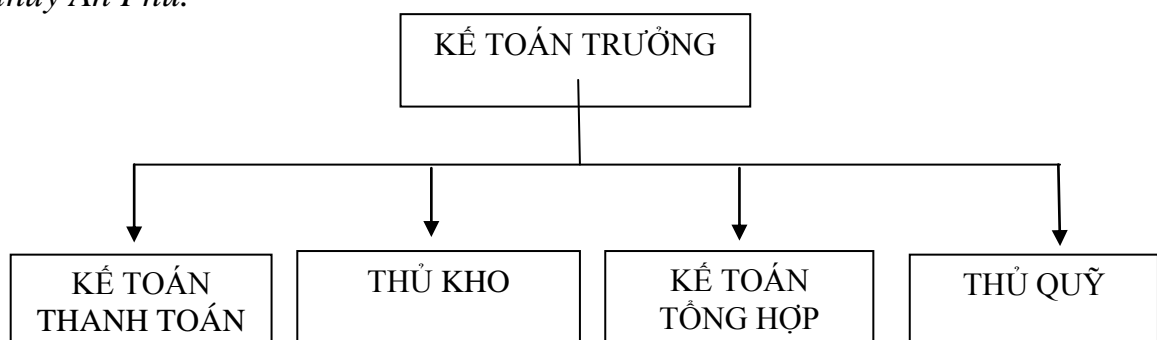
+ *Bộ phận Kinh doanh-khai thác* : Làm tham mưu cho giám đốc thiết lập các kế hoạch về toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh, xây dựng phương án kinh doanh, soạn thảo hợp đồng kinh tế.

+ *Bộ phận Tổ chức – Hành chính* : Quản lý tuyển chọn cán bộ công nhân viên có năng lực , tay nghề. Bảo quản lưu trữ con dấu, giấy tờ và công văn của công ty. Cung cấp các thiết bị văn phòng, chịu trách nhiệm về đối nội, đối ngoại.

+ *Bộ phận Tài chính – Kế toán* : Hạch toán kinh doanh và quản lý tài chính. Cung cấp thông tin để lãnh đạo công ty biết được tình hình sử dụng các loại sản , lao động, vật tư, tiền vốn, doanh thu, chi phí, kết quả sản xuất kinh doanh của công ty phục vụ cho việc điều hành, quản lý hoạt động của công ty một cách kịp thời hiệu quả.

+ *Bộ phận kỹ thuật*: Phòng Kỹ thuật là đơn vị thuộc bộ máy quản lý của công ty, có chức năng tham mưu cho HĐQT và Tổng giám đốc về công tác kỹ thuật, công nghệ, định mức và chất lượng sản phẩm. Thiết kế, triển khai giám sát về kỹ thuật các sản phẩm làm cơ sở để hạch toán, đấu thầu và ký kết các hợp đồng kinh tế. Kết hợp với phòng Kế hoạch Vật tư theo dõi, kiểm tra chất lượng, số lượng hàng hoá, vật tư khi mua vào hoặc xuất ra. Kiểm tra, giám sát, nghiệm thu chất lượng sản phẩm.

2.1.4.2 *Cơ cấu tổ chức bộ máy kế toán của công ty cổ phần vật tư máy tàu thủy An Phú.*



-*Kế toán trưởng* :Người đứng đầu phòng kế toán, có nhiệm vụ chỉ đạo công tác thực hiện kế toán ở công ty, báo cáo số liệu cụ thể kết quả hoạt động kinh doanh của công ty. Đồng thời kế toán trưởng cũng tham mưu cho giám đốc về tình hình tài chính của công ty.

-*Kế toán tổng hợp*: Chịu trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu các tài liệu, số liệu, do các bộ phận kế toán khác chuyển sang, từ đó lập các bút toán kết chuyển lúc cuối kì. Lập báo cáo tháng, quý, năm, lập báo cáo tài chính.

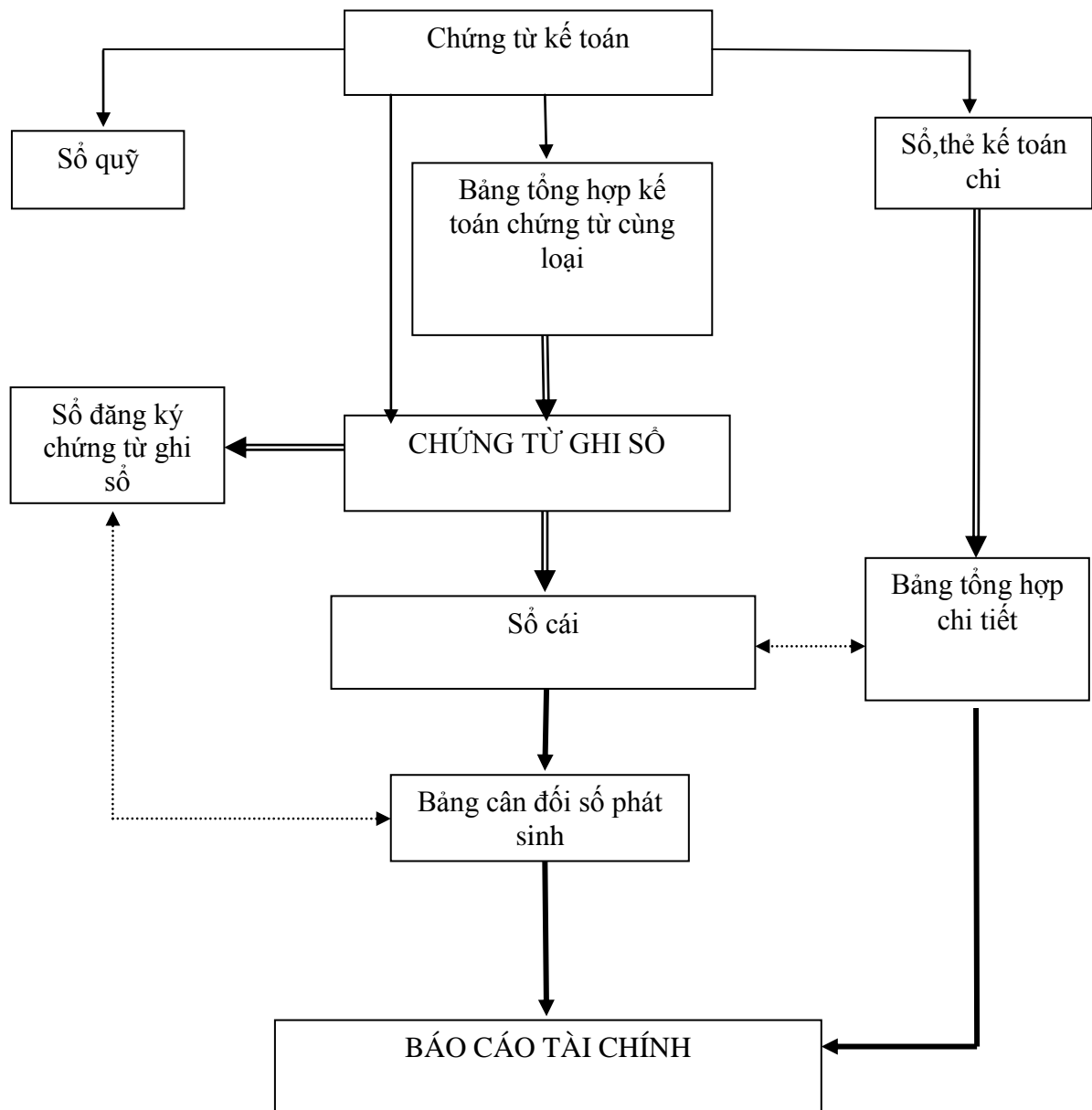
-*Thủ kho*: Nhập- xuất kho các loại hàng hóa, nhựa, vật tư, sản phẩm... Quản lí bảo quản hàng hóa, vật tư cập nhật thường xuyên các mặt hàng nhập xuất trong ngày của công ty...

-*Kế toán thanh toán* :Thực hiện thu, chi và lập báo cáo thu, chi theo kế hoạch hàng ngày. Đơn đốc thu công nợ từ khách hàng và lập báo cáo công nợ ...

-*Thủ quỹ*: Chịu trách nhiệm bảo quản tiền mặt, thực hiện thu, chi các chứng từ thanh toán đã được phê duyệt, thu tiền hàng, tiền cước phí bến bãi, trả lương cho cán bộ công nhân viên.

2.1.4.3 Hình thức ghi sổ kế toán tại công ty cổ phần vật tư máy tàu thủy An Phú

Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán chứng từ ghi sổ.



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày →
- Ghi cuối tháng ⇒
- Đối chiếu, kiểm tra ↔
- Ghi cuối quý, năm →

- Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ kế toán hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, kế toán lập Chứng từ ghi sổ. Căn cứ vào chứng từ ghi sổ để ghi vào sổ Đăng ký chứng từ ghi sổ, sau đó được dùng để ghi vào sổ cái. Các chứng từ kế toán sau



khi làm căn cứ lập Chứng từ ghi sổ được dùng để ghi vào sổ, thẻ kế toán chi tiết có liên quan.

- Cuối tháng, phải khóa sổ tính ra tổng số tiền của các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh trong tháng trên sổ Đăng ký chứng từ ghi sổ, tính ra tổng số phát sinh nợ, tổng số phát sinh có và số dư của từng tài khoản trên sổ cái, căn cứ vào Sổ cái lập Bảng cân đối số phát sinh.

- Sau khi đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên Sổ cái và bảng tổng hợp chi tiết được dùng để lập báo cáo tài chính.

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra phải đảm bảo Tổng số phát sinh nợ và Tổng số phát sinh có của tất cả các tài khoản trên bảng cân đối số phát sinh phải bằng nhau và bằng tổng số tiền phát sinh trên sổ đăng ký chứng từ ghi sổ. Tổng số dư nợ và tổng số dư có của các tài khoản trên bảng cân đối số phát sinh phải bằng nhau, và số dư của từng tài khoản trên bảng cân đối số phát sinh phải bằng số dư của từng tài khoản tương ứng trên bảng tổng hợp chi tiết.

#### *2.1.4.4 Các chính sách Kế toán của công ty cổ phần vật tư máy tàu thủy An Phú.*

- Niên độ kế toán (bắt đầu từ ngày 01/01 kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch)

- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Việt nam đồng.

- Chế độ kế toán áp dụng: chứng từ ghi sổ.

- Phương pháp kế toán hàng tồn kho:

+ Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

+ Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho cuối kỳ: Tính giá đích danh.

+ Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kế khai thường xuyên.

- Phương pháp khấu hao tài sản cố định đang áp dụng: Khấu hao đường thẳng và khấu hao trực tiếp.

## **2.2 Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần vật tư máy tàu thủy An Phú**

### **2.2.1 Kế toán doanh thu tại công ty cổ phần vật tư máy tàu thủy An Phú**

#### **2.2.1.1 Đặc điểm sản phẩm tại công ty**

Vận tải và dịch vụ vận chuyển hàng hóa nội địa

Kinh doanh vật tư, phụ tùng máy tàu thủy

Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan.

Bán buôn sắt, thép

#### **2.2.1.2 Các phương thức bán hàng**

\* Công ty áp dụng 2 phương thức bán hàng sau:

- Bán buôn: Bán trực tiếp cho các cơ quan, tổ chức, cửa hàng kinh doanh, hàng hóa được bán theo lô, hoặc bán theo khối lượng lớn. Hình thức bán buôn mà công ty áp dụng là hình thức bán buôn qua kho hoặc theo phương pháp giao hàng trực tiếp hay chuyển hàng theo đơn đặt hàng.

- Bán lẻ: Là phương thức bán hàng cho khách hàng theo giá bán lẻ tại các cửa hàng công ty. Công ty áp dụng hình thức bán lẻ trực tiếp.

\* Phương thức thanh toán tại công ty:

- Thanh toán trực tiếp bằng tiền mặt

- Thanh toán bằng chuyển khoản

- Thanh toán chậm: Việc giao hàng và thanh toán tiền hàng diễn ra vào khoảng thời gian nhất định tùy thuộc vào thỏa thuận giữa hai bên.

#### **2.2.1.3 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại công ty**

\* **Chứng từ sử dụng**

- Hóa đơn GTGT

- Giấy báo có của ngân hàng, phiếu thu

- Phiếu xuất kho

- Các sổ chi tiết có liên quan, sổ chi tiết phải thu của khách hàng

- Các chứng từ có liên quan khác...

\* **Tài khoản sử dụng:**

TK 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Để thuận tiện cho công tác hạch toán và yêu cầu quản lý, kế toán đã

theo dõi và ghi chép các loại doanh thu trên các tài khoản chi tiết như sau:

5111: Doanh thu bán máy phát điện

5112: Doanh thu bán động cơ diesel

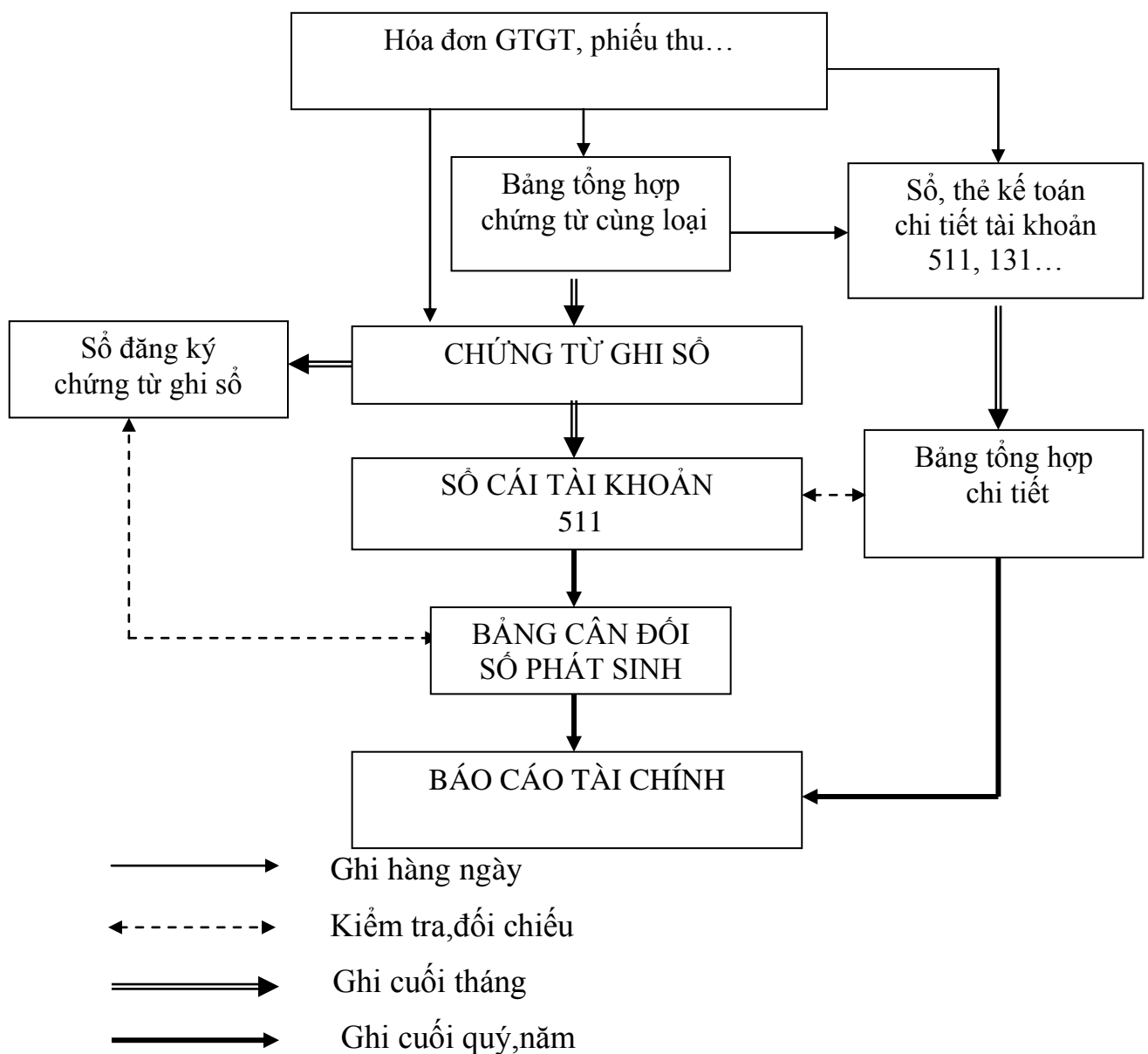
5113: Doanh thu bán củ đề

5114: Doanh thu bán bạc biên

5115: Doanh thu vận tải và dịch vụ khác

Và các tài khoản khác có liên quan.

**Quy trình hạch toán: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được thể hiện thông qua sơ đồ:**



- Từ các chứng từ ghi sổ hàng ngày như phiếu xuất, thu, HĐGTGT... vào bảng tổng hợp chứng từ cùng loại đồng thời ghi vào sổ thẻ kế toán chi tiết.

- Cuối tháng căn cứ vào bảng tổng hợp chứng từ cùng loại lập các chứng từ ghi sổ, từ chứng từ ghi sổ ghi sổ đăng ký chứng từ ghi sổ và sổ cái các TK 511... Từ sổ thẻ chi tiết lập bảng tổng hợp chi tiết TK 511, TK 131...

- Cuối kỳ căn cứ vào sổ cái lập bảng cân đối số phát sinh. Từ bảng cân đối SPS, bảng tổng hợp chi tiết kế toán lập BCTC.

**VD1:** Ngày 20/12/2012 bán hàng hóa cho công ty TNHH Đại Sơn

1 củ đèn đơn giá 3.100.000 đ/cái.

1 tải điện đơn giá 1.100.000 đ/cái.

2 bạc biên đơn giá 1.950.000 đ/cái.

Công sửa chữa, tháo lắp 3.900.000 đ

Công ty TNHH Đại Sơn trả bằng tiền mặt tổng cộng tiền thanh toán là

13.200.000 VNĐ.

Kế toán lập HDGTGT số 0000282 và phiếu thu số 020/12 theo định khoản:

+ ) Nợ TK 111: 13.200.000

Có TK 511: 12.000.000

Có TK 3331: 1.200.000

- Căn cứ vào HDGTGT số 0000282 kế toán vào bảng tổng hợp chứng từ cùng loại và ghi sổ chi tiết TK 511, TK 3331. Căn cứ phiếu thu kế toán ghi vào sổ quỹ tiền mặt phản ánh số tiền thu được.

- Cuối tháng căn cứ vào bảng tổng hợp chứng từ cùng loại vào chứng từ ghi sổ. Dựa vào các chứng từ ghi sổ phát sinh kế toán vào sổ đăng ký chứng từ ghi sổ và sổ cái TK 511, TK 111, TK 3331.

- Cuối quý, năm căn cứ vào sổ cái lập bảng cân đối số phát sinh, từ bảng CĐSPS lập BCTC cuối năm.

<b>HOÁ ĐƠN</b> Mẫu số: 01GTKT3/001 <b>GIÁ TRỊ GIA TĂNG</b> Ký hiệu: AA/11P Liên 3: Nội bộ      Số: 0000282 Ngày 20 tháng 12 năm 2012					
Đơn vị bán hàng: Công ty cổ phần vật tư máy tàu thủy An Phú Mã số thuế: 0200576908 Địa chỉ: Số 512 Tôn Đức Thắng, xã An Đông, huyện An Dương, TP.HP Điện thoại: 0313.857020      Fax: 0313.839909 Số tài khoản: .....					
Họ tên người mua hàng: Phạm Thị Loan ..... Tên đơn vị: Công ty TNHH Đại Sơn Mã số thuế: 0200436121 Địa chỉ: 161 Trần Nguyễn Hãn - Lê Chân - Hải Phòng ..... Hình thức thanh toán: Tiền mặt      Số tài khoản: .....					
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị Tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4x5
1	Củ đề	Cái			3.100.000
2	Tải điện		01	3.100.000	1.100.000
3	Bạc biên	Cái	01	1.100.000	3.900.000
4	Công sửa chữa, tháo lắp	Cái	02	1.950.000	3.900.000
Cộng tiền hàng:					12.000.000
Thuế GTGT: 10%					Tiền thuế GTGT: 1.200.000
Tổng cộng tiền thanh toán					<b>13.200.000</b>
Số tiền viết bằng chữ: Mười ba triệu hai trăm nghìn đồng chẵn.					
Người mua hàng  (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên) (Biểu 2.1)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	

Đơn vị: CTCP vật tư máy tàu thủy An Phú

**Mẫu số 01**

Địa chỉ: Số 512 Tôn Đức Thắng, xã An

Ban hành theo QĐ số :15/2006/QĐ-BTC

Đông, huyện An Dương, TP Hải Phòng

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

**PHIẾU THU**

Ngày 20 tháng 12 năm 2012

Số 020/12

Họ tên người nộp tiền : Phạm Thị Loan

Địa chỉ : 161 Trần Nguyên Hãn-Lê Chân-Hải Phòng

Đơn vị : Công ty TNHH Đại Sơn

Về khoản : Trả tiền mua vật tư và công sửa chữa cho tàu Hải Long 688

Số tiền : 13.200.000 đồng

Số tiền viết bằng chữ: : Mười ba triệu hai trăm nghìn đồng chẵn

Kèm theo : 01HĐ 0000282

Đã nhận đủ số tiền:.....

Ngày 20 tháng 12 năm 2012

<b>Giám đốc</b>	<b>Kế toán</b>	<b>Người nộp</b>	<b>Người lập</b>	<b>Thủ quỹ</b>
(ký, họ tên)	<b>trưởng</b>	<b>tiền</b>	<b>biểu</b>	(ký, họ tên)
	(ký, họ tên)	(ký, họ tên)	(ký, họ tên)	

(Biểu 2.2)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ MÁY TÀU THỦY AN PHÚ

(Biểu 2.3)

**BẢNG TỔNG HỢP CHỨNG TỪ CÙNG LOẠI**

Ghi nợ tài khoản 111

Số chứng từ 0512

Tháng 12 năm 2012

Ngày	Số CT	Diễn giải	Tiền trong CT	Ghi có các tài khoản						
				112	131	3331	511	711	...	
...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...
08/12	PT007/12	Rút ngân hàng về nhập quỹ tiền mặt	250.743.000	250.743.000						
...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...
11/12	PT012/12	Thanh lý máy điều hòa	2.200.000			200.000		2.000.000		
19/12	PT018/12	Thu nợ khách hàng	2.568.023		2.568.023					
20/12	PT020/12	Công ty TNHH Đại Sơn mua hàng trả bằng TM	13.200.000			1.200.000	12.000.000			
...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...
		Cộng	3.485.369.447	2.169.750.000	18.000.000	2.600.000	26.000.000	2.000.000		
		Người ghi sổ (ký,họ tên)		Kế toán trưởng (ký,họ tên)			Giám đốc (ký,họ tên,đóng dấu)			

Đơn vị:CTCP vật tư máy tàu thủy An Phú

Mẫu số S02a-DN

Địa chỉ: Số 512 Tôn Đức Thắng,xã An Đông,  
huyện An Dương,TP Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**CHỨNG TỪ GHI SỔ**

Số 0512

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Trích yếu	SHTK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
...	...	...	...	
- Thu bán hàng bằng tiền mặt	111	511	26.000.000	
- Bán hàng thu tiền thuế GTGT	111	333	2.600.000	
- Rút ngân hàng về nhập quỹ tiền mặt	111	112	2.169.750.000	
- Thu nợ khách hàng bằng tiền mặt	111	131	18.000.000	
- Thu nhập khác bằng tiền mặt	111	711	2.000.000	
....	...	...	...	
<b>Cộng</b>	<b>x</b>	<b>x</b>	<b>3.485.369.447</b>	<b>X</b>

Kèm theo.....chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ  
(ký,họ tên)

Kế toán trưởng  
(ký,họ tên)

(Biểu 2.4)

Cuối tháng từ CTGS kế toán vào sổ đăng ký CTGS



**Ví dụ 2:** Ngày 21/12/2012 tổng công ty thương mại và kỹ thuật đầu tư (PETEC) – CTCP thanh toán tiền cước vận chuyển xăng cho công ty cổ phần vật tư máy tàu thủy An Phú. Do định mức hao hụt hàng hóa theo hợp đồng là: 0.50% (Chênh lệch số vận đơn và số bồn tại cảng dỡ hàng). Trong quá trình vận chuyển xăng công ty cổ phần vật tư máy tàu thủy An Phú đã làm hao hụt hàng hóa vượt định mức là 5.666 Lit 15/Kg. Số tiền CTCP vật tư máy tàu thủy An Phú phải giảm cho tổng công ty thương mại và kỹ thuật đầu tư (PETEC) – CTCP là: 133.396.338 đồng (theo biên bản đối chiếu cước vận tải)

Kế toán định khoản: Nợ TK 131: 1.449.379.800

Có TK 511: 1.317.618.000

Có TK 3331: 131.761.800

Kế toán lập HĐGTGT số 0000284. Từ HĐGTGT kế toán ghi vào sổ chi tiết TK 131, 3331, 511 và vào bảng tổng hợp chứng từ cùng loại. Cuối tháng căn cứ vào bảng tổng hợp chứng từ cùng loại vào chứng từ ghi sổ. Từ chứng từ ghi sổ phát sinh kế toán vào sổ ĐKCTGS và sổ cái TK 131, 3331, 511. Cuối quý, năm căn cứ vào sổ cái lập bảng CĐSPS, từ bảng CĐSPS lập BCTC cuối năm.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BIÊN BẢN ĐỐI CHIẾU CƯỚC VẬN TẢI**

Căn cứ phụ lục hợp đồng chuyển số: PL37/2012/PET-AP/HĐVC ký ngày 08 tháng 12 năm 2012, của hợp đồng nguyên tắc vận chuyển xăng dầu số: 02/2012/PET-ANPHU/HĐVC ký ngày 18 tháng 10 năm 2012 giữa:

**BÊN A: TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI VÀ KỸ THUẬT ĐÀU TƯ (PETEC) -CTCP**

**Đại diện: Ông Nguyễn Văn Dũng, chức vụ: Trưởng ban kinh doanh xăng dầu**

**BÊN B: CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ MÁY TÀU THỦY AN PHÚ**

**Đại diện: Ông Nguyễn Hoàng Hóa, chức vụ: Giám đốc**

Hôm nay, ngày 21/12/2012 đại diện hai bên cùng nhau đối chiếu thống nhất cước vận chuyển như sau:

Biên bản GNHH ngày 18/12/2012.

Tên tàu: An Phú 16. Tuyến vận tải: Dynamy. Loại hàng: MOSGAS 92

Hàng hóa (Lít 15/Kg)		Cước vận chuyển		Hao hụt hàng hóa				
SL nhận	SL giao	ĐG (Đ/Lít 15/KG)	Thành tiền (Đồng)	Thực tế (Lít 15/Kg)	Định mức (Lít 15/Kg)	Vượt ĐM (Lít 15/Kg)	ĐG (Đ/Lít 15/Kg)	Thành tiền (Đồng)
1	2	3	4 = 1 x 3	5 = 1 - 2	6	7 = 5 - 6	8	9 = 7 x 8
5,856,080	5,821,134	225	1,317,618,000	34,946	29,280	5,666	23,543	133,396,338

A	Cước vận chuyển	=	1,317,618,000	Đồng
B	Thuế GTGT ( 10%)	=	131,761,800	Đồng
C	Tổng cước ( A + B)	=	1,449,379,800	Đồng
D	Khấu trừ hao hụt vượt định mức	=	133,396,338	Đồng
E	Khấu trừ phí tàu già	=		
F	Khấu trừ khác	=		
G	PHẠT LƯU TÀU	=		
H	Số tiền bên A phải thanh toán cho bên B	=	1,315,983,462	Đồng

Bằng chữ: Một tỷ, ba trăm mười lăm triệu, chín trăm tám mươi ba nghìn, bốn trăm sáu mươi hai đồng.

Ghi chú: \* Định mức hao hụt hàng hóa theo hợp đồng là: Hải Phòng:

0.50% (Chênh lệch số vận đơn và số bồn tại cảng dỡ hàng)

\*Các bên thống nhất: -Bên B phát hành hóa đơn cho bên A thu số tiền cước theo hợp đồng ( không khấu trừ hao hụt vượt định mức và các chi phí khác- nếu có)

- Việc khấu trừ hao hụt vượt định mức và các chi phí khác

nếu có sẽ được bên A thực hiện đồng thời với việc thanh toán cước

Biên bản này được lập thành 04 bản có cùng nội dung và ngày tháng, mỗi bên giữ 02 bản.

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B

(Biểu 2.5)

<b>HOÁ ĐƠN</b>		Mẫu số: 01GTKT3/001			
<b>GIÁ TRỊ GIA TĂNG</b>		Ký hiệu: AA/11P			
Liên 3: Nội bộ		Số: 0000284			
Ngày 21 tháng 12 năm 2012					
Đơn vị bán hàng: Công ty cổ phần vật tư máy tàu thủy An Phú Mã số thuế: 0200576908 Địa chỉ: Số 512 Tôn Đức Thắng, xã An Đồng, huyện An Dương, TP. HP Điện thoại: 0313.857020 Fax: 0313.839909 Số tài khoản: .....					
Họ tên người mua hàng: Tên đơn vị: Tổng công ty thương mại kỹ thuật và đầu tư - CTCP Mã số thuế: 0300649476 Địa chỉ: 194 Nam Kỳ - Khởi Nghĩa – Quận 3 – TP. HCM Hình thức thanh toán: Chuyển khoản Số tài khoản: .....					
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị Tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4x5
1	Cước vận chuyển xăng (Căn cứ theo phụ lục số: PL37/2012/PET – AP/HĐVC ký ngày 08/12/2012 và biên bản đối chiếu cước)	Lít 15/Kg	5.856.080	225	1.317.618.000
Cộng tiền hàng:					1.317.618.000
Thuế GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT:		131.761.800	
Tổng cộng tiền thanh toán					1.449.379.800
Số tiền viết bằng chữ: Một tỷ bốn trăm bốn mươi chín triệu ba trăm bảy mươi chín nghìn tám trăm đồng.					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên) (Biểu 2.6)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	

Đơn vị: Công ty cổ phần vật tư máy tàu thủy An Phú

(Biểu 2.7)

Địa chỉ: Số 512 Tôn Đức Thắng, xã An Đồng, huyện An Dương, TP Hải Phòng

**SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA**

Tài khoản: 131 - Phải thu khách hàng

Đối tượng : Tổng công ty thương mại và kỹ thuật đầu tư (PETEC) - CTCP

Loại tiền : VNĐ

Năm 2012

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ Số hiệu	Ngày tháng	Diễn giải	Thời hạn được CK	TKĐ U	Số phát sinh		Số dư	
						Nợ	Có	Nợ	Có
			<b><u>Số dư đầu kì</u></b>					2.087.463.505	
			.....						
21/12	HĐ 0000284	21/12	Phải thu tiền cước vận chuyển xăng		511 3331	1.317.618.000 131.761.800		4.568.635.000 4.700.396.800	
			.....						
24/12	PT028/12	24/12	Công ty thanh toán tiền hàng bằng TGNH		112		2.869.573.550	5.625.365.679	
			.....						
			<b>Cộng SPS trong kì</b>			10.895.245.225	9.658.998.478		
			<b><u>Số dư cuối kì</u></b>					3.323.710.252	

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Người lập biểu**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ MÁY TÀU THỦY AN PHÚ**

**BẢNG TỔNG HỢP CHỨNG TỪ CÙNG LOẠI**

Ghi nợ tài khoản 131

Số chứng từ 0812

Tháng 12 năm 2012

Ngày	Số CT	Diễn giải	Tiền trong CT	Ghi có các tài khoản		
				511	3331	...
...	...	...	...	...	...	...
21/12	HĐ 0000284	Bán hàng chưa tiền CTTMKT- Đầu tư	1.449.379.800	1.317.618.000	131.761.800	
22/12	HĐ 0000287	Bán hàng chưa thu tiền CTTNHHTM & DV Tuấn Long	584.982.000	531.801.818	53.180.182	
...	...	...	...	...	...	...
		Cộng	3.574.893.040	2.849.419.818	284.941.982	...

Người ghi sổ  
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(ký, họ tên)

Giám đốc  
(ký, họ tên, đóng dấu)

(Biểu 2.8)

**CHỨNG TỪ GHI SỔ**

Số 0812

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
...	...	...	...	
- Bán hàng chưa thu tiền	131	511	2.849.419.818	
- Thuế GTGT đầu ra	131	3331	284.941.982	
....	...	...	...	
<b>Cộng</b>	<b>x</b>	<b>x</b>	<b>3.574.893.040</b>	<b>X</b>

Kèm theo.....chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ  
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(ký, họ tên)

(Biểu 2.9)

Cuối tháng từ CTGS kế toán vào sổ đăng ký CTGS

Đơn vị: CTCP vật tư máy tàu thủy An Phú

Mẫu số S02c1-DN

Địa chỉ: Số 512 Tôn Đức Thắng, xã An

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày

Đồng, huyện An Dương, TP Hải Phòng

20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

(Biểu 2.10)

(Dùng cho hình thức kế toán chứng từ ghi sổ)

Năm 2012

Tên tài khoản: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Số hiệu: 511

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ		-	-
			SPS		.....	.....
31/12	0712	31/12	Bán hàng thu bằng tiền gửi ngân hàng T12/2012	112		2.086.336.448
31/12	0812	31/12	Bán hàng chưa thu tiền T12/2012	131		2.849.419.818
31/12	0512	31/12	Thu bán hàng bằng tiền mặt T12/2012	111		26.000.000
			.....		.....	.....
31/12	PKT 288	31/12	Kết chuyển giảm doanh thu	532	133.396.338	
31/12	4012	31/12	Kết chuyển doanh thu bán hàng	911	55.626.954.500	
			Cộng SPS		55.760.350.838	55.760.350.838
			Số dư cuối kỳ		-	-

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Người lập biểu**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

Đơn vị: Công ty cổ phần vật tư máy tàu thủy An Phú

(Biểu 2.11)

Địa chỉ: Số 512 Tôn Đức Thắng, xã An Đồng, huyện An Dương, TP Hải Phòng

**SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG**

Tài khoản: 51113-Doanh thu bán củ đề

Năm 2012

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số lượng	Doanh thu bán hàng		
	Số hiệu	Ngày tháng				Đơn giá	Nợ	Có
20/12	Hóa đơn GTGT 0000282	20/12	Bán hàng cho công ty TNHH Đại Sơn	131	1	3.100.000		3.100.000
22/12	HĐGTGT 0000286	22/12	Bán hàng cho công ty CP TM Đức Thành	131	10	1.150.000		11.500.000
24/12	HĐGTGT 0000290	24/12	Bán hàng cho công ty TNHH TM & DV Tuấn Long	111	8	3.039.432		24.315.456
31/12	K/c	31/12	Kết chuyển doanh thu bán củ đề	911			12.896.265.005	
			<b>Cộng phát sinh</b>				12.896.265.005	12.896.265.005

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Người lập biểu**

(ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(ký, họ tên)

**Giám đốc**

(ký, họ tên)



Đơn vị: Công ty cổ phần vật tư máy tàu thủy An Phú

(Biểu 2.12)

Địa chỉ: Số 512 Tôn Đức Thắng, xã An Đồng,

huyện An Dương, TP Hải Phòng

**BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT TÀI KHOẢN**

Tài khoản: 511-Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Năm 2012

STT	SHTK chi tiết	Diễn giải	Số tiền		Ghi chú
			Nợ	Có	
1	51111	Doanh thu bán máy phát điện	5.086.225.654	5.086.225.654	
2	51112	Doanh thu bán động cơ diesel	2.987.254.667	2.987.254.667	
3	51113	Doanh thu bán củ đề	12.896.265.005	12.896.265.005	
4	51114	Doanh thu bán bạc biên	3.668.365.478	3.668.365.478	
5	51115	Doanh thu dịch vụ khác	31.122.240.038	31.122.240.038	
		Cộng	55.760.350.838	55.760.350.838	

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Người lập biểu**

(ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(ký, họ tên)

**Giám đốc**

(ký, họ tên)

**2.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán****\* Nội dung giá vốn của công ty**

Công ty cổ phần vật tư máy tàu thủy An Phú là công ty kinh doanh các sản phẩm dịch vụ, công ty không có quy trình tập hợp chi phí để tính giá thành.

+ Giá vốn hàng bán là giá đã bao gồm giá mua toàn bộ giá mua và chi phí có liên quan đến thu mua.

+ Giá vốn của hàng bán được xác định theo phương pháp tính giá đích danh. Công ty áp dụng phương pháp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên

$$\text{Trị giá hàng tồn cuối kỳ} = \text{Trị giá hàng tồn đầu kỳ} + \text{Trị giá hàng nhập trong kỳ} - \text{Trị giá hàng xuất trong kỳ}$$
**\* Chứng từ và tài khoản sử dụng***Chứng từ sử dụng*

- Phiếu nhập kho, XK
- HĐ GTGT, phiếu thu, chi

*Tài khoản sử dụng*

- TK 632–Giá vốn hàng bán

Để thuận tiện cho việc theo dõi sự biến động của giá vốn các loại hàng hóa, kế toán theo dõi và ghi chép các loại giá vốn trên các TK chi tiết như sau:

6321: Giá vốn máy phát điện

6322: Giá vốn động cơ diesel

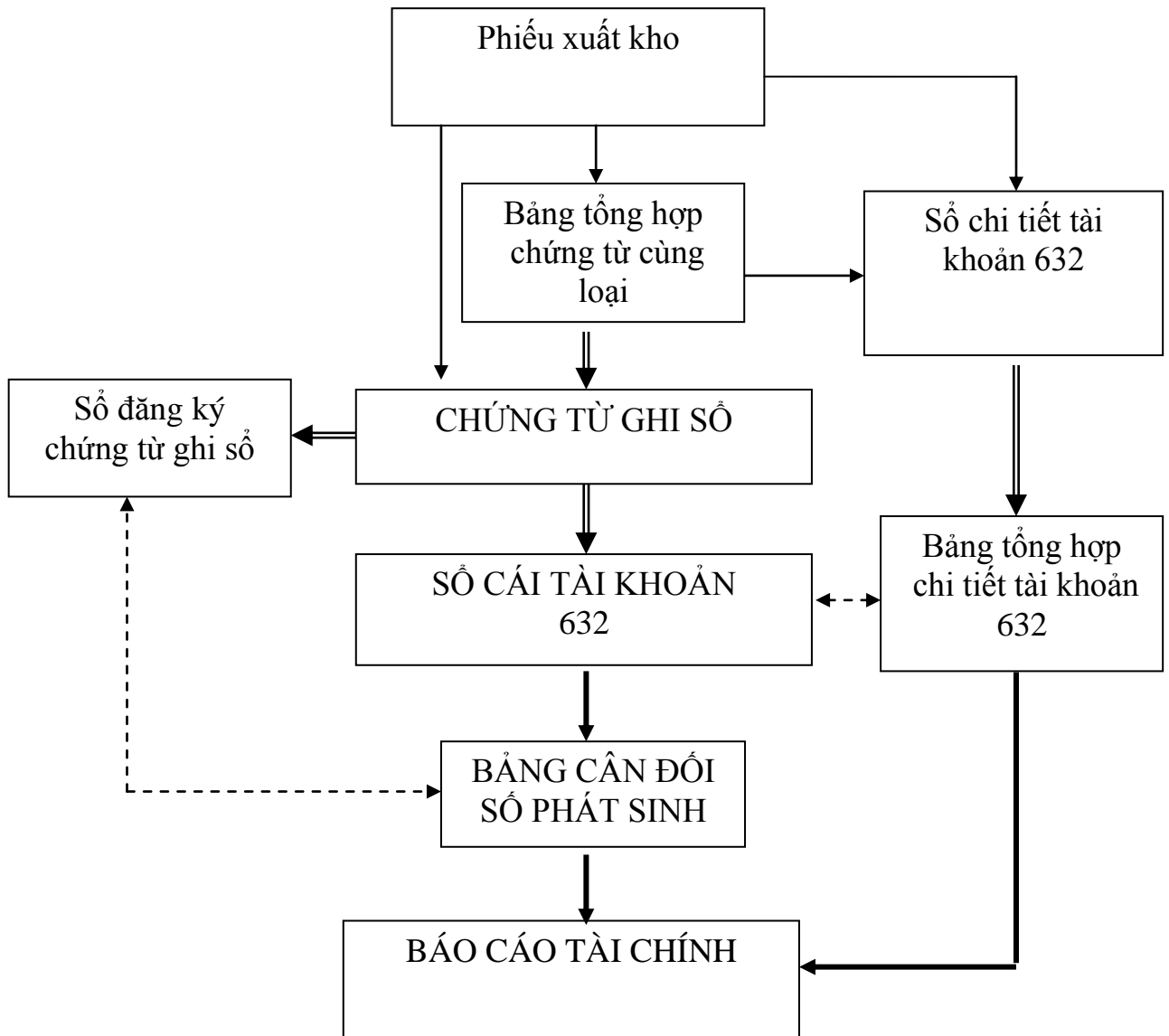
6323: Giá vốn của đề

6324: Giá vốn bạc biên

6325: Giá vốn dịch vụ

**\* Quy trình hạch toán**

Quy trình hạch toán giá vốn hàng bán tại Công ty cổ phần vật tư máy tàu thủy An Phú được khái quát bằng sơ đồ:



- > Ghi hàng ngày
- ←- - - - -> Kiểm tra, đối chiếu
- =====> Ghi cuối tháng
- =====> Ghi cuối quý, năm

- Từ các chứng từ ghi sổ hàng ngày như phiếu xuất kho vào bảng tổng hợp chứng từ cùng loại đồng thời ghi vào sổ thẻ kế toán chi tiết.
- Cuối tháng căn cứ vào bảng tổng hợp chứng từ cùng loại lập các chứng từ ghi sổ, từ chứng từ ghi sổ kế toán ghi sổ đăng ký chứng từ ghi sổ và sổ cái các TK 632, Từ sổ thẻ chi tiết lập bảng tổng hợp chi tiết TK 632.
- Cuối quý, năm căn cứ vào sổ cái lập bảng cân đối số phát sinh. Từ bảng cân đối số phát sinh, bảng tổng hợp chi tiết kế toán lập BCTC.

**VD3:**

Lấy tiếp ví dụ 1 (Trang 47) phần doanh thu bán hàng: cùng với việc ghi nhận doanh thu bán hàng cho công ty, kế toán phản ánh giá vốn hàng bán của củ đề, tải điện, bạc biên là 7.639.432 VNĐ.

Công ty tính giá vốn xuất kho theo phương pháp tính giá đích danh vì vậy dựa vào sổ chi tiết kho hàng hóa ta tính được giá vốn của hàng hóa. Sau đó kế toán tiến hành ghi giá vốn vào phiếu xuất kho.

Định khoản: Nợ TK 632 : 7.639.432

Có TK 156: 7.639.432

- Căn cứ vào phiếu xuất kho số 18 kế toán tiến hành ghi vào thẻ kho, sổ chi tiết TK 156, sổ chi tiết TK 632 và bảng tổng hợp chứng từ cùng loại. Từ sổ chi tiết TK 156, TK 632 lần lượt vào bảng tổng hợp chi tiết TK 156, TK 632.

- Cuối tháng căn cứ vào bảng tổng hợp chứng từ cùng loại lập chứng từ ghi sổ, dựa vào CTGS vào sổ đăng ký CTGS và sổ cái TK 632, TK 156.

- Cuối quý, năm kế toán căn cứ vào sổ cái lập bảng cân đối số phát sinh. Từ BCĐSPS lập BCTC cuối năm.

Công ty cổ phần vật tư máy tàu thủy An Phú		Mẫu số 02VT (Ban hành theo quyết định 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của BTC)																																																			
<b>PHIẾU XUẤT KHO</b>			Nợ TK 632																																																		
Ngày 20 tháng 12 năm 2012			Có TK 156																																																		
<b>Số 18</b>																																																					
Họ và tên người nhận hàng: Phạm Châu Anh																																																					
Địa chỉ: Công ty TNHH Đại Sơn																																																					
Lý do xuất hàng: xuất hàng bán																																																					
Xuất kho tại: Kho công ty cổ phần vật tư máy tàu thủy An Phú																																																					
Địa điểm: Số 512 Tôn Đức Thắng, xã An Đồng, huyện An Dương, TP. Hải Phòng																																																					
<table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse; margin-top: 20px;"> <thead> <tr> <th style="width: 5%;">STT</th> <th style="width: 35%;">Tên nhãn hiệu quy cách hàng hóa</th> <th style="width: 10%;">Đơn vị tính</th> <th style="width: 10%;">Số lượng</th> <th style="width: 10%;">Đơn giá</th> <th style="width: 10%;">Thành tiền</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>1</td> <td>Củ đề</td> <td>Cái</td> <td>01</td> <td>3.039.432</td> <td>3.039.432</td> </tr> <tr> <td>2</td> <td>Tời điện</td> <td>Cái</td> <td>01</td> <td>900.000</td> <td>900.000</td> </tr> <tr> <td>3</td> <td>Bạc biên</td> <td>Cái</td> <td>02</td> <td>1.850.000</td> <td>3.700.000</td> </tr> <tr> <td>4</td> <td colspan="4" style="text-align: center;">/</td> <td></td> </tr> <tr> <td>5</td> <td colspan="4"></td> <td></td> </tr> <tr> <td>6</td> <td colspan="4"></td> <td></td> </tr> <tr> <td colspan="5" style="text-align: right;">Cộng</td> <td style="text-align: right;">7.639.432</td> </tr> </tbody> </table>						STT	Tên nhãn hiệu quy cách hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	1	Củ đề	Cái	01	3.039.432	3.039.432	2	Tời điện	Cái	01	900.000	900.000	3	Bạc biên	Cái	02	1.850.000	3.700.000	4	/					5						6						Cộng					7.639.432
STT	Tên nhãn hiệu quy cách hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền																																																
1	Củ đề	Cái	01	3.039.432	3.039.432																																																
2	Tời điện	Cái	01	900.000	900.000																																																
3	Bạc biên	Cái	02	1.850.000	3.700.000																																																
4	/																																																				
5																																																					
6																																																					
Cộng					7.639.432																																																
Tổng số tiền (viết bằng chữ): Bảy triệu sáu trăm ba mươi chín nghìn bốn trăm ba mươi hai đồng.																																																					
Số chứng từ gốc kèm theo: HD 0000282																																																					
Ngày 20 tháng 12 năm 2012																																																					
<b>Người lập phiếu</b> <i>(Ký, họ tên)</i>	<b>Người nhận hàng</b> <i>(Ký, họ tên)</i>	<b>Thủ kho</b> <i>(Ký, họ tên)</i>	<b>Kế toán trưởng</b> <i>(Ký, họ tên)</i>	<b>Giám đốc</b> <i>(Ký, họ tên)</i>																																																	

(Biểu 2.13)

**VD4:** Lấy tiếp ví dụ 2 (Trang 52) phần doanh thu bán hàng: cùng với việc ghi nhận DT bán hàng cho CT, kế toán kết chuyển chi phí vận chuyển 154 sang giá vốn.

Nợ TK 632: 1.171.216.000

Có TK 154: 1.171.216.000

Cuối tháng kế toán tập hợp tất cả các chi phí 154 kết chuyển sang TK 632 để lập phiếu kế toán.

(Biểu 2.14)

<b>Đơn vị: Công ty cổ phần vật tư máy tàu thủy An Phú</b>			
<b>Địa chỉ: Số 512 Tôn Đức Thắng, xã An Đồng, huyện An Dương, TP Hải Phòng</b>			
<b>PHIẾU KẾ TOÁN</b>			
Số : 280		Ngày 31/12/2012	
Về khoản	Định khoản		Số tiền
	Nợ	Có	
<i>Kết chuyển chi phí 154 sang giá vốn tháng 12</i>	632	154	2.571.216.000
<b>Cộng</b>			<b>2.571.216.000</b>
Bằng chữ: Hai tỷ năm trăm bảy mươi một triệu hai trăm mười sáu nghìn đồng			
<b>Thủ trưởng đơn vị</b>	<b>Kế toán trưởng</b>	<b>Người lập phiếu</b>	
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ MÁY TÀU THỦY AN PHÚ

**BẢNG TỔNG HỢP CHỨNG TỪ CÙNG LOẠI**

Ghi nợ tài khoản 632

Số chứng từ 3812

Tháng 12 năm 2012

Ngày	Số CT	Diễn giải	Ghi có tài khoản	
			154	156
...	...	...	...	...
17/12	PXK16	Giá vốn hàng bán cho CTCP TM Đức Thành		870.684
...	...	...	...	...
20/12	PXK18	Giá vốn hàng bán cho công ty TNHH Đại Sơn		7.639.432
22/12	PXK20	Giá vốn hàng bán cho CTTNHH Vũ Việt Hưng		1.440.000
...	...	...	...	...
31/12	PKT280	Kết chuyển chi phí 154 Cộng	2.571.216.000 2.571.216.000	 2.345.048.438

Người ghi sổ  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Giám đốc  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Biểu 2.15)

Đơn vị:CTCP vật tư máy tàu thủy An Phú

Mẫu số S02a-DN

Địa chỉ: Số 512 Tôn Đức Thắng,xã An

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-

Đồng, huyện An Dương,TP Hải Phòng

BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng

BTC)

**CHỨNG TỪ GHI SỔ**

Số 3812

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Giá vốn bán hàng	632	156	2.345.048.438	
Giá vốn dịch vụ khác hoàn thành	632	154	2.571.216.000	
Cộng	x	x	4.916.264.438	X

Kèm theo.....chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

(ký,họ tên)

(ký,họ tên)

(Biểu 2.16)

Cuối tháng từ CTGS kê toán vào sổ đăng ký CTGS



(Biểu 2.17)

Đơn vị:CTCP vật tư máy tàu thủy An Phú Mẫu số S02c1-DN(Ban hành theo QĐ số  
 Địa chỉ: Số 512 Tôn Đức Thắng,xã An Đông, 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ  
 huyện An Dương,TP Hải Phòng trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

(Dùng cho hình thức kế toán chứng từ ghi sổ)

Năm 2012

Tên tài khoản:Giá vốn hàng bán

Số hiệu:632

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đôi ứng	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ		–	–
			SPS			
			.....		....	....
31/12	0712	31/12	Giá vốn hàng bán tháng 11	156	2.564.897.156	
31/12	3812	31/12	Giá vốn hàng bán tháng 12	156	2.345.048.438	
31/12	3812	31/12	Kết chuyển chi phí 154	154	2.571.216.000	
31/12	4112	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán XĐKQKD	911		41.593.317.999
			Cộng SPS		41.593.317.999	41.593.317.999
			Số dư cuối kỳ		–	–

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Người lập biểu**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

Đơn vị: Công ty cổ phần vật tư máy tàu thủy An Phú

(Biểu 2.18)

Địa chỉ: Số 512 Tôn Đức Thắng, xã An Đông, huyện An Dương, TP Hải Phòng

### SỔ CHI TIẾT GIÁ VỐN HÀNG BÁN

Tài khoản: 63213 - Giá vốn bán củ đề

Năm 2012

Ngày ghi sổ	Chứng từ Số hiệu	Ngày tháng	Diễn giải	TK đối ứng	Số lượng	Giá vốn bán hàng		
						Đơn giá	Thành tiền Nợ	Có
20/12	PXK 18	20/12	..... Giá vốn hàng bán cho công ty TNHH Đại Sơn	156	1	2.500.000	2.500.000	
22/12	PXK 19	22/12	Giá vốn hàng bán cho công ty CP TM Đức Thành	156	2	907.000	1.814.000	
28/12	PXK 25	28/12	Giá vốn hàng bán cho công ty TNHH TM & DV Tuấn Long	156	1	2.425.000	2.425.000	
31/12	K/c	31/12	..... Kết chuyển giá vốn bán củ đề	911				8.083.586.578
			<b>Cộng phát sinh</b>				8.083.586.578	8.083.586.578

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Người lập biểu**  
(ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(ký, họ tên)

Đơn vị: Công ty cổ phần vật tư máy tàu thủy An Phú

(Biểu 2.19)

Địa chỉ: Số 512 Tôn Đức Thắng, xã An Đồng,

huyện An Dương, TP Hải Phòng

**BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT TÀI KHOẢN**

Tài khoản: 632 - Giá vốn hàng bán

Năm 2012

STT	SHTK chi tiết	Diễn giải	Số tiền		Ghi chú
			Nợ	Có	
1	63211	Giá vốn bán máy phát điện	5.524.289.654	5.524.289.654	
2	63212	Giá vốn bán động cơ diesel	2.500.667.025	2.500.667.025	
3	63213	Giá vốn bán củ đề	8.083.586.578	8.083.586.578	
4	63214	Giá vốn bán bạc biên	2.900.668.924	2.900.668.924	
5	63215	Giá vốn dịch vụ	22.584.105.810	22.584.105.810	
		Cộng	41.593.317.999	41.593.317.999	

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Người lập biểu**

(ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(ký, họ tên)

**Giám đốc**

(ký, họ tên)

**2.2.3. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu****Đặc điểm giảm giá hàng bán**

Do thành phẩm xuất bán không đạt tiêu chuẩn như tiêu chuẩn của khách hàng, hai bên bàn bạc nhất trí thống nhất, sau khi hàng đã được chuyển tới kho khách hàng. Công ty có thể áp dụng một khoản giảm giá hàng bán.

**Đặc điểm hàng bán bị trả lại**

Hàng xuất không đạt tiêu chuẩn, quy cách như đơn đặt hàng, khách hàng không đồng ý nhận, nhập lại kho công ty. Công ty hạch toán hàng bán bị trả lại.

**Chứng từ sử dụng:**

- Biên bản thỏa thuận giảm giá hàng bán
- Hóa đơn hàng bán bị trả lại
- Biên bản giao nhận hàng bị trả lại
- Phiếu nhập kho hàng bán bị trả lại
- Các chứng từ liên quan khác.....

**Tài khoản sử dụng hạch toán:**

TK 531: Hàng bán bị trả lại

TK 532: Giảm giá hàng bán

**VD5:** Lấy tiếp ví dụ 2 (Trang 52) Ngày 21/12/2012 tổng công ty thương mại và kỹ thuật đầu tư (PETEC) – CTCP thanh toán tiền cước vận chuyển xăng cho công ty cổ phần vật tư máy tàu thủy An Phú. Do định mức hao hụt hàng hóa theo hợp đồng là: 0.50% (Chênh lệch số vận đơn và số bồn tại cảng dỡ hàng). Trong quá trình vận chuyển xăng công ty cổ phần vật tư máy tàu thủy An Phú đã làm hao hụt hàng hóa vượt định mức là 5.666 Lit 15/Kg. Số tiền CTCP vật tư máy tàu thủy An Phú phải giảm cho tổng công ty thương mại và kỹ thuật đầu tư (PETEC) – CTCP là: 133.396.338 đồng (theo biên bản đối chiếu cước vận tải)

Kế toán định khoản:

+)  
Nợ TK 131: 1.449.379.800

Có TK 511: 1.317.618.000

Có TK 3331: 131.761.800

+)  
Nợ TK 532: 133.396.338

Có TK 131: 133.396.338

+)  
Nợ TK 112: 1.315.983.462

Có TK 131: 1.315.983.462

Căn cứ vào biên bản đối chiếu cước vận tải (Trang 53) kế toán lập PKT 288.

Kế toán lập HĐGTGT số 0000284. Từ HĐGTGT kế toán ghi vào sổ chi tiết 112, 131, 3331, 511, 532 và vào bảng tổng hợp chứng từ cùng loại.

Cuối tháng căn cứ vào bảng tổng hợp chứng từ cùng loại vào chứng từ ghi sổ. Từ chứng từ ghi sổ phát sinh kế toán vào sổ ĐKCTGS và sổ cái TK

112, 131, 3331, 511, 532. Cuối quý, năm căn cứ vào sổ cái lập bảng CĐSPS, từ bảng CĐSPS lập BCTC cuối năm.

(Biểu 2.20)

<b>Đơn vị: Công ty cổ phần vật tư máy tàu thủy An Phú</b>			
<b>Địa chỉ: Số 512 Tôn Đức Thắng, xã An Đồng, huyện An Dương, TP Hải Phòng</b>			
<b>PHIẾU KẾ TOÁN</b>			
Số : 288		Ngày 31/12/2012	
Về khoản	Định khoản		Số tiền
	Nợ	Có	
<i>Kết chuyển khoản giảm trừ doanh thu</i>	<i>511</i>	<i>532</i>	<i>133.396.338</i>
<b>Cộng</b>			<b>133.396.338</b>
Bằng chữ: Một trăm ba mươi ba triệu ba trăm chín mươi sáu nghìn ba trăm ba mươi tám đồng.			
<b>Thủ trưởng đơn vị</b>	<b>Kế toán trưởng</b>		<b>Người lập phiếu</b>
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)		(Ký, họ tên)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ MÁY TÀU THỦY AN PHÚ

**BẢNG TỔNG HỢP CHỨNG TỪ CÙNG LOẠI**

Ghi có tài khoản 131

Số chứng từ 0912

Tháng 12 năm 2012

Ngày	Số CT	Diễn giải	Tiền trong CT	Ghi nợ các tài khoản		
				112	532	...
...	...	...	...	...	...	...
21/12	GBC	CTTM-KT đầu tư thanh toán bằng TGNH	1.315.983.462	1.315.983.462		
21/12	PKT 288	Giảm trừ cho CTTM-KT đầu tư	133.396.338		133.396.338	
...	...	...	...	...	...	...
		Cộng	3.025.635.256	2.156.419.818	133.396.338	...

Người ghi sổ  
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(ký, họ tên)

Giám đốc  
(ký, họ tên, đóng dấu)

(Biểu 2.21)

Đơn vị: CTCP vật tư máy tàu thủy An Phú

Mẫu số S02a-DN

Địa chỉ: Số 512 Tôn Đức Thắng, xã An Đồng, huyện  
An Dương, TP Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày  
20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**CHỨNG TỪ GHI SỔ**

Số 0912

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Kèm theo.....chứng từ gốc

Trích yếu	SHTK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
...		...	...	
- CTM-KT đầu tư thanh toán bằng TGNH	112	131	2.156.419.818	
- Giảm trừ cho CTM-KT đầu tư	532	131	133.396.338	
....	...	...		
Cộng	X	x	3.025.635.256	X

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ  
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(ký, họ tên)

(Biểu 2.22)

Cuối tháng từ CTGS kế toán vào sổ đăng ký CTGS

Đơn vị: CTCP vật tư máy tàu thủy An Phú

Mẫu số S02c1-DN

Địa chỉ: Số 512 Tôn Đức Thắng, xã An Đông,

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày

huyện An Dương, TP Hải Phòng

20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

(Dùng cho hình thức kế toán chứng từ ghi sổ)

Năm 2012

Tên tài khoản: Giảm giá hàng bán

Số hiệu: 532

Ng/th ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đôi ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
SPS						
31/12	0912	31/12	Giảm trừ cho CTM- KT đầu tư	131	133.396.338	
31/12	PKT 228	31/12	Kết chuyển giảm trừ DT	511		133.396.338
Cộng SPS					133.396.338	133.396.338

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Người lập biểu**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**Giám đốc**

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Biểu 2.23)



## **2.2.4 Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

### **Đặc điểm chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp**

- *Chi phí bán hàng*: Phát sinh liên quan đến một số nghiệp vụ như chi phí vận chuyển hàng hóa bán cho khách hàng, chi phí nâng dỡ, bốc hàng, chi phí trả lương cho nhân viên phòng bán hàng của công ty, chi phí khấu hao tài sản thuộc bộ phận bán hàng (xe tải, cân hàng..)....

- *Chi phí quản lý doanh nghiệp*: Phát sinh các nghiệp vụ liên quan như: chi phí trả lương cho bộ phận quản lý (giám đốc, trưởng phòng các ngành quản lý..), chi phí khấu hao tài sản thuộc bộ phận quản lý (bàn họp, máy tính...), chi tiếp khách, điện thoại, điện, nước...

### **Chứng từ, sổ sách, tài khoản sử dụng hạch toán**

#### **Chứng từ hạch toán:**

- Phiếu chi tiền
- Giấy báo nợ của ngân hàng
- Hóa đơn dịch vụ mua ngoài
- Phiếu kế toán....

#### **Sổ sách hạch toán**

Kế toán khi nhập dữ liệu vào máy tính thì phần mềm kế toán sẽ tự động chạy số liệu vào các sổ chi tiết, các sổ cái tài khoản tương ứng, chứng từ ghi sổ, báo cáo tài chính..

#### **Tài khoản sử dụng**

TK 641: Chi phí bán hàng

TK 642: Chi phí quản lý doanh nghiệp

### **Quy trình hạch toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

*Quy trình hạch toán chi phí quản lý doanh nghiệp tại Công ty được khái quát bằng sơ đồ:*

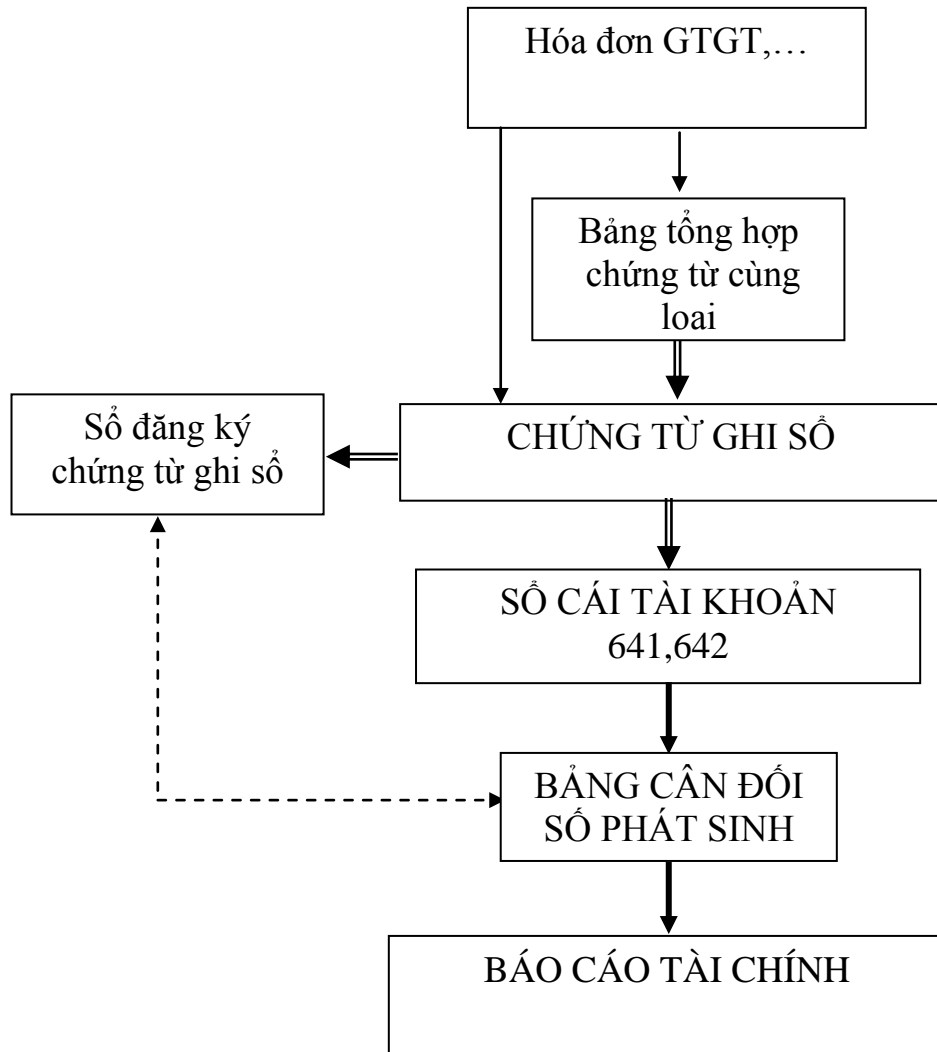
- Từ các chứng từ ghi sổ hàng ngày như phiếu xuất, chi, HĐGTGT vào bảng tổng hợp các chứng từ cùng loại
- Cuối tháng căn cứ vào bảng tổng hợp các chứng từ cùng loại lập các CTGS, Từ CTGS vào sổ đăng ký CTGS và sổ cái TK 641, TK 642

- Cuối quý từ sổ cái các TK 641, TK 642 làm căn cứ để lập bảng cân đối số phát sinh.

- Từ bảng cân đối số phát sinh kế toán lập ra BCTC cuối năm.

**\*Sơ đồ quy trình hạch toán**

Quy trình hạch toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp tại Công ty cổ phần vật tư máy tàu thủy An Phú được khái quát bằng sơ đồ:



- > Ghi hàng ngày
- ←- - - - -> Kiểm tra, đối chiếu
- =====> Ghi cuối tháng
- > Ghi cuối quý, năm

**VD6:** Ngày 31/12/2012, công ty tính các khoản lương phải trả cho cán bộ công nhân viên bộ phận bán hàng và bộ phận quản lý doanh nghiệp theo bảng chấm công và thanh toán lương.

Kế toán định khoản:

+) Nợ TK 641: 10.020.000

Nợ TK 642: 26.540.000

Có TK 334: 36.560.000

+) Nợ TK 641: 1.609.650

Nợ TK 642: 4.195.800

Nợ TK 334: 2.536.275

Có TK 338: 8.341.725

-Căn cứ vào bảng thanh toán lương và bảng các khoản trích theo lương kế toán vào chứng từ ghi sổ. Dựa vào các chứng từ ghi sổ phát sinh kế toán vào sổ đăng ký chứng từ ghi sổ và sổ cái tài khoản 641, TK 642.

-Cuối quý, năm căn cứ vào sổ cái lập bảng cân đối số phát sinh, từ bảng CĐSPS lập BCTC cuối năm.

**BẢNG THANH TOÁN LƯƠNG THÁNG 12 NĂM 2012**

**(Biểu 2.24)**

**Bộ phận: Bán hàng+ Quản lý**

ĐVT: Đồng VN

STT	Họ và tên	Chức vụ	Quỹ lương tính BHXH	Mức lương cơ bản	Tiền lương theo thời gian		Phụ cấp trách nhiệm	Tổng thu nhập	Khấu trừ BHXH	Tiền lương còn được lĩnh	Ký nhận
					Ngày công	Thành tiền					
A	B	C		1	2	$3 = (1 : 26) \times 2$	4	$5 = 3 + 4$	6	$7 = 5 - 6$	8
1	Nguyễn Hoàng Hóa	GD+Kỹ thuật	3,000,000	4,550,000	24	4,200,000	100,000	4,300,000	255,000	4,045,000	
2	Trần Văn Phú	P/tr khai thác	3,000,000	4,160,000	24	3,840,000	100,000	3,940,000	255,000	3,685,000	
3	Nguyễn Văn Hào	P.vật tư	2,500,000	3,770,000	22	3,190,000	100,000	3,290,000	237,500	3,052,500	
4	Phan Thị Oanh	KT trưởng	3,000,000	3,640,000	24	3,360,000	100,000	3,460,000	285,000	3,175,000	
5	Nguyễn Thị Thuần	kế toán TH	3,140,000	3,640,000	21	2,940,000	100,000	3,040,000	298,300	2,741,700	
6	Trần Thanh Hằng	Trợ lý khai thác	2,140,000	3,120,000	24	2,880,000	100,000	2,980,000	203,300	2,776,700	
7	Lê Thị An	Cấp dưỡng		2,080,000	26	2,080,000	50,000	2,130,000		2,130,000	
8	Đỗ Xuân Cường	Nhân sự	3,200,000	3,900,000	22	3,300,000	100,000	3,400,000	304,000	3,096,000	
	<b>Cộng bp hành chính</b>		<b>19,980,000</b>		<b>187</b>	<b>25,790,000</b>	<b>750,000</b>	<b>26,540,000</b>	<b>1,838,100</b>	<b>24,701,900</b>	
	<b>TỔ KINH DOANH</b>										
1	Phạm Thị Định	PGĐ+BH	3,000,000	4,030,000	24	3,720,000	100,000	3,820,000	255,000	3,565,000	
2	Mai Thị Thu Hương	kế toán BH	2,525,000	3,120,000	24	2,880,000	100,000	2,980,000	239,875	2,740,125	
3	Nguyễn Văn Mừng	Bán hàng	2,140,000	3,380,000	24	3,120,000	100,000	3,220,000	203,300	3,016,700	
	<b>Cộng bp bán hàng</b>		<b>7,665,000</b>		<b>72</b>	<b>9,720,000</b>	<b>300,000</b>	<b>10,020,000</b>	<b>698,175</b>	<b>9,321,825</b>	
	<b>Tổng cộng</b>				<b>259</b>	<b>35,510,000</b>	<b>1,050,000</b>	<b>36,560,000</b>	<b>2,536,275</b>	<b>34,023,725</b>	

Số tiền bằng chữ : Ba mươi tư triệu không trăm hai mươi ba nghìn bảy trăm hai mươi lăm đồng

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc duyệt

**BẢNG TỔNG HỢP LƯƠNG VÀ KHOẢN KHẤU TRỪ BHXH**  
**THÁNG 12 NĂM 2012**

STT	Đối tượng	Tổng quỹ lương	Quỹ lương tính BHXH	BHXH		BHYT		BHTN		Cộng 21%Bh tính vào chi phí	Cộng 9,5% BH trừ vào thu nhập
				17% XH tính vào chi phí	7% XH trừ vào thu nhập	3% YT tính vào chi phí	1,5% YT tính vào thu nhập	1% TN tính vào chi phí	1% TN trừ vào thu nhập		
1	Bộ phận quản lý	26,540,000	3,000,000	510,000	210,000	90,000	45,000	30,000		630,000	255,000
			3,000,000	510,000	210,000	90,000	45,000	30,000		630,000	255,000
			2,500,000	425,000	175,000	75,000	37,500	25,000	25,000	525,000	237,500
			3,000,000	510,000	210,000	90,000	45,000	30,000	30,000	630,000	285,000
			3,140,000	533,800	219,800	94,200	47,100	31,400	31,400	659,400	298,300
			2,140,000	363,800	149,800	64,200	32,100	21,400	21,400	449,400	203,300
	3,200,000	544,000	224,000	96,000	48,000	32,000	32,000	672,000	304,000		
	<b>Cộng BP hành chính</b>	<b>26,540,000</b>	<b>19,980,000</b>	<b>3,396,600</b>	<b>1,398,600</b>	<b>599,400</b>	<b>299,700</b>	<b>199,800</b>	<b>139,800</b>	<b>4,195,800</b>	<b>1,838,100</b>
	TỔ KINH DOANH										
2	Bộ phận bán hàng	10,020,000	3,000,000	510,000	210,000	90,000	45,000	30,000		630,000	255,000
			2,525,000	429,250	176,750	75,750	37,875	25,250	25,250	530,250	239,875
	2,140,000	363,800	149,800	64,200	32,100	21,400	21,400	449,400	203,300		
	<b>Cộng bp bán hàng</b>	<b>10,020,000</b>	<b>7,665,000</b>	<b>1,303,050</b>	<b>536,550</b>	<b>229,950</b>	<b>114,975</b>	<b>76,650</b>	<b>46,650</b>	<b>1,609,650</b>	<b>698,175</b>
3	<b>Bộ phận máy tàu thủy</b>	<b>247,501,000</b>	<b>19,620,000</b>	<b>3,335,400</b>	<b>1,373,400</b>	<b>588,600</b>	<b>294,300</b>	<b>196,200</b>	<b>196,200</b>	<b>4,120,200</b>	<b>1,863,900</b>
	<b>CỘNG</b>	<b>284.061.000</b>	<b>47.265.000</b>	<b>8.035.050</b>	<b>3.308.550</b>	<b>1.417.950</b>	<b>708.975</b>	<b>472.650</b>	<b>472.650</b>	<b>9.925.650</b>	<b>4.400.175</b>

(Biểu 2.25)

Đơn vị:CTCP vật tư máy tàu thủy An Phú

Mẫu số S02a - DN

Địa chỉ: Số 512 Tôn Đức Thắng, xã An Đồng,  
huyện An Dương, TP Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày  
20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**CHỨNG TỪ GHI SỔ**

Số 3212

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
- Tính lương trả bộ phận bán hàng	641	334	10.020.000	
- Tính lương trả bộ phận QLDN	642	334	26.540.000	
- Tính lương trả bộ phận máy thủy,tàu	154	334	247.501.000	
<b>Cộng</b>	<b>x</b>	<b>x</b>	<b>284.061.000</b>	<b>X</b>

Kèm theo.....chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

(Biểu 2.26)

Đơn vị:CTCP vật tư máy tàu thủy An Phú

Mẫu số S02a - DN

Địa chỉ: Số 512 Tôn Đức Thắng, xã An Đồng,  
huyện An Dương, TP Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày  
20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

## CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số 3412

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Trích yếu	Số hiệu tài		Số tiền	Ghi chú
	khoản			
	Nợ	Có		
- Các khoản trích theo lương bp bán hàng	641	338	1.609.650	
- Các khoản trích theo lương bp QLDN	642	338	4.195.800	
- Các khoản trích theo lương bp máy thủy,tàu	154	338	4.120.200	
- Khấu trừ BHXH, BHYT, BHTN từ lương CNV	334	338	4.400.175	
<b>Cộng</b>		x	14.325.825	X

Kèm theo.....chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

(ký,họ tên)

(ký,họ tên)

(Biểu 2.27)

Cuối tháng từ CTGS kế toán vào sổ đăng ký CTGS

Đơn vị : Công ty cổ phần vật tư máy tàu thủy An Phú

(Biểu 2.28)

Địa chỉ : Số 512 Tôn Đức Thắng, xã An Đồng, huyện An Dương, TP Hải Phòng

**BẢNG PHÂN BỐ KHẤU HAO TÀI SẢN CỐ ĐỊNH T**

hàng 12 năm 2012

STT	Tên TSCĐ	Số lượng	Ngày sử dụng	Số năm KH	Nguyên giá	Khấu hao lũy kế đầu kỳ	KH phân bổ trong kỳ	Giá trị còn lại cuối kỳ
1	2	3	4	5	6	7	8 = 6 : 5 : 12	9 = 6 - 7 - 8
<b>Bộ phận quản lý</b>		<b>6</b>			<b>880.119.190</b>	<b>193.603.668</b>	<b>7.762.733</b>	<b>678.752.789</b>
1	Xe ô tô Camry LE 5 chỗ	1	20/06/2009	20	807.300.000	137.913.750	3.363.750	666.022.500
2	Máy tính laptop HP	1	31/5/2011	3	10.700.000	5.349.996	297.222	5.052.782
3	Máy in Dell	1	20/3/2011	2	5.420.000	4.516.660	225.833	677.507
...	....	...	...	...	...	...	...	...
<b>Bộ phận bán hàng</b>		<b>5</b>			<b>314.219.524</b>	<b>140.521.800</b>	<b>4.273.950</b>	<b>169.423.774</b>
1	Cần cẩu trục	1	30/11/2009	5	136.500.000	81.900.000	2.275.000	52.325.000
2	Máy tiện kim loại	1	05/05/2011	2	22.500.000	16.875.000	937.500	4.687.500
...	...	...	...	...	...	...	...	...

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người lập biểu

Kế toán trưởng



(Biểu 2.29)

Đơn vị: Công ty CP vật tư máy tàu thủy An Phú  
 Địa chỉ: Số 512 Tôn Đức Thắng, xã An Đông,  
 huyện An Dương, TP Hải Phòng

Mẫu số S02c1-DN(Ban hành theo QĐ số  
 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của  
 Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

(Dùng cho hình thức kế toán chứng từ ghi sổ)

Năm 2012

Tên tài khoản: Chi phí bán hàng

Số hiệu: 641

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			SPS .....		....	....
31/12	2112	31/12	Trích KHTSCĐ thuộc bộ phận bán hàng T12/2012	214	4.273.950	
31/12	3212	31/12	Phải trả lương nhân viên bán hàng T12/2012	334	10.020.000	
31/12	3412	31/12	Trích các khoản theo lương BP bán hàng T12/2012	338	1.609.650	
			....		....	....
31/12	4112	31/12	Kết chuyển chi phí bán hàng XĐKQKD	911		250.216.183
			Cộng SPS		250.216.183	250.216.183

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Người lập biểu**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Ví dụ 7:** Chị Phan Thị Oanh thanh toán chi phí đi đường phát sinh ngày 19/12/2012 là 350.000 đ bằng tiền mặt.

- Căn cứ vào phiếu chi 015/12 kê toán vào bảng tổng hợp chứng từ cùng loại.
- Cuối tháng căn cứ vào bảng tổng hợp chi tiết TK lập các CTGS liên quan từ đó vào sổ đăng ký CTGS và sổ cái TK 642.
- Cuối quý, năm từ sổ cái lập bảng CĐPS và lập BCTC.

Đơn vị: CTCP vật tư máy tàu thủy An Phú

**Mẫu số 01**

Địa chỉ: Số 512 Tôn Đức Thắng, xã An Đồng,  
huyện An Dương, TP Hải Phòng

Ban hành theo QĐ số :15/2006/QĐ-BTC  
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

**PHIẾU CHI**

Ngày 19 tháng 12 năm 2012

Nợ TK 642

Số 015/12

Có TK 111

Họ tên người nhận tiền : Phan Thị Oanh

Địa chỉ : Bộ phận quản lý

Lý do chi : Trả tiền phí đi đường

Số tiền : 350.000

Số tiền viết bằng chữ : Ba trăm năm mươi nghìn đồng chẵn.

Kèm theo : 01 chứng từ gốc

Đã nhận đủ số tiền : Ba trăm năm mươi nghìn đồng chẵn.

Ngày 19 tháng 12 năm 2012

<b>Giám đốc</b>	<b>Kế toán</b>	<b>Người nhận tiền</b>	<b>Người lập</b>	<b>Thủ quỹ</b>
(ký, họ tên)	<b>trưởng</b>	(ký, họ tên)	<b>biểu</b>	(ký, họ tên)
	(ký, họ tên)		(ký, họ tên)	
		(Biểu 2.30)		

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ MÁY TÀU THỦY AN PHÚ

**BẢNG TỔNG HỢP CHỨNG TỪ CÙNG LOẠI**

Ghi có tài khoản 111

Số chứng từ 0412

Tháng 12 năm 2012

Ngày	Số CT	Diễn giải	Tiền trong CT	Ghi nợ các tài khoản				
				133	154	334	642	...
								...
01/12	PC001/12	Thanh toán phí đại lý tàu An Phú 16.	7.000.000	636.364	6.363.636			...
...	...	...	...	...	...	...	...	...
19/12	PC015/12	Chi phí trả phí đi đường.	350.000				350.000	
...	...	...	...	...	...	...	...	...
31/12	PC003/12	Chi TM trả lương CBCN T12/2012	279.660.825			279.660.825		
		Cộng	3.308.268.343	19.927.581	80.794.950	279.660.825	40.644.308	...

Người ghi sổ  
(ký,họ tên)

Kế toán trưởng  
(ký,họ tên)  
(Biểu 2.31)

Giám đốc  
(ký,họ tên,đóng dấu)

Đơn vị: CTCP vật tư máy tàu thủy An Phú

Mẫu số S02a-DN

Địa chỉ: Số 512 Tôn Đức Thắng, xã An

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày

Đông, huyện An Dương, TP Hải Phòng

20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**CHỨNG TỪ GHI SỔ**

Số 0412

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
...	...	...	...	
- Chi TM thanh toán phí đại lý tàu AP16	154	111	80.794.950	
- Thuế GTGT được khấu trừ	133	111	19.927.581	
- Chi tiền mặt thanh toán chi phí QLDN	642	111	40.644.308	
...	...	...	...	
Cộng	x	x	3.308.268.343	X

Kèm theo.....chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

(Biểu 2.32)

Cuối tháng từ CTGS kế toán vào sổ đăng ký CTGS

Đơn vị: Công ty CP vật tư máy tàu thủy An Phú  
 Địa chỉ: Số 512 Tôn Đức Thắng, xã An Đông,  
 huyện An Dương, TP Hải Phòng

Mẫu số S02c1-DN(Ban hành theo QĐ số  
 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của  
 Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

(Dùng cho hình thức kế toán chứng từ ghi sổ)

Năm 2012

Tên tài khoản: Chi phí quản lý doanh nghiệp

Số hiệu: 642

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng		Nợ	Có
			Diễn giải		
			SPS		
			.....	....	....
31/12	0412	31/12	Chi phí QLDN chi bằng tiền mặt	111	40.644.308
31/12	2112	31/12	Trích KHTSCĐ thuộc bộ phận QLDN T12/2012	214	7.762.733
31/12	3212	31/12	Phải trả lương nhân viên QLDN T12/2012	334	26.540.000
31/12	3412	31/12	Trích các khoản theo lương BP QLDN T12/2012	338	1.609.650
			....		....
31/12	4012	31/12	Kết chuyển chi phí QLDN xác định KQHĐKD Cộng SPS	911	1.280.393.022
					1.280.393.022
					1.280.393.022

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Người lập biểu**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

(Biểu 2.33)

### **2.2.5. Kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính**

#### **\* Nội dung của doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính**

Doanh thu hoạt động tài chính của Công ty chủ yếu phát sinh do lãi nhận được từ các khoản tiền gửi ngân hàng.

Chi phí tài chính phát sinh do phải trả tiền lãi cho các khoản nợ vay. Con số này chiếm tỷ trọng không nhiều trong tổng doanh thu hàng năm của doanh nghiệp.

#### **\* Chứng từ và tài khoản sử dụng.**

\*Chứng từ sử dụng:

- Giấy báo có, giấy báo nợ của Ngân hàng
- Sổ phụ của Ngân hàng
- Phiếu chi
- Các chứng từ khác có liên quan

\*Tài khoản sử dụng:

- TK 515 – Doanh thu hoạt động tài chính
- TK 635 – Chi phí tài chính

#### **\* Quy trình hạch toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính**

*Quy trình hạch toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính tại Công ty được khái quát bằng sơ đồ.*

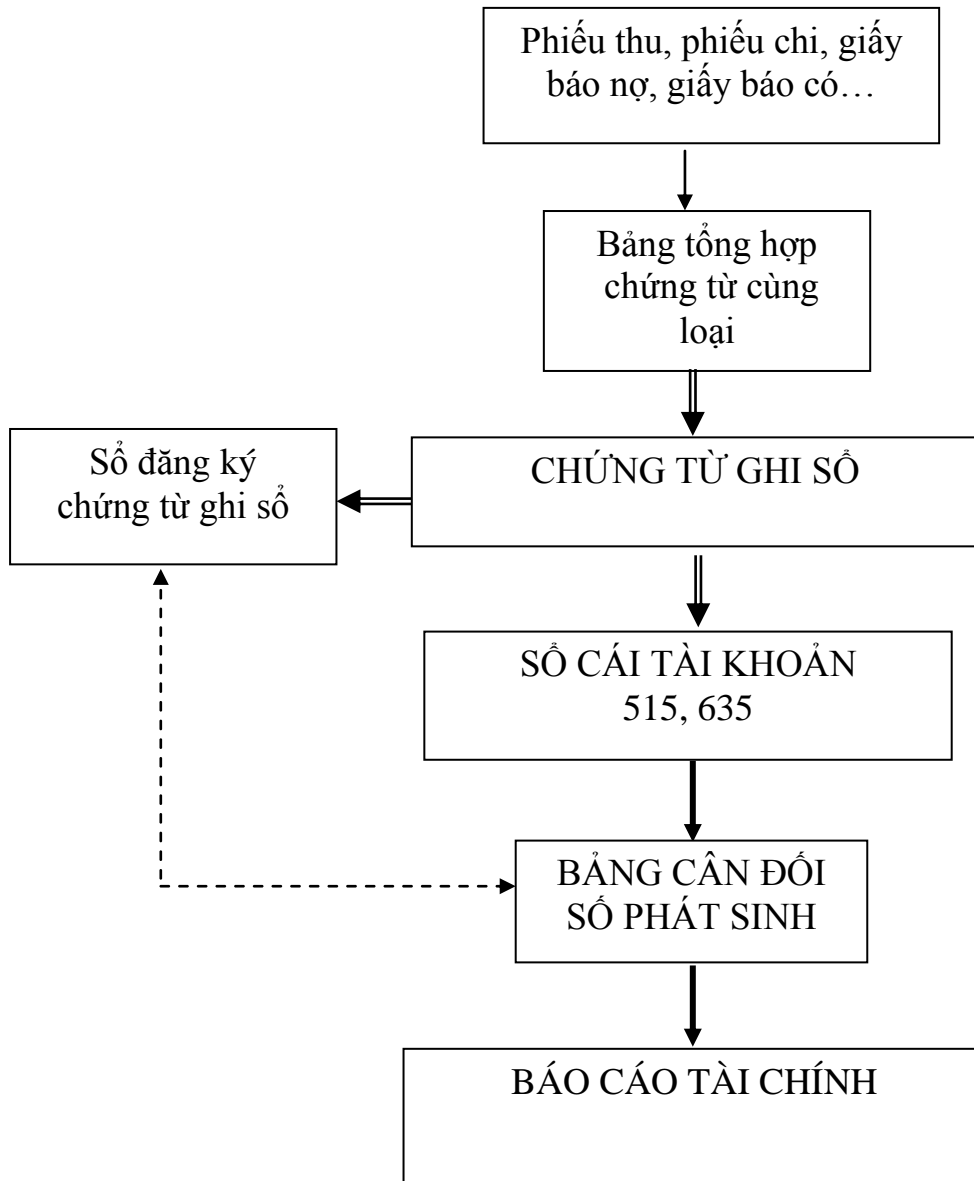
- Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ như Giấy báo có của Ngân hàng, Phiếu chi, vào bảng tổng hợp chứng từ cùng loại.

- Cuối tháng kế toán căn cứ vào bảng tổng hợp chứng từ cùng loại lập các chứng từ ghi sổ phát sinh. Từ CTGS vào sổ đăng ký CTGS và sổ cái TK 635, 515.

- Cuối quý, năm từ sổ cái các TK 635, 515 làm căn cứ để lập bảng cân đối số phát sinh. Từ bảng cân đối số phát sinh ta lập ra BCTC .

**\*Sơ đồ quy trình hạch toán**

Quy trình hạch toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính tại Công ty cổ phần vật tư máy tàu thủy An Phú được khái quát bằng sơ đồ:



- > Ghi hàng ngày
- ←-----> Kiểm tra, đối chiếu
- =====> Ghi cuối tháng
- =====> Ghi cuối quý, năm

**VD8:** Ngày 31/12/2012 ngân hàng TMCP Sài Gòn-Hà Nội (SHB) chi nhánh Hồng Bàng thanh toán trả lãi cho công ty số tiền là 247.700 VNĐ.

Định khoản:

Nợ TK 112: 247.700

Có TK 515: 247.700

-Căn cứ vào sổ phụ ngày 31/12/2012 của ngân hàng SHB, kế toán lập bảng tổng hợp chứng từ cùng loại.

-Cuối tháng căn cứ vào bảng tổng hợp chứng từ cùng loại kế toán lập các chứng từ ghi sổ từ đó làm căn cứ vào sổ đăng ký CTGS và sổ cái TK 515.

-Cuối quý, năm căn cứ vào sổ cái TK 515 lập bảng cân đối số phát sinh và báo cáo tài chính.

(Biểu 2.34)

NGAN HANG TMCP SAI GON-HA NOI (SHB)

Gio tao: 8:16:35 AM

CHI NHANH HONG BANG

Ngày tao: 02/01/2013

MA CHI NHANH: 270

Người tao: BRN270

Trang so : 28

**DD025-SO PHU TIEN GUI HOAT DONG TRONG KY**

NGAY: 31/12/2012

TEN KHACH HANG : **CONG TY CP VAT TU MAY TAU THUY AN PHU**

SO TAI KHOAN : 270002150187-So tai khoan Smart Bank 150431100000001219

MA KHACH HANG : 270030477-Ma KH Smart Bank 1500005403

LOAI HINH : TG KKH DN TRONG NUOC VND

LOAI TIEN : VND

SO DU DAU NGAY: DU CO 1,000,779.00

SO GD	SO SEC	DIEN GIAI	PS NO	PS CO
270DDL VND 00001		THANH TOAN TRA LAI		247,700.00
<b>TONG PHAT SINH TRONG NGAY</b>				247,700.00

**SO DU CUOI NGAY: DU CO 1,248,479.00**

NGUOI LAP

KIEM SOAT



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ MÁY TÀU THỦY AN PHÚ

(Biểu 2.35)

**BẢNG TỔNG HỢP CHỨNG TỪ CÙNG LOẠI**

Ghi nợ tài khoản 112

Số chứng từ 0712

Tháng 12 năm 2012

Ngày	Số CT	Diễn giải	Tiền trong CT	Ghi có các tài khoản			
				3331	511	515	...
....	.....	....	....	....	....	....	....
11/12	UNT38	Công ty TNHH TM vận tải Thành Vân thanh toán phí thuê tàu	400.000.000	36.363.636	363.636.364		
...	...	...	...	...	...	...	...
31/12	SPDD 025	Ngân hàng SHB thanh toán trả lãi.	247.700			247.700	
...	...	...	...	...	...	...	...
		Cộng	4.128.554.697	153.869.586	1.538.695.857	1.547.911	...
	Người ghi sổ (ký, họ tên)		Kế toán trưởng (ký, họ tên)		Giám đốc (ký, họ tên, đóng dấu)		

Đơn vị: CTCP vật tư máy tàu thủy An Phú

Mẫu số S02a-DN

Địa chỉ: Số 512 Tôn Đức Thắng, xã An Đồng,  
huyện An Dương, TP Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày  
20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**CHỨNG TỪ GHI SỔ**

Số 0712

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
...	...	...	...	
- Thu bán hàng bằng tiền gửi ngân hàng	112	511	1.538.695.857	
- Bán hàng thu tiền thuế GTGT	112	333	153.869.586	
- Trả lãi tiền gửi ngân hàng tháng 12	112	515	1.547.911	
<b>Cộng</b>	<b>x</b>	<b>x</b>	<b>4.128.554.697</b>	<b>X</b>

Kèm theo.....chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

(ký,họ tên)

(ký,họ tên)

(Biểu 2.36)

Đơn vị: CTCP vật tư máy tàu thủy An Phú

Mẫu số S02c1-DN(Ban hành theo QĐ số

Địa chỉ: Số 512 Tôn Đức Thắng, xã An Đồng,

15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của

huyện An Dương, TP Hải Phòng

Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

(Biểu 2.37)

(Dùng cho hình thức kế toán chứng từ ghi sổ)

Năm 2012

Tên tài khoản: Doanh thu hoạt động tài chính

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ		-	-
			.....			
31/11	0711	31/11	Lãi TGNH tháng 11	112		1.032.985
31/12	0712	31/12	Lãi TGNH tháng 12	112		1.547.911
31/12	4012	31/12	K/c doanh thu HĐTC xđ KQKD	911	20.539.558	
			<b>Cộng số phát sinh</b>		<b>20.539.558</b>	<b>20.539.558</b>
			Số dư cuối kỳ		-	-

Số hiệu: 515

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Người lập biểu**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**VD9:** Ngày 28/12/2012, Trần Thanh Hằng trả lãi vay ngoài HĐTD số 9, số 10, số 11 tháng 12 năm 2012 số tiền là 28.420.412 đ.

- Căn cứ vào số liệu phát sinh kế toán tiến hành lập Phiếu chi số 040/12 và lập bảng tổng hợp chứng từ cùng loại liên quan.

- Cuối tháng lập các chứng từ ghi sổ, từ CTGS vào sổ đăng ký CTGS và sổ cái TK 635

- Cuối quý, năm căn cứ vào sổ cái TK 635 lập bảng cân đối số phát sinh và lập BCTC. (Biểu 2.38)

Đơn vị: CTCP vật tư máy tàu thủy An Phú

Mẫu số 01

Địa chỉ: Số 512 Tôn Đức Thắng, xã An

Ban hành theo QĐ số :15/2006/QĐ-BTC

Đông, huyện An Dương, TP Hải Phòng

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

**PHIẾU CHI**

Nợ TK635

Ngày 28 tháng 12 năm 2012

Có TK111

Số 040/12

Họ tên người nhận tiền : Trần Thanh Hằng

Địa chỉ : Phòng tài chính-kế toán

Lý do chi : Trả tiền lãi vay

Số tiền : 28.420.412

Số tiền viết bằng chữ : Hai mươi tám triệu bốn trăm hai mươi nghìn bốn trăm mười hai đồng.

Kèm theo : 01 chứng từ gốc

Đã nhận đủ số tiền: Hai mươi tám triệu bốn trăm hai mươi nghìn bốn trăm mười hai đồng.

Ngày 28 tháng 12 năm 2012

<b>Giám đốc</b>	<b>Kế toán trưởng</b>	<b>Người nhận tiền</b>	<b>Người lập biểu</b>	<b>Thủ quỹ</b>
(ký, họ tên)	(ký, họ tên)	(ký, họ tên)	(ký, họ tên)	(ký, họ tên)

## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ MÁY TÀU THỦY AN PHÚ

(Biểu 2.39)

**BẢNG TỔNG HỢP CHỨNG TỪ CÙNG LOẠI**

Ghi có tài khoản 111

Số chứng từ 0412

Ngày	Số CT	Diễn giải	Tiền trong CT	Ghi nợ các tài khoản						
				133	154	...	627	635	.....	
01/12	PC001/12	Thanh toán phí đại lý tàu An Phú 16.	7.000.000	636.364	6.363.636					
....	....	....	....	....	....	....	....	....	....	....
14/12	PC004/12	Chi tiền điện SX	3.009.303	273.573			2.735.730			
...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...
28/12	PC040/12	Chi phí trả lãi tiền vay	28.420.412					28.420.412		
...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...
		Cộng	3.308.268.343	19.927.581	80.794.950	...	5.285.970	40.500.000	...	...

Tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ  
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(ký, họ tên)

Giám đốc  
(ký, họ tên, đóng dấu)

Đơn vị: CTCP vật tư máy tàu thủy An Phú

Mẫu số S02a-DN

Địa chỉ: Số 512 Tôn Đức Thắng, xã An Đồng,  
huyện An Dương, TP Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**CHỨNG TỪ GHI SỔ**

Số 0412

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
...	...	...	...	
-Chi tiền mặt thanh toán phí đại lý tàu AP16	154	111	80.794.950	
- Thuế GTGT được khấu trừ	133	111	19.927.581	
- Chi tiền điện SX	627	111	5.285.970	
- Chi lãi tiền vay	635	111	40.500.000	
...	...	...		
<b>Cộng</b>	<b>x</b>	<b>x</b>	<b>3.308.268.343</b>	<b>X</b>

Kèm theo.....chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ  
(ký,họ tên)

Kế toán trưởng  
(ký,họ tên)

(Biểu 2.40)

Cuối tháng từ CTGS ghi vào sổ đăng ký CTGS

Đơn vị: CTCP vật tư máy tàu thủy An Phú

Mẫu số S02c1-DN(Ban hành theo QĐ số

Địa chỉ: Số 512 Tôn Đức Thắng,xã An Đồng,

15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của

huyện An Dương,TP Hải Phòng

Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

(Biểu 2.41)

(Dùng cho hình thức kế toán chứng từ ghi sổ)

Năm 2012

Tên tài khoản:Chi phí tài chính

Số hiệu:635

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SH TK ĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			<b>Số dư đầu kỳ</b>		-	-
			.....			
31/11	0411	31/11	Trả lãi tiền vay ngoài T11	111	74.369.008	
31/12	0412	31/12	Trả lãi tiền vay ngoài T12	111	40.500.000	
			.....			
31/12	4012	31/12	Kết chuyển chi phí tài chính XĐKQKD	911		12.304.805.162
			<b>Cộng số phát sinh</b>		12.304.805.162	12.304.805.162
			<b>Số dư cuối kỳ</b>		-	-

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Người lập biểu**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

### **2.2.6. Kế toán thu nhập khác, chi phí khác**

#### **\* Nội dung của thu nhập khác và chi phí khác**

Thu nhập khác là các khoản thu nằm ngoài các khoản thu trên. Tại công ty các khoản thu khác phát sinh không nhiều chủ yếu là từ thanh lý nhượng bán tài sản.

Chi phí khác là những khoản chi không thuộc hoạt động sản xuất kinh doanh hay hoạt động tài chính. Cũng giống như chi phí khác chi phí khác của công ty cũng chỉ là một con số nhỏ chủ yếu là chi phí nhượng bán thanh lý TSCĐ, giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý.

#### **\* Chứng từ và tài khoản sử dụng.**

❖ Chứng từ sử dụng.

- Biên bản thanh lý TSCĐ

- Phiếu kế toán

❖ Tài khoản sử dụng.

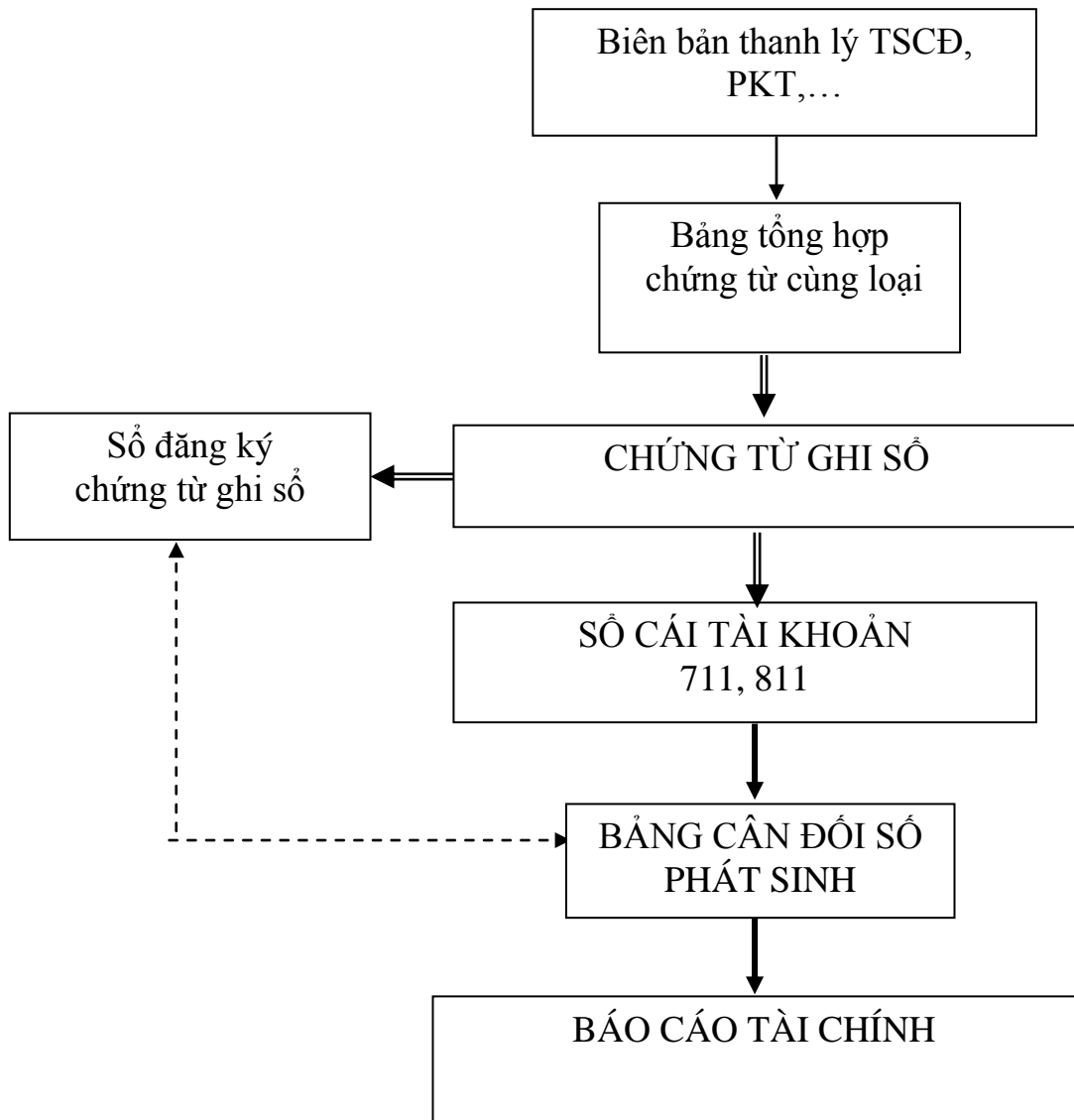
- TK 711 – Thu nhập khác

- TK 811 – Chi phí khác

#### **\* Quy trình hạch toán thu nhập khác và chi phí khác tại Công ty cổ phần vật tư máy tàu thủy An Phú.**

*Quy trình hạch toán thu nhập khác và chi phí khác tại Công ty được khái quát bằng sơ đồ:*





- Ghi hàng ngày
- ←-----→ Kiểm tra, đối chiếu
- ====→ Ghi cuối tháng
- Ghi cuối quý, năm

- Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ như phiếu kế toán, biên bản thanh lý tài sản kế toán vào bảng tổng hợp chứng từ cùng loại

- Cuối tháng kế toán căn cứ vào bảng tổng hợp chứng từ cùng loại vào chứng từ ghi sổ các nghiệp vụ phát sinh. Từ CTGS vào sổ đăng ký CTGS và sổ cái TK 711, 811

- Từ sổ cái các TK 711, 811 làm căn cứ để lập bảng cân đối số phát sinh. Từ bảng cân đối số phát sinh ta lập ra BCTC.

Trong năm 2012 công ty cổ phần vật tư máy tàu thủy An Phú không thanh

lý tài sản cố định.

**VD 10:**

**Ngày 11/12/2012 công ty thanh lý 1 máy điều hòa Panasonic, nguyên giá 12.850.000 đ, đã khấu hao 7.710.000 đ. Số tiền thu được là 2.000.000 đ (chưa bao gồm thuế VAT 10%)**

- Căn cứ vào biên bản thanh lý TSCĐ và các chứng từ liên quan kế toán lập bảng tổng hợp chứng từ cùng loại.
- Cuối tháng căn cứ vào bảng tổng hợp chứng từ cùng loại lập các CTGS có liên quan từ CTGS vào sổ đăng ký CTGS và sổ cái TK 811
- Số tiền thu được từ thanh lý kế toán lập phiếu thu, từ đó làm căn cứ ghi bảng tổng hợp chứng từ cùng loại. Từ bảng tổng hợp các chứng từ cùng loại lập các chứng từ ghi sổ có liên quan và lập sổ cái TK 711
- Cuối quý căn cứ vào sổ cái TK 711, 811 lập bảng cân đối số phát sinh và BCTC.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

-----oOo--

-----

**BIÊN BẢN THANH LÝ NHƯỢNG BÁN TSCĐ**

Ngày 11 tháng 12 năm 2012

Căn cứ vào quyết định số 88 ngày 11 tháng 12 năm 2012 của giám đốc công ty CP vật tư máy tàu thủy An Phú về việc thanh lý TSCĐ

**I/ Ban thanh lý TSCĐ gồm:**

\* Bên thanh lý (bên A)

Ông : Nguyễn Văn Hào

Chức vụ : phụ trách vật tư

- Trưởng ban

Bà : Nguyễn Thị Thuân

Chức vụ : Kế toán

- Ủy viên

\* Bên mua (bên B)

Ông : Trần Văn Dương

Chức vụ : trưởng phòng kinh doanh

- Trưởng ban

Ông : Nguyễn Quốc Đạt

Chức vụ : Kỹ sư

- Ủy viên

**II/ Tiến hành thanh lý như sau**

Tên, quy cách TSCĐ :

Máy điều hòa nhiệt độ Panasonic

Nước sản xuất :

Nhật Bản

Năm sản xuất:

2009

Năm đưa vào sử dụng

2010

Số thẻ TSCĐ : 054

Thời gian sử dụng

5 năm

Giá trị hao mòn đã trích đến thời điểm này là: **7.710.000 đ**

Giá trị còn lại là: 5.140.000

**III/ Kết luận của ban thanh lý TSCĐ:** Máy điều hòa vẫn hoạt động bình thường

Ngày 11 tháng 12 năm 2012

**Trưởng ban**

(ký, họ tên)

**IV/ Kết quả thanh lý TSCĐ**

- Giá trị thu hồi bằng tiền mặt : 2.200.000

- Đã ghi giảm sổ TSCĐ 054 ngày 12/08/2012 Đình chỉ sử dụng

Ngày 11 tháng 12 năm 2012

Đại diện (Bên A)

Đại diện (Bên B)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

**(Biểu 2.42)**

Đơn vị: CTCP vật tư máy tàu thủy An Phú

Mẫu số S02a-DN

Địa chỉ: Số 512 Tôn Đức Thắng, xã An Đồng,  
huyện An Dương, TP Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**CHỨNG TỪ GHI SỔ**

Số 3912

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
- Khấu hao TSCĐ đã thanh lý	214	211	7.710.000	
- Chi phí thanh lý TSCĐ	811	211	5.140.000	
Cộng	x	x	12.850.000	X

Kèm theo.....chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

(Biểu 2.43)

(ký, họ tên)

(Biểu 2.44)

Đơn vị: CTCP vật tư máy tàu thủy An Phú

Mẫu số S02c1-DN(Ban hành theo QĐ số

Địa chỉ: Số 512 Tôn Đức Thắng,xã An Đồng,

15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ

huyện An Dương,TP Hải Phòng

trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

(Dùng cho hình thức kế toán chứng từ ghi sổ)

Năm 2012

Tên tài khoản: Chi phí khác

Số hiệu: 811

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số phát sinh			
...		...	...	...	...	...
31/12	3812	31/12	Thanh lý TSCĐ	211	5.140.000	
31/12	4112	31/12	K/C chi phí khác xđ KQKD	911		25.830.541
			Cộng phát sinh		25.830.541	25.830.541

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Người lập biểu**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**Giám đốc**

(Ký, ghi rõ họ tên)

Đơn vị: CTCP vật tư máy tàu thủy An Phú

**Mẫu số 01**

Địa chỉ: Số 512 Tôn Đức Thắng, xã An

Ban hành theo QĐ số :15/2006/QĐ-BTC

Đông, huyện An Dương, TP Hải Phòng

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

**PHIẾU THU**

Ngày 11 tháng 12 năm 2012

Số 012/12

Họ tên người nộp tiền : Nguyễn Thị Thuần  
Địa chỉ : Phòng tài chính – kế toán  
Về khoản : Thu từ thanh lý máy điều hòa Panasonic  
Số tiền : 2.200.000 đồng  
Số tiền viết bằng chữ: : Hai triệu hai trăm nghìn đồng  
Kèm theo : 1 chứng từ gốc  
Đã nhận đủ số tiền: Hai triệu hai trăm nghìn đồng

Ngày 11 tháng 12 năm 2012

<b>Giám đốc</b>	<b>Kế toán</b>	<b>Người nộp</b>	<b>Người lập biểu</b>	<b>Thủ quỹ</b>
(ký, họ tên)	<b>trưởng</b>	<b>tiền</b>	(ký, họ tên)	(ký, họ tên)
	(ký, họ tên)	(ký, họ tên)		

(Biểu 2.45)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ MÁY TÀU THỦY AN PHÚ

(Biểu 2.46)

**BẢNG TỔNG HỢP CHỨNG TỪ CÙNG LOẠI**

Ghi nợ tài khoản 111

Số chứng từ 0512

Tháng 12 năm 2012

Ngày	Số CT	Diễn giải	Tiền trong CT		Ghi có các tài khoản					
					112	131	3331	511	711	...
...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...
08/12	PT007/12	Rút ngân hàng về nhập quỹ tiền mặt	250.743.000	250.743.000						
...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...
11/12	PT012/12	Thanh lý máy điều hòa	2.200.000				200.000		2.000.000	
19/12	PT018/12	Thu nợ khách hàng	2.568.023		2.568.023					
20/12	PT020/12	Công ty TNHH Đại Sơn mua hàng trả bằng tiền mặt					1.200.000	12.000.000		
...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...
		Cộng	3.485.369.447	2.169.750.000	18.000.000	2.600.000	26.000.000	2.000.000		
		Người ghi sổ (ký,họ tên)		Kế toán trưởng (ký,họ tên)			Giám đốc (ký,họ tên,đóng dấu)			

Đơn vị: Công ty CP vật tư máy tàu thủy An Phú

Mẫu số S02a-DN

Địa chỉ: Số 512 Tôn Đức Thắng, xã An Đồng,  
huyện An Dương, TP Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**CHỨNG TỪ GHI SỔ**

Số 0512

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
...	...	...	...	
- Thu bán hàng bằng tiền mặt	111	511	26.000.000	
- Bán hàng thu tiền thuế GTGT	111	333	2.600.000	
- Rút ngân hàng về nhập quỹ tiền mặt	111	112	2.169.750.000	
- Thu nợ khách hàng bằng tiền mặt	111	131	18.000.000	
- Thu nhập khác bằng tiền mặt	111	711	2.000.000	
.....	...	...	...	
<b>Cộng</b>	<b>x</b>	<b>x</b>	<b>3.485.369.447</b>	<b>X</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Kèm theo.....chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ  
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(ký, họ tên)

(Biểu 2.47)

Cuối tháng căn cứ vào CTGS kế toán vào sổ đăng ký CTGS



Đơn vị: CTCP vật tư máy tàu thủy An Phú

Mẫu số S02c1-DN(Ban hành theo QĐ số

Địa chỉ: Số 512 Tôn Đức Thắng, xã An Đồng,  
huyện An Dương, TP Hải Phòng

15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ  
trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

(Dùng cho hình thức kế toán chứng từ ghi sổ)

Năm 2012

Tên tài khoản: Thu nhập khác

Số hiệu: 711

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	C ó
			Số phát sinh			
...		...	...	...	...	...
31/12	0512	31/12	Thu nhập khác bằng tiền	111		2.000.000
31/12	4012	31/12	K/C thu nhập khác XĐKQKD	911	22.857.655	
			Cộng phát sinh		22.857.655	22.857.655

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Người lập biểu**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**Giám đốc**

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Biểu 2.48)

### 2.2.7. Kế toán xác định kết quả kinh doanh

#### \* Nội dung của xác định kết quả kinh doanh

Cuối kỳ kế toán thực hiện khai báo các bút toán kết chuyển doanh thu thuần, doanh thu hoạt động tài chính, giá vốn, chi phí tài chính, chi phí quản lý doanh nghiệp, thu nhập khác, chi phí khác sang Tài khoản 911. Kế toán xác định chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp sau đó kết chuyển lãi sau thuế.

#### \* Phương pháp xác định kết quả kinh doanh

Cuối tháng, kế toán tổng hợp thực hiện các bút toán kết chuyển các tài khoản liên quan trên phiếu kế toán ( PKT).

Kết quả hoạt động kinh doanh được xác định như sau:

$$\mathbf{KQKD = DTT - CP + LNHDTC + LNHD\ khác}$$

Trong đó: **Chi phí** là chi phí giá vốn, chi phí BH và chi phí quản lý DN

**LNHD tài chính:** là số chênh lệch giữa doanh thu tài chính (515) và chi phí tài chính (635).

**LN hoạt động khác:** Là số chênh lệch giữa thu nhập khác (711) và chi phí khác ( 811)

#### \* Chứng từ và tài khoản sử dụng

❖ Chứng từ sử dụng

- Phiếu kế toán

❖ Tài khoản sử dụng

- TK 911 -Xác định kq kinh doanh

- TK 421 - LN chưa phân phối.

- TK 821 – Chi phí thuế TNDN

Và các tài khoản có liên quan.

**Ngày 31/12 Kế toán xác định kết quả kinh doanh năm 2012**

Bút toán kết chuyển được thực hiện lần lượt qua các phiếu kế toán 289 - kết chuyển doanh thu, phiếu kế toán số 290 - kết chuyển chi phí, giá vốn, từ phiếu kế toán số 289, 290 kế toán làm căn cứ lập Chứng từ ghi sổ, sổ cái TK 911.

**Đơn vị: Công ty cổ phần vật tư máy tàu thủy An Phú**

**Địa chỉ: Số 512 Tôn Đức Thắng, xã An Đông,**

**huyện An Dương, TP Hải Phòng**

**PHIẾU KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Số hiệu: 289

Nội dung	TK	Vụ việc	PS nợ	PS có
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	511		55.626.954.500	
Doanh thu hoạt động tài chính	515		20.539.558	
Thu nhập khác	711		22.857.655	
Kết chuyển doanh thu xác định kết quả kinh doanh	911			55.670.351.713
<b>CỘNG TỔNG</b>			<b>55.670.351.713</b>	<b>55.670.351.713</b>

Bằng chữ: Năm mươi lăm tỷ sáu trăm bảy mươi triệu ba trăm năm mươi một nghìn bảy trăm mười ba đồng.

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

(Biểu 2.49)

Đơn vị: CTCP vật tư máy tàu thủy An Phú

Mẫu số S02a - DN

Địa chỉ: Số 512 Tôn Đức Thắng, xã An Đông, huyện

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-

An Dương, TP Hải Phòng

BTC ngày 20/03/2006 của

Bộ trưởng BTC)

**CHỨNG TỪ GHI SỔ**

Số 4012

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Kèm theo.....chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
	-Kết chuyển doanh thu hàng bán	511		
-Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515	911	20.539.558	
	711	911	22.857.655	
-Kc doanh thu khác				
Cộng	x	x	55.670.351.713	X

(Biểu 2.50)

Đơn vị: Công ty cổ phần vật tư máy tàu thủy An Phú

Địa chỉ: Số 512 Tôn Đức Thắng, xã An Đồng,  
huyện An Dương, TP Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Số hiệu: 290

Nội dung	TK	Vụ việc	PS nợ	PS có
Giá vốn hàng bán	632			41.593.317.999
Chi phí tài chính	635			12.304.805.162
Chi phí bán hàng	641			250.216.183
Chi phí quản lý doanh nghiệp	642			1.280.393.022
Chi phí khác	811			25.830.541
Chi phí thuế TNDN	821			53.947.022
Lợi nhuận sau thuế	421			161.841.784
Kết chuyển doanh thu xác định kết quả kinh doanh	911		55.670.351.713	
<b>CỘNG TỔNG</b>			<b>55.670.351.713</b>	<b>55.670.351.713</b>

Bằng chữ: Năm mươi lăm tỷ sáu trăm bảy mươi triệu ba trăm năm mươi một nghìn bảy trăm mười ba đồng.

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Người lập biểu  
(Ký, họ tên)

(Biểu 2.51)

Đơn vị: CTCP vật tư máy tàu thủy An

Mẫu số S02a - DN

Phú

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-

Địa chỉ: Số 512 Tôn Đức Thắng, xã An

BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng

Đồng, huyện An Dương, TP Hải Phòng

BTC)

### CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số 4112

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
-Kết chuyển giá vốn hàng bán	911	632	41.593.317.999	
-Kết chuyển chi phí tài chính	911	635	12.304.805.162	
-Kết chuyển chi phí bán hàng	911	641	250.216.183	
-Kết chuyển chi phí QLDN	911	642	1.280.393.022	
-Kết chuyển chi phí khác	911	811	25.830.541	
-Kết chuyển chi phí thuế	911	821	53.947.022	
TNDN	911	421	161.841.784	
-Kết chuyển LNST				
Cộng	x	x	55.670.351.713	X

Kèm theo.....chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

(ký,họ tên)

(ký,họ tên)

(Biểu 2.52)

Đơn vị: CTCP vật tư máy tàu thủy An Phú

Mẫu số S02c1-DN(Ban hành theo QĐ số

Địa chỉ: Số 512 Tôn Đức Thắng, xã An  
Đông, huyện An Dương, TP Hải Phòng

15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ  
trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

(Dùng cho hình thức kế toán chứng từ ghi sổ)

Năm 2012

Tên tài khoản: Xác định kết quả kinh doanh

Số hiệu: 911

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK		Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng		ĐƯ	Nợ	Có	
<b>SPS</b>							
31/12	4012	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán	632	41.593.317.999		
31/12	4012	31/12	Kết chuyển chi phí tài chính	635	12.304.805.162		
31/12	4012	31/12	Kết chuyển chi phí bán hàng	641	250.216.183		
31/12	4012	31/12	Kết chuyển chi phí QLDN	642	1.280.393.022		
31/12	4012	31/12	Kết chuyển chi phí khác	811	25.830.541		
31/12	4012	31/12	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	821	53.947.022		
31/12	4012	31/12	Kết chuyển LNST	421	161.841.784		
31/12	4112	31/12	Kết chuyển doanh thu hàng bán	511			55.626.954.500
31/12	4112	31/12	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515			20.539.558
31/12	4112	31/12	Kc thu nhập khác	711			22.857.655
			<b>Cộng SPS</b>		<b>55.670.351.713</b>	<b>55.670.351.713</b>	

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Người lập biểu**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

(Biểu 2.53)

**Đơn vị: Công ty cổ phần vật tư máy tàu thủy An Phú**

Địa chỉ: Số 512 Tôn Đức Thắng, xã An Đồng,  
huyện An Dương, TP Hải Phòng

## SỔ ĐĂNG KÝ CHỨNG TỪ GHI SỔ

Năm 2012

Chứng từ ghi sổ			Chứng từ ghi sổ		Số tiền
Số hiệu	Ngày tháng	Số tiền	Số hiệu	Ngày tháng	
...	...	...	3212	31/12	284.061.000
0412	31/12	3.308.268.343	...	...	...
0512	31/12	3.485.369.447	3412	31/12	14.325.825
0612	31/12	4.657.134.554	...	...	...
0712	31/12	4.128.554.697	3812	31/12	4.916.264.438
0812	31/12	3.574.893.040	3912	31/12	12.850.000
0912	31/12	3.025.635.256	4012	31/12	55.670.351.713
...	...	...	4112	31/12	55.670.351.713
Cộng			Cộng		539.687.615.424

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Giám đốc  
(Ký, họ tên)

(Biểu 2.54)



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
**NĂM 2012**

(biểu 2.55)

Người nộp thuế: CTCP vật tư máy tàu thủy An Phú

Mã số thuế: 0200576908

Địa chỉ trụ sở: 512 Tôn Đức Thắng - An Đồng - An Dương - HP

Điện thoại: 084-31.3857020

Fax: 084.31.3839909

Email

AnPhumaythuy@gmail.com

STT	Chỉ tiêu	Mã	Thuyết minh	số năm nay	số năm trước
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	55,760,350,838	52,804,235,584
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		133,396,338	1,156,446,707
<b>3</b>	<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)</b>	10		<b>55,626,954,500</b>	<b>51,647,788,877</b>
4	Giá vốn hàng bán	11	VI.27	41,593,317,999	31,903,820,775
<b>5</b>	<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)</b>	20		<b>14,033,636,501</b>	<b>19,743,968,102</b>
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26	20,539,558	14,724,487
7	Chi phí tài chính	22	VI.28	12,304,805,162	17,777,989,550
	- trong đó: chi phí lãi vay	23		12,304,805,162	17,777,989,550
8	Chi phí bán hàng	24		250,216,183	300,863,000
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		1,280,393,022	1,658,231,931
<b>10</b>	<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))</b>	30		<b>218,761,692</b>	<b>21,608,108</b>
11	Thu nhập khác	31		22,857,655	430,067,200
12	Chi phí khác	32		25,830,541	
<b>13</b>	<b>Lợi nhuận khác (40=31-32)</b>	40		<b>(2,972,886)</b>	<b>430,067,200</b>
<b>14</b>	<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)</b>	50		<b>215,788,806</b>	<b>451,675,308</b>
15	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.30	53,947,022	112,918,827
16	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.30		
<b>17</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)</b>	60		<b>161,841,784</b>	<b>338,756,481</b>
18	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70			

Lập ngày 20 tháng 02 năm 2013

Người lập phiếu  
(ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng  
(ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc  
(ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

## **CHƯƠNG III**

# **MỘT SỐ Ý KIẾN ĐỀ XUẤT NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ MÁY TÀU THỦY AN PHÚ**

### **3.1. Đánh giá chung về tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần vật tư máy tàu thủy An Phú**

Qua quá trình thực tập và tìm hiểu về Công ty cổ phần vật tư máy tàu thủy An Phú, được tiếp nhận với thực tế công tác kế toán nói chung và công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng cùng với sự giúp đỡ của các nhân viên phòng kế toán, em đã có điều kiện làm quen với thực tế và áp dụng, củng cố những kiến thức đã học tại nhà trường. Qua đó, em xin mạnh dạn đưa ra một số ý kiến nhận xét và giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần vật tư máy tàu thủy An Phú.

#### **3.1.1. Ưu điểm**

##### **\* Về bộ máy kế toán**

- Với đặc điểm là phòng kế toán có ít nhân viên và mỗi người có chức năng nhiệm vụ do đó công việc tổ chức kế toán nói chung và tổ chức doanh thu nói riêng công việc sẽ diễn ra theo một trình tự có tính thống nhất cao hơn, việc tập hợp số liệu kế toán cũng sẽ đảm bảo chính xác hơn. Sau khi đã có những số liệu tổng hợp do những nhân viên kế toán cung cấp, kế toán trưởng sẽ tập hợp và tính toán kết quả cuối cùng nó sẽ đảm bảo tính khoa học trong công việc. Bộ máy kế toán của công ty chủ yếu là những đội ngũ nhân viên làm việc lâu năm, có kinh nghiệm, trình độ chuyên môn trong công tác kế toán nên hiệu quả công việc cao, đảm bảo được nhiệm vụ, yêu cầu của nhà quản lý.

- Bộ máy kế toán của Công ty được tổ chức có hệ thống, có kế hoạch, có sự phối hợp chặt chẽ, được chỉ đạo thống nhất từ trên xuống dưới, công

việc được thực hiện thường xuyên, liên tục, các báo cáo kế toán được lập nhanh chóng, đảm bảo cho việc cung cấp thông tin đầy đủ, kịp thời, chính xác, phục vụ cho công tác quản lý của Công ty.

**\* Về việc vận dụng hệ thống tài khoản, chứng từ và sổ sách kế toán.**

- Công ty áp dụng hệ thống tài khoản ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính. Bên cạnh đó Công ty cũng mở theo dõi chi tiết cho một số tài khoản theo đối tượng, tạo điều kiện thuận lợi cho việc thống kê, theo dõi, kiểm tra và đối chiếu.

- Các chứng từ sử dụng cho hạch toán ban đầu đều phù hợp với yêu cầu kinh tế và pháp lý của nghiệp vụ kinh tế phát sinh, đúng với mẫu do Bộ tài chính quy định.

- Những thông tin về các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều được ghi chép một cách đầy đủ, chính xác vào chứng từ. Các chứng từ đều có chữ ký xác nhận của các bên liên quan, tạo điều kiện cho việc kiểm tra, đối chiếu giữa số liệu thực tế phát sinh với số liệu trên sổ kế toán.

- Chứng từ sau khi được sử dụng cho việc hạch toán đều được lưu trữ cẩn thận theo từng bộ, từng khoản mục, trình tự thời gian, tạo điều kiện kiểm tra đối chiếu khi cần thiết.

- Sổ sách mà công ty áp dụng để tập hợp ghi chép số liệu của quá trình hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động là hợp lý vì nó vừa đảm bảo tính chính xác khoa học đồng thời nó đảm bảo tính đơn giản dễ dàng cho việc theo dõi kiểm tra đối chiếu khi cần.

**\*Về hình thức kế toán:**

Công ty hiện nay đang áp dụng hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ trên bảng tính excel. Việc áp dụng hình thức CTGS là hoàn toàn phù hợp với đặc điểm kinh doanh của công ty thương mại. Tổ chức hệ thống sổ sách và luân chuyển sổ kế toán hợp lý, gọn nhẹ, khoa học nhờ vậy hạch toán kế toán và báo cáo kế toán thực hiện có nề nếp, quản lý khá chặt chẽ .

**\*Về công tác kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh**

- Về việc tổ chức kế toán doanh thu: Mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh về bán hàng và cung cấp dịch vụ đều được kế toán ghi nhận doanh thu một cách kịp thời, chính xác, doanh thu được xác định một cách hợp lý và phù hợp với điều kiện ghi nhận doanh thu. Bên cạnh đó công ty theo dõi chi tiết từng loại doanh thu, chi tiết từng mặt hàng. Như vậy sẽ giám sát được chặt chẽ tình hình ứ đọng vốn, hàng hóa và xác định được cụ thể những mặt hàng tiềm năng và mặt hàng còn hạn chế.

- Về kế toán chi phí: Các chi phí phát sinh được ghi chép một cách đầy đủ, kịp thời. Giúp công ty nắm bắt được các khoản chi hợp lý, hợp lệ nhằm điều chỉnh thu chi của doanh nghiệp.

- Về kế toán xác định kết quả kinh doanh: Công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh đã phần nào đáp ứng được yêu cầu của ban lãnh đạo công ty về việc cung cấp thông tin kịp thời, chính xác về tình hình kinh doanh của công ty.

**3.1.2. Nhược điểm**

Bên cạnh những ưu điểm kể trên mà bộ máy kế toán công ty đã đạt được thì vẫn còn những bất cập mà kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cần khắc phục.

- Bộ máy kế toán: Tuy bộ máy kế toán tại Công ty được phân công công việc tương đối rõ ràng nhưng không tránh khỏi sự phân công không đồng đều, một nhân viên kế toán đôi khi phải phụ trách nhiều công việc, điều này dễ dẫn đến những sai sót, nhầm lẫn trong quá trình làm việc.

- Công tác ghi chép sổ sách kế toán: Với tình hình kinh doanh của công ty ngày càng được mở rộng, khối lượng công việc ngày càng nhiều, công ty chưa sử dụng phần mềm kế toán còn ghi chép theo cách thủ công trên bảng tính excel, nếu nhiều nghiệp vụ phát sinh sẽ không thể ghi chép nhanh được nên dễ dẫn đến tình trạng ứ đọng công việc dễ dẫn đến những nhầm lẫn, sai sót làm giảm hiệu quả công việc, đồng thời làm tăng gánh nặng công việc của kế toán.

- Hiện nay công ty chưa có chính sách ưu đãi trong kinh doanh. Đó là việc cho khách hàng hưởng các khoản chiết khấu thương mại, chiết khấu thanh toán. Thực tế cho thấy rằng các chính sách ưu đãi trong kinh doanh là một trong những biện pháp kích thích được nhu cầu khách hàng, thu hút khách hàng, nâng cao năng lực cạnh tranh của công ty, đẩy tăng doanh số tiêu thụ, nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh.

### **3.2. Một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của Công ty cổ phần vật tư máy tàu thủy An Phú.**

#### **\* Sự cần thiết của việc hoàn thiện**

Kế toán là một bộ phận cấu thành của công cụ quản lý kinh tế tài chính, có vai trò tích cực trong việc quản lý, điều hành và kiểm soát các hoạt động kinh tế, căn cứ vào các số liệu kế toán cung cấp để các nhà quản lý có thể lập và kiểm tra kế hoạch sản xuất kinh doanh. Đồng thời trên cơ sở phân tích các số liệu kế toán mà các nhà quản trị có thể đưa ra biện pháp và phương hướng kinh doanh nhằm đạt được hiệu quả kinh doanh cao nhất.

Đối với một doanh nghiệp chủ yếu là thương mại với chức năng là lưu thông hàng hoá mà công tác kế toán doanh thu, chi phí lại ảnh hưởng trực tiếp đến lợi nhuận, kết quả kinh doanh trong một thời kỳ của doanh nghiệp. Vì vậy, kế toán doanh thu, chi phí chiếm một tỷ trọng lớn trong công tác kế toán của doanh nghiệp. Chúng đòi hỏi phải có sự quản lý chặt chẽ các yếu tố: giá vốn, quá trình thanh toán, thu hồi công nợ và các khoản chi phí có liên quan. Điều này giúp cho việc hạch toán kết quả kinh doanh được chính xác, tiết kiệm được chi phí, tăng vòng quay vốn, thực hiện tốt các nghĩa vụ với nhà nước.

Ngày nay khi chuyển sang nền kinh tế thị trường, nó đòi hỏi các doanh nghiệp phải cung cấp các thông tin về tình hình tài chính của mình phải kịp thời, trung thực và đầy đủ đối với các đối tác, ngân hàng và các cơ quan nhà nước. Để làm được điều đó thì công ty phải có một mô hình bộ máy kế toán hợp lý, các nhân viên với trình độ chuyên môn giỏi...Điều đó

chính là một đòi hỏi khách quan cho việc hoàn thiện kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh nói riêng.

Từ những hạn chế nêu trên và dựa trên những kiến thức em đã được tích lũy qua quá trình học tập của mình, em xin mạnh dạn đưa ra một số ý kiến đóng góp với mong muốn công tác tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh ngày càng được hoàn thiện hơn, đáp ứng tốt hơn nữa yêu cầu quản lý.

#### **\* Nguyên tắc của việc hoàn thiện**

- Tổ chức bộ máy kế toán gọn nhẹ, khoa học sao cho phù hợp với đặc điểm, tính chất, ngành nghề, lĩnh vực kinh doanh của Công ty.

- Cần phải kết hợp giữa bộ phận kế toán tài chính và kế toán quản trị trong việc đưa ra các phương hướng hoàn thiện.

- Biện pháp đưa ra hoàn thiện phải có tính khả thi, tức là chi phí bỏ ra cho công việc hoàn thiện phải tương xứng với lợi ích mà chúng đem lại cho doanh nghiệp.

- Hoàn thiện phải dựa trên cơ sở tôn trọng luật pháp, các chế độ tài chính chuẩn mực kế toán mà Nhà nước và Bộ Tài Chính đã ban hành.

- Tiếp cận các chuẩn mực kế toán quốc tế, áp dụng phù hợp với tình hình thực tế của Công ty.

- Tiến hành chỉ đạo thống nhất từ Ban lãnh đạo đến các phòng ban, có sự phối hợp chặt chẽ giữa các phòng ban với phòng ban của Công ty nhằm đảm bảo sự xuyên suốt, hợp lý.

Việc hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh mang lại ý nghĩa vô cùng quan trọng đối với doanh nghiệp:

+ Đối với công tác quản lý, hoàn thiện nghiệp vụ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh sẽ giúp cho các đơn vị quản lý chặt chẽ hơn hoạt động tiêu thụ hàng hóa, việc sử dụng các khoản chi phí. Từ đó doanh nghiệp có những biện pháp thúc đẩy quá trình tiêu thụ sản phẩm nâng cao doanh thu cho doanh nghiệp, xác định đúng đắn kết quả kinh

doanh, phân phối thu nhập một cách chính xác và hợp lý, kích thích người lao động làm việc thực hiện đúng các nghĩa vụ đối với nhà nước.

+ Đối với công tác kế toán, hoàn thiện quá trình hạch toán nghiệp vụ kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh sẽ cung cấp tài liệu chính xác, tin cậy giúp cho các nhà quản lý đánh giá chính xác tình hình hoạt động kinh doanh của công ty. Thông qua số liệu mà kế toán phản ánh sẽ thấy được những thuận lợi, khó khăn của doanh nghiệp, từ đó các nhà quản lý sẽ đưa ra những biện pháp kịp thời để giải quyết những khó khăn và phát huy những thuận lợi nhằm mục đích đưa doanh nghiệp ngày càng tiến xa hơn trên con đường kinh doanh của mình.

**\* Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của công ty cổ phần vật tư máy tàu thủy An Phú.**

**Kiến nghị một: Về tổ chức bộ máy kế toán và công tác ghi chép sổ sách.**

- Bộ máy kế toán: Để đáp ứng những đòi hỏi về chuyên môn, nghiệp vụ cũng như trình độ kế toán của các kế toán viên trong công ty nhằm làm cho bộ máy kế toán được hoàn thiện góp phần nâng cao hiệu quả làm việc trong bộ máy kế toán nói riêng và nâng cao hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp nói chung, công ty cần hoàn thiện tổ chức bộ máy kế toán và hạch toán kế toán.

- Hoàn thiện tổ chức bộ máy kế toán đầu tiên phải nâng cao trình độ của các nhân viên kế toán bằng việc công ty có thể tổ chức cho các kế toán viên tham gia các khoá học để bồi dưỡng, nâng cao nghiệp vụ. Làm tốt công tác đào tạo chuyên môn, nâng cao nghiệp vụ sẽ giúp cho các nhân viên kế toán vững tin vào tay nghề chuyên môn của mình.

- Ngoài ra việc phân công công việc có thể điều chỉnh lại để giảm bớt gánh nặng cho kế toán, tránh một người làm quá nhiều việc.

- Công tác ghi chép sổ sách: Hiện nay công nghệ thông tin ngày một phát triển, việc áp dụng công nghệ thông tin vào quản lý tài chính kế toán là

điều mà các cơ quan nhà nước và các doanh nghiệp thực sự quan tâm. Việc áp dụng phần mềm kế toán tại doanh nghiệp thể hiện bước tiến mới không chỉ cho các ngành kinh doanh nói riêng mà nó còn khẳng định bước nhảy vọt của nền kinh tế nước ta nói chung.

Công ty vẫn sử dụng việc tính toán và hạch toán thủ công trên excel, với khối lượng công việc và ứng dụng công nghệ đang được mở rộng trên thị trường đòi hỏi công ty nên áp dụng phần mềm kế toán vào công việc hàng ngày để mọi sổ sách kế toán đều lưu trữ trên máy vi tính, và các kế toán phụ trách từng mảng kế toán phản ánh chính xác các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, đồng thời thao tác kế toán được nhanh chóng và chính xác hơn. Có như vậy, kế toán tổng hợp mới có thể lập được báo cáo trung thực và phản ánh chính xác tình hình tài chính của

công ty. Đồng thời giúp cho Ban giám đốc công ty luôn nắm bắt được tình hình

tài chính của công ty một cách nhanh chóng và thuận tiện.

Hiện tại phòng kế toán của công ty đã được trang bị đầy đủ máy vi tính, phục vụ cho công tác kế toán, điều đó tạo điều kiện thuận lợi để ứng dụng phần mềm kế toán vào công tác hạch toán từ đó giảm bớt công việc kiểm tra, đối chiếu số liệu mang lại hiệu quả thiết thực cho doanh nghiệp. Ngoài việc mua một phần mềm kế toán phục vụ cho hoạt động kế toán trong doanh nghiệp công ty cũng có thể đặt phần mềm theo quy trình hoạt động của công ty, nhằm làm cho kế toán viên thích ứng được nhanh chóng với quy trình hoạt động của phần mềm. Mặt khác công ty nên mời chuyên gia về hướng dẫn và đào tạo cho các nhân viên kế toán sử dụng thông thạo phần mềm tránh tình trạng nhầm lẫn hoặc sai sót xảy ra.

Việc ứng dụng phần mềm vào quản lý giúp giảm bớt khối lượng công việc ghi chép của kế toán mà vẫn đảm bảo tính kịp thời, chính xác, đầy đủ, dễ tìm, dễ thấy và cho phép người sử dụng in ra các sổ sách, báo cáo và thông tin tài chính bất cứ khi nào theo yêu cầu kịp thời phục vụ cho công tác quản lý. Tiết kiệm được thời gian, chi phí và hầu hết các phần mềm kế



toán đều có khả năng phát triển theo tốc độ tăng trưởng của công ty. Ngoài ra còn giảm bớt được sức lao động và khối lượng công việc cho nhân viên kế toán, tiết kiệm thời gian, chi phí góp phần hiện đại hóa bộ máy kế toán của công ty. Hệ thống sổ sách được thiết lập một cách khoa học, đầy đủ và chính xác. Tạo niềm tin vào các báo cáo tài chính mà công ty cung cấp cho các đối tượng bên ngoài.

Hiện nay trên thị trường có một số phần mềm: phần mềm 3S Accounting 7.5, SMART, VACOM,.. Công ty có thể tham khảo để ứng dụng phiên bản mới này.

### **Kiến nghị hai: Về việc áp dụng chính sách ưu đãi.**

Là công ty kinh doanh thương mại đang trên đà phát triển công ty cũng nên chú trọng đến các biện pháp nhằm thu hút khách hàng. Trong tình hình thị trường cạnh tranh gay gắt, nhiều bất ổn, giá cả mặt hàng không ngừng biến động vì vậy để tồn tại và phát triển ngày càng vững mạnh công ty nên có những chính sách chiết khấu cho những khách hàng lớn, quen thuộc, khách hàng mua hàng với số lượng lớn.

**Chiết khấu thương mại** là khoản tiền mà doanh nghiệp đã giảm trừ cho người mua hàng với khối lượng lớn theo thỏa thuận về CKTM đã ghi trên hợp đồng kinh tế, hợp đồng mua bán hoặc các cam kết mua bán hàng.

Công ty nên xây dựng căn cứ để xác định mức chiết khấu thương mại cho khách hàng:

- Tùy theo giá trị của lô hàng, công ty có thể áp dụng mức chiết khấu trên giá trị lô hàng bán cho phù hợp.

- Căn cứ vào các chính sách ưu đãi mà doanh nghiệp đã xây dựng.

- Căn cứ vào các chính sách ưu đãi của các doanh nghiệp cùng loại trên thị trường nhằm xác định mức chiết khấu phù hợp với khách hàng.

Công ty có thể áp dụng chính sách chiết khấu thương mại trong các trường hợp sau:

- + CK trong hóa đơn: Trường hợp người mua hàng với khối lượng

lớn được hưởng chiết khấu thương mại thì giá bán phản ánh trên hóa đơn là giá đã giảm giá (đã trừ CKTM) thì khoản chiết khấu thương mại này không được hạch toán vào TK 521. Doanh thu bán hàng phản ánh theo giá đã trừ chiết khấu thương mại.

+ CK ngoài hóa đơn: Trường hợp người mua hàng nhiều lần mới đạt được lượng hàng mua được hưởng chiết khấu thương mại thì khoản CKTM này được ghi giảm trừ vào giá bán trên hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng lần cuối

cùng. Trường hợp khách hàng không tiếp tục mua hàng hoặc khi số chiết khấu thương mại người mua được hưởng lớn hơn số tiền bán hàng được ghi trên hóa đơn lần cuối cùng thì phải chi tiền CKTM cho người mua.

Kế toán sẽ hạch toán khoản chiết khấu khách hàng được hưởng vào TK 521- chiết khấu thương mại.

Nợ TK 521: khoản chiết khấu thương mại

Nợ TK 3331: thuế GTGT đầu ra

Có TK 111,112,131:

Cuối kì kế toán kết chuyển số tiền cho khách hàng sang TK 511

Nợ TK 511: doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Có TK 521: chiết khấu thương mại khách hàng được hưởng

#### **Ví dụ minh họa:**

Ngày 31/12/2012, công ty bán bạc biên cho công ty TNHH Đại Sơn số lượng 50 cái, đơn giá bán chưa có thuế GTGT 10% là 1.950.000đ/cái. Do công ty TNHH Đại Sơn mua với số lượng lớn hơn 35 cái nên công ty nên cho hưởng khoản chiết khấu thương mại. Công ty giảm giá 18.000đ/cái cho số lượng thứ 36 trở lên còn là 1.932.000đ/cái.

CT TNHH Đại Sơn được hưởng CK 15 cái.

Số tiền CT TNHH Đại Sơn được hưởng = 15 cái x 18.000đ/cái

Kê toán định khoản:

Nợ TK 521: 270.000

Nợ TK 3331: 27.000

Có TK 112: 297.000

**Chiết khấu thanh toán** cho người mua hàng là khoản tiền mà khách hàng được hưởng do khách hàng thanh toán trước hạn theo thỏa thuận khi mua để thúc đẩy khách hàng thanh toán tiền hàng sớm, tránh bị chiếm dụng vốn.

Tùy vào từng đối tượng và thời hạn thanh toán mà doanh nghiệp có thể đưa ra những mức chiết khấu khác nhau phù hợp. Thông thường tỷ lệ được hưởng từ 1% - 2% trên tổng giá thanh toán. Đối với những khách hàng trả không đúng thời hạn hợp đồng công ty có thể phạt lãi trả chậm theo lãi suất ngân hàng hiện tại, có như vậy công ty mới mau chóng thu hồi được vốn, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh. Cần luôn đảm bảo rằng lợi ích của doanh nghiệp không bị xâm phạm đồng thời cũng không mất đi các bạn hàng.

Thực hiện chiết khấu thanh toán kế toán công ty hạch toán vào tài khoản 635: chi phí tài chính.

Nợ TK 635 : chi phí tài chính ( khoản chiết khấu cho khách hàng)

Có TK 111,112,131:

Cuối kì kế toán kết chuyển TK 635 sang TK 911- xác định kết quả kinh doanh.

Nợ TK 911:

Có TK 635:

**Ví dụ minh họa:**

Ngày 28/12 CT CPTM Đức Thành mua 2 chiếc động cơ diesel, đơn giá chưa có thuế 250.000.000 đ/cái, tổng giá thanh toán là 550.000.000 đ chưa thanh toán ngay. Công ty cho hạn thanh toán trong 30 ngày từ ngày giao hàng. Công ty CPTM Đức Thành đã thanh toán sau đó 1 tuần. Công ty nên áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán cho CT CPTM Đức Thành tỷ lệ 1%.

Khoản chiết khấu Đức Thành được hưởng: = 550.000.000 x 1% = 5.500.000

Kế toán định khoản :

Nợ TK 635: 5.500.000

Có TK 131: 5.500.000

**Kiến nghị ba:** Về việc hạch toán hàng hóa hao hụt vượt định mức trong quá trình vận chuyển không nên đưa vào tài khoản 532 – giảm giá hàng bán mà theo em nên đưa vào tài khoản 811 – chi phí khác. Vì TK 532 phản ánh sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách, mà hàng hóa hao hụt vượt định mức là khoản tiền bị phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế (định mức hao hụt hàng hóa được quy định rõ trong hợp đồng)

Nợ TK 811

Có TK 111

## **KẾT LUẬN**

Khi nền kinh tế Việt nam đang chuyển mình mạnh mẽ, cơ cấu kinh tế thay đổi đòi hỏi mọi doanh nghiệp phải đặt hiệu quả lên hàng đầu khi đó mới tồn tại và phát triển cùng đất nước. Nhiệm vụ của các nhà doanh nghiệp đặt ra là với nguồn lực trong và ngoài nước họ sẽ sử dụng sao cho doanh nghiệp đó được lớn mạnh. Để phù hợp với tình hình thực tế thì công tác kế toán cũng không ngừng hoàn thiện và phát triển, góp phần quan trọng vào nâng cao chất lượng quản lý tài chính trong mỗi doanh nghiệp.

Trong kinh doanh với bất kỳ doanh nghiệp nào thì tiêu thụ luôn là khâu quan trọng quyết định sự tồn vong của doanh nghiệp. Nhà quản lý cần nắm bắt được những thông tin cần thiết của quá trình tiêu thụ và điều mà họ quan tâm nhất chính là kết cuối cùng - chỉ tiêu lợi nhuận. Do đó công tác hạch toán kế toán ở khâu tiêu thụ có vai trò rất quan trọng, cung cấp thông tin để doanh nghiệp đưa ra những hướng đi tiếp theo. Trong đó kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh giữ một nhiệm vụ rất quan trọng .

Quá trình học tập và thời gian tìm hiểu thực tế cùng với sự chỉ bảo của cán bộ nhân viên phòng kế toán tại công ty cổ phần vật tư máy tàu thủy An Phú em đã mạnh dạn đưa ra một số kiến ý kiến đóng góp để góp phần hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty CP vật tư máy tàu thủy An Phú. Đặc biệt cùng với sự giúp đỡ nhiệt tình của cô Tô Thúy Hoa đã giúp đỡ em hoàn thành chuyên đề tốt nghiệp. Với kiến thức còn nhiều hạn chế và khả năng tìm hiểu thực tế chưa cao nên bài viết của em còn nhiều thiếu sót. Kính mong nhận được sự thông cảm và đóng góp ý kiến đánh giá của các thầy cô giáo.

Cuối cùng em xin chân thành cảm ơn cô Tô Thúy Hoa và toàn thể cán bộ nhân viên kế toán của công ty CP vật tư máy tàu thủy An Phú đã giúp em hoàn thành đề tài này.

*Hải phòng , ngày 14 tháng 6 năm 2013*

*Sinh viên*

**Nguyễn Thị Thu Trang**

## **DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO**

- 1) Chế độ kế toán doanh nghiệp (Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ban hành ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng bộ tài chính) – NXB Tài chính.
- 2) Giáo trình hạch toán kế toán trong các doanh nghiệp – Trường Đại Học Kinh tế Quốc Dân năm 2006. Chủ biên PGS.TS Nguyễn Thị Đông.
- 3) Các chuẩn mực kế toán Việt Nam.
- 4) Số liệu và bảng trích tài liệu từ nguồn tài liệu phòng kế toán tài chính Công ty cổ phần vật tư máy tàu thủy An Phú.